

Tác Giả và Tác Phẩm

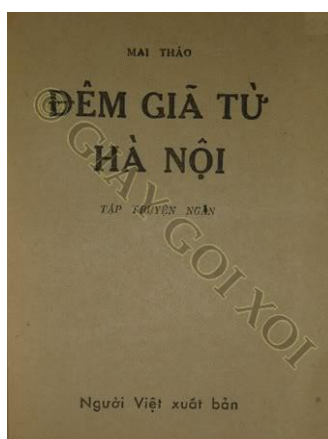
Mai Thảo (I)

Tiểu sử

Tên thật: Nguyễn Đăng Quý. Bút hiệu khác: Nguyễn Đăng.

Tác phẩm

Đêm già từ Hà Nội, Bản chúc thư trên ngọn đỉnh trời, Chuyến tàu trên sông Hồng,



Mục Lục

| |
|---|
| Trong đất trời nhau... – Thanh Tâm Tuyền – 2 |
| Đêm già từ Hà Nội – 5 |
| Em đã hoang đường từ cổ đại – Bùi Bảo Trúc – 9 |
| Bản chúc thư trên ngọn đỉnh trời – 11 |
| Gối đầu lên chữ nghĩa – Hoàng Khởi Phong – 13 |
| Chuyến tàu trên sông Hồng – 26 |
| Vài ghi nhận về Mai Thảo – Nguyễn Hưng Quốc – 29 |
| Người thầy học cũ – 36 |
| Mai Thảo và giông gió cuộc đời – Tạ Ty - 39 |
| Ngôi sao Hàn Thuyên – 44 |
| Gặp gỡ giữa hai thế hệ – Trường Vũ & Thụy Khuê – 48 |
| ”Em đã hoang đường từ cổ đại” – Bùi Bảo Trúc – 62 |

Phụ đính chùm thơ (1):

Mai Thảo với thất ngôn

(Tim bài đọc: ở “Keyboard”, nhấn nút “F5”, đánh số trang, rồi “Enter”)

Trong đất trời nhau....

Thanh Tâm Tuyên

Trong đất trời nhau mình vẫn gần.

Mai Thảo

Khu lều bạt Thăng Long, nơi tạm trú sinh viên Hà Nội di cư, nằm ngay trung tâm thành phố trên đất Khâm Lớn Sài Gòn cũ, thoáng đẹp. Sinh viên chuyển vào Đại Học Xá Minh Mạng, dù công trình xây cất chưa hoàn tất. Đặc san Lửa Việt của Hội Sinh Viên Đại Học Hà Nội, do anh Trần Thanh Hiệp làm chủ nhiệm, anh Nguyễn Sỹ Tế làm chủ bút, sau số Xuân Chuyển Hương, cũng ngưng xuất bản.

Bấy giờ là năm 1955. Di cư đã đến hồi vãn cuộc. Hà Nội khuất biệt từ tháng Mười năm trước. Sài Gòn vẫn còn xô bồ những mới mẻ, những hứa hẹn trong con mắt người di cư.

Chúng tôi - các anh Trần Thanh Hiệp, Nguyễn Sỹ Tế, Doãn Quốc Sỹ, và tôi - gặp nhau, cùng làm việc, quen dần nhau qua mấy số Lửa Việt - nơi đã in vở kịch *Trăng Chiều* của anh Tế viết khi còn ở Hà Nội, các truyện ngắn *Chàng Nhạc Sĩ*, *Gìn Vàng Giữ Ngọc* của anh Sỹ và một vài bài thơ của tôi - , đồng ý cần có tờ báo của mình để viết cho sướng tay, để may ra đóng góp được cái gì cho công cuộc chung.

Trong khi chờ anh Hiệp tìm kiếm nguồn tài trợ, chúng tôi nhận hợp tác với nhật báo Hòa Bình của anh Vũ Ngọc Các, làm trang Văn Nghệ hàng tuần cho tờ báo. Tôi được giao phó công việc *đầu bếp* lo việc sắp xếp bài vở cho trang báo vì rành thì giờ nhất và được nét chịu khó đọc. Nhờ trang báo chúng tôi gặp thêm bạn: Giao Thanh và Mai Thảo.

*

Giao Thanh, một nhà giáo bị gọi vào khoá 2 Thủ Đức, chết năm 79 hoặc 80 tại K5, trại Tân Lập, Vĩnh Phú. Những năm còn ở Sài Gòn, Sài Gòn, Anh và Chị thỉnh thoảng cùng nhau thả bộ từ nhà ở chung cư Sĩ Quan trên đường Trần Hưng Đạo gần Đồng Khánh sang nhà tôi chơi ở Bà Chiểu; năm 70, khi tôi lên Trường Võ Bị Đà Lạt, chúng tôi gần nhau hơn: anh chỉ ao ước làm sao in được tập truyện viết từ nhiều năm của anh mà không được.

Nhớ một truyện ngắn của anh gửi đến chúng tôi kể về một đôi vợ chồng trẻ di cư ở trên một nhà - thuyền, đêm thao thức, cùng nhau nỉ non tâm sự, cùng mơ ngày có căn nhà trên đất liền cho con cái ở; để tả cảnh sông nước Hậu Giang, anh cho nhân vật ra đứng trên mũi thuyền tiểu tiện xuống sông. Nhớ, sau khi đăng truyện, gặp anh Vũ Khắc Khoan đã bị trách: "mấy cậu *avant-gardiste* này nhảm quá..."

*

Mai Thảo gửi tới chúng tôi *Đêm Giã Từ Hà Nội*.

Tôi nhận được một bao thư dày cộm, không địa chỉ người gửi, trong đựng xấp bản thảo đánh máy. Bút hiệu Mai Thảo hoàn toàn xa lạ với tôi.

Liếc nhìn dòng chữ đầu tiên của bài gửi, tôi giật mình kinh ngạc:

Phượng nhìn xuống vực thẳm: Hà Nội ở dưới ấy.

Câu trích đề của truyện đột ngột khác thường. Nó không trích ra từ một tác phẩm khác đã có. Nó như tự trên trời rớt xuống, hay nói như Mai Thảo là câu "bất được của trời". Cái chiều sâu của nó làm chóng mặt.

Tưởng nên nhắc nhớ rằng ẩn dụ "vực thẳm", cứ theo chỗ tôi biết, cho đến lúc bấy giờ chưa thấy được dùng trong văn chương Việt Nam. Phải đợi vài năm sau, khi Phạm Công Thiện xuất hiện với ảnh hưởng của Nietzsche, văn từ "hố thẳm" mới tràn lan và trở thành sáo ngữ.

Đọc hết truyện thì rõ câu trích đề là một câu ở trong truyện. Phượng là tên nhân vật.

*

Đây là một truyện không cốt truyện.

Sự hấp dẫn bắt đọc là ở lời, giọng kể, ở ma lực của tiếng nói bắt lắng nghe – theo bước di chuyển của nhân vật giữa thành phố bỏ ngỏ trong đêm, sự vật ẩn hiện nổi chìm trong giấc kín

bụng triển miên của chúng - , ở sự dồn đẩy khôn người của chữ nghĩa tưởng chừng không sao dứt tạo thành những vận tiết mê mải tới chốn nhòa tắt mọi tiếng.

Gọi *Đêm Giã Từ Hà Nội* là truyện hay tùy bút đều được. Cứ theo ký ức cùng cảm thức của riêng tôi, trong và sau khi đọc, thì đó là một bài thơ. Thơ là thứ tiếng nói tàng ẩn trong quên lãng bất chợt vắng dội, đòi được nghe lại (nghĩa là đọc lại, lập lại). Người ta nghĩ đến một truyện ngắn, một bài tùy bút, một quyển tiểu thuyết đã đọc, nhưng người ta nhớ đồng thời nghe và gặp lại một câu thơ, một bài thơ.

Đêm Giã Từ Hà Nội là một bài thơ thỉnh thoảng vẫn vắng dội trong tôi mà tôi không thể nhớ toàn vẹn - tỷ như lúc này đang viết đây tôi không cách nào tìm đọc bài thơ ấy trừ cách tưởng tượng dựa vào ý ức và cảm thức còn sót đọng, trừ câu trích đề.

*

Nhớ trong buổi họp kiểm bài vở trước khi chuyển xuống nhà in, tôi đã không thể ngăn nổi mình yêu cầu các anh Hiệp, Sĩ, Tế nghe tôi đọc *Đêm Giã Từ Hà Nội* đăng trọn trong một kỳ báo, không cần lời giới thiệu. Và tôi đọc say sưa, *hùng hồn* liên hồi. Và các anh *chịu khó* ngồi nghe trên căn gác lửng tối chật của tòa báo. Anh Tế kết thúc buổi họp nói đùa "Anh làm chúng tôi mất cái thú tự mình khám phá".

Năm di cư thứ hai mươi [1974], khi viết bài *Tử Địa*, nghĩ đến những đứa con tư sinh của đất Bắc ở cả hai miền lúc ấy, tôi đã mở bài bằng câu trích đề của Anh, tuyên xưng nó là câu văn bất hủ. [Người ta có thể nghĩ tôi quá lời, sử dụng "ngoại ngôn". Nabokov còn "ngoại" hơn nhiều khi ông bảo: "Cả sự nghiệp của triều đại Sa Hoàng Đại Đế sánh không bằng nửa vần thơ của Pushkin."]

Khi từ Phú Thọ ra, ghé lại Hà Nội chờ tàu về Nam, lúc chiều tối đứng trên ga Hàng Cỏ, trông xuống phố Hàng Lọng, phố Trần Hưng Đạo sâu hoắm bóng đêm rét lạnh của một ngày cuối năm, tôi thầm nhắc thành tiếng bên tai "... *Nhìn xuống vực thăm... dưới ấy..*", câu của anh vắng ngân như là một câu thơ. [Câu văn là một câu gắn liền trong mạch văn, tách ra khỏi mạch không ít thì nhiều cũng bất toàn. Câu thơ tách ra khỏi mạch vẫn tự đầy đủ, tự lập trên cái nền thiếu vắng nó gọi nhắc].

*

Đăng bài Anh, tôi viết lời nhắn mời anh đến chơi tòa soạn. Mai Thảo đến.

Anh đi chiếc xe đạp đầm sơn trắng, đầu còn đội mũ *phốt kiểu Hà Thành Công Tử*. Yên xe đạp được nâng lên cao hết cỡ vẫn chưa vừa với tầm chân của anh. Chúng tôi rủ nhau ra quán cà phê đầu hẻm gần đấy, ngồi trên ghé thấp trên lề đường Lê Lai trông sang bờ tường rào của nhà ga Sài Gòn nói chuyện. Hồi ấy anh mới vào Nam, còn ở chung với gia đình anh Viên trong một căn phố đường Jacques Duclos, thuộc khu Tân Định (đường này song song với đường Trần Quang Khải, trong khoảng từ nhà hát bội đến lối vào Xóm Chùa. Tôi nói bỡn: "Anh ở trúng vào con đường mang tên một tay tổ Cộng Sản Pháp").

Chuyện giữa hai chúng tôi xoay quanh văn chương, thi ca. Anh đọc và nhớ khá nhiều thơ Việt Nam thời hiện đại kể cả loại thơ ít người đọc như thơ Nguyễn Xuân Xanh trong *Xuân Thu Nhã Tập*. Anh rất *chịu* thơ Chế Lan Viên. Nhân đề cập đến thơ ở Hà Nội rồi Sài Gòn lúc ấy, tôi nhắc đến một bài thơ gần đây tình cờ đọc trong một trang Văn Nghệ của một tờ báo mới xuất bản: một bài thơ mới, lạ, chững chạc, dưới ký tên lạ hoặc chưa từng thấy: Nhị; một bài thơ *lạnh*, tôi rất thích chất *lạnh* của thơ, và cách biểu hiện cảm thức bằng những hình ảnh dở dang, trở đi trở lại dưới những ánh rọi khác nhau, đồng thời với cái tiết điệu biến hoá được nối kết lại bằng những câu trùng; tôi đọc những câu thích nhất, có hơi thơ gần *siêu thực*:

Lại thấy con đường như lặng

Những đỉnh cây xanh

Và những ngón tay trên phím dương cầm

Đôi guốc mộc trong căn phòng trừu tượng.

Cúi đầu xuống cúi đầu xuống.

Anh lặng nghe tôi bình phẩm, đọc thơ, rồi nói: Nhị là tôi.

Chúng tôi thân thiết nhau ngay từ buổi gặp gỡ ấy.

*

Cúi Đầu

Cúi đầu xuống cúi đầu xuống
Mà đi vào chiều xanh đỉnh cây
Một đẹp lên khối hai đẹp lên hình
Người cúi đầu đi vào chiều mình
Thảm cỏ non cánh cổng thấp
Lớp đá đường rồi thảm cỏ non
Hương chiều thăm thăm phố hoang vu
Người tuổi ấy hát chiều sao ấy
Tiếng hát xuôi trong hàng mi liễu buồn
Mắt tròn im lặng.
Tôi chọn tình yêu làm biển trời
Cúi đầu xuống cúi đầu xuống
Mà thương trở lại nhớ nhung về
Hàng hiên xưa, trang sách mở, cánh tay ngọc
Chiếc dây chuyền và sợi len đỏ
Mái tóc dài của người trong vườn
Cột điện đầu tường lá rụng
Rào rào mái dựng mùa thu
Phố đêm chân đi về mãi mãi
Điều thuốc lá, chiếc khăn quàng, vành mũ lệch
Đổ xuống bờ vai bóng tối núi rừng
Mưa phùn ngõ nhớ nghiêng lưng
Lối đi là lối dương cầm
Đôi guốc mộc căn phòng trừu tượng
Tôi chọn tình yêu làm biển trời
Cúi đầu xuống cúi đầu xuống
Mà dựng tình yêu thành thế giới
Cây những chùm sao lên nền trời
Hát nghìn năm biển đầy vịnh viễn
Lại thấy con đường im lặng
Những đỉnh cây xanh
Và những ngón tay trên phím dương cầm
Đôi guốc mộc căn phòng trừu tượng
Cúi đầu xuống cúi đầu xuống

NHỊ

*

Trong nhiều năm anh viết văn, bằng lòng làm nhà văn, không làm thơ. Trên Sáng Tạo chỉ một lần anh đăng hai bài thơ ngắn – *Nghe Đất, Ý Thức* – cũng ký tên Nhị. Cả ba bài thơ của thời trẻ này được giữ lại trong tập *Ta Thấy Hình Ta Những Miếu Đền* gồm những bài thơ anh làm sau ngày anh bắt buộc phải lìa bỏ Sài Gòn. Chẳng rõ anh Khánh có tìm thấy những trang thảo để lại trên bàn viết của Anh bài thơ nào sót không? Câu thơ trích làm nhan cho bài viết này lấy từ một bài thơ anh gửi tôi khi tôi còn ở nhà sau chuyến đi Bắc.

Ở Người Việt rồi Sáng Tạo, anh viết truyện ngắn, tùy bút, lý luận... Những bài tùy bút như *Phượng Sao, Tiếng Còi Trên Sông Hồng* đánh dấu một bước mới mẻ của câu văn Việt. Tuy nhiên, đối với tôi, anh lúc nào cũng là một thi sĩ cho dù anh không làm thơ.

Đầu năm 78, ở Lao Kay lần đầu tiên nhận được thơ nhà, biết tin anh đi xa. (Vợ tôi viết: “Bố nuôi của Thái về quê ngoại sống, không ở Sài Gòn nữa”) tôi như người chợt tỉnh sau giấc hôn thuy. *Bài Nhớ Thi Sĩ* viết vào lúc ấy đề tặng một thi sĩ đã mất và gửi Anh, một thi sĩ lưu lạc khi chúng tôi nghĩ chắc không còn ngày gặp lại. Trong những lời thơ vắng trong tôi bấy giờ có cả lời thơ của anh.

*

Như mọi thi sĩ của một thời điêu đứng, anh chạy trốn thơ cho đến lúc không thể trốn được nữa, bởi anh đã rõ:

Cõi không là thơ, Không còn gì hết là Thơ. Nơi không còn gì nữa hết là Thơ. Một xóa bỏ tận cùng. Từ sự xóa bỏ chính nó. Tôi xóa bỏ xong tôi. Không còn gì nữa hết. Tôi thơ.

Và như thế...?

Đêm già từ Hà Nội

Phượng nhìn xuống vực thăm. Hà Nội ở dưới ấy.

Từ chỗ anh đứng, Phượng nhìn sang bờ đường bên kia. Những tảng bóng tối đã đặc lại thành khối hình. Từng chiếc một, những hàng mái Hà Nội nhòa dần. Phượng nhìn lên những hàng mái cũ kỹ, đau yếu ấy, giữa một phút giây nhoè nhạt, anh cảm thấy chúng chứa đựng rất nhiều tâm sự, rất nhiều nỗi niềm. Những tâm sự cam lặng. Những nỗi niềm nghẹn uất. Của Hà Nội. Của anh nữa.

Dưới những hàng mái cong trũng, ngập đầy lá mùa kia, đang xảy ra những tâm trạng, những biến đổi gì mà ở bên này đường Phượng không đoán hiểu được. Hà Nội đang đổi màu. Đứng bên này bờ đường nhìn sang, Phượng bắt đầu tiếp nhận với một thứ cảm giác ớn lạnh, cách biệt, anh đã đứng trên một bờ vĩ tuyến mà nhìn về một vĩ tuyến bên kia. Bên ấy, có những hình ảnh chia cắt, đứt đoạn. Bên ấy, có những hình chiến lũy, những hàng rào dây thép gai, những đoạn đường cấm, những vùng không người.

Phượng cũng không hiểu tại sao nữa. Giờ này anh còn là người của Hà Nội, thở nhịp thở của Hà Nội, đau niềm đau của Hà Nội, mà Hà Nội hình như đã ở bên kia.

Phượng nhìn xuống lòng đường. Trong bóng tối, mặt nhựa làm lì không nói gì. Những hình cây đổ nghiêng trên những tắc đất đá cam nín. Bí mật dần ra những bề phẳng, những đường dài như một dòng sông ngắn chia hai bờ, và Phượng đã đứng ở bên này mà nhìn sang một bờ bên kia. Bên kia có Hà Nội. Bên này có anh. Có tập thể. Có những bạn đường. Có một chuyến đi về Hà Nội.

Chung quanh chỗ Phượng đứng, những tảng bóng tối đã đọng lại trên bờ đường như những bờ hầm hố. Nhìn xuống, Phượng có cảm giác chơi vơi như đứng trên một tầng cao. Anh nhìn xuống vực thăm. Hà Nội ở dưới ấy.

Anh nhớ đến Thu. Thu cũng còn ở dưới ấy, trong Hà Nội. Cái mái nhà cũ kỹ bên kia, chính là mái nhà Thu, lại cũng chính là ở bên ấy, Thu sẽ đến với anh, ở bên này. Từ một mái nhà của Hà Nội đêm nay, đến bờ đường anh đứng, chỉ có một đoạn ngắn, nhưng Phượng biết rằng đêm nay, nó chứa đựng tất cả ý nghĩa của một đoạn đời. Và Thu, Thu phải đặt cả đời Thu vào một chuyến đi, thì Thu mới vượt được đoạn đường ngắn ngủi ấy, và Thu mới sang được với anh. Như anh, như hàng nghìn hàng vạn con người Hà Nội đêm nay, Thu sẽ ở lại hay sẽ vượt

lòng biên giới cũ. Giữa những phút giây Hà Nội đang rần lạnh lại trong chuyển đổi chính thể đã bắt nguồn, đứng bên này đường, Phượng mới cảm thấy rằng ở bên kia Hà Nội, Thu đã ở thật xa anh. Cái cảm giác ớn lạnh mỗi khi anh đứng trước một dòng sông lại nổi lên. Con sông biên giới đêm nay lại hình như con sông Hồng chảy qua một bờ Hà Nội. Trong Phượng, sóng lòng của chuyển dịch chưa kịp nổi lên mà những ngọn sóng của dòng sông cũ đã nổi dậy. Âm thanh oà oà. Lòng đêm Hà Nội chứa đựng những tiếng đổ vỡ đang xô chen trong bóng tối đặc quánh. Qua bóng tối, Phượng nhìn thấy những hình khối của Hà Nội bên kia: một cửa ô đoạ đầy. Một hàng mái cũ. Những lớp phố phường sa đoạ. Những ánh đèn nhạt tái trên những bờ tường căm đen. Bóng tối chính thể đổ xuống làm nghiêng ngả những sự kiện này.

Bên kia, Hà Nội vẫn đang lặng lẽ đổi màu. Người Hà Nội dựng cửa tắt đèn để mà đổi thay trong bóng tối. Phượng thấy thương Hà Nội. Thương những người Hà Nội. Những người còn ở lại dưới những hàng mái cũ kỹ kia vì những vương bận đau khổ.

Đêm khuya dần. Từ một cửa ô, Hà Nội bắt đầu ngậy ngát dấy lên những ngọn gió núi rừng thổi về. Gió rừng hoang về qua cửa ô, đi thẳng vào tâm can của người Hà Nội. Ngọn gió tiền phong này đến trước chính thể, đang lọt dần qua cửa ô Yên Phụ, Kim Liên như một điển hình của hoang lạnh rộng lớn. Cả Hà Nội run lên, tê đi. Trước phút bỏ đi mà Phượng cũng như giá buốt cả cơ thể. Hà Nội đã bắt đầu đón nhận ấn tượng. Ngày mai, Phượng ở miền Nam rồi, Hà Nội sẽ phải còn đón nhận những sự kiện, những con người bên ngoài. Sau ấn tượng hoang vắng đêm nay, sẽ là sự thật tàn nhẫn ngày mai. Nhưng chỉ đón nhận ấn tượng, Phượng cũng đủ thấy Hà Nội không còn gì. Hà Nội chỉ còn là một thứ thuộc về bên kia. Hà Nội chỉ còn là một thứ thuộc về bên kia. Bên kia như Đêm. Như Bóng tối. Như Sa đoạ. Như Tù đầy.

Trên đầu Phượng, những ngọn lửa nhìn xuống. Ấy là những con mắt đau yếu của một Hà Nội không ngủ. Những ánh lửa tròn, nhọt nhọt, bé nhỏ, bị giam chặt giữa bóng tối. Phượng nghĩ đến những vì sao xa xôi đứng chết ở một góc trời cũ. Hệ thống ánh sáng Hà Nội đã hết bay múa. Bóng tối dềnh lên những đường lung linh. Từng điểm lửa gục đổ. Đêm nay, Phượng chỉ còn mong chúng có đủ ánh sáng để soi đường cho Thu đến được với anh. Phượng chỉ còn mong có thể thôi. Vì anh biết ngày mai những điểm lửa ấy sẽ không sáng nữa. Hà Nội sẽ không sáng nữa.

Buổi chiều, hồi năm giờ, gặp Thu ở cuối nhà Thủy Tạ, anh đã nhắc Thu đến một ngã đường. Đúng hơn đến một chuyến đi. Anh lại nhắc cả Thu đến một hạn định: Hôm nay là ngày cuối cùng người ta được tự do rời khỏi Hà Nội.

Phượng bảo người yêu: "Hôm nay đã là ngày chót rồi, Thu ạ! Mười hai giờ đêm nay, chuyến xe cuối cùng sẽ đi qua cầu Long Biên. Anh sẽ đi chuyến ấy. Việc lớn việc nhỏ, anh đã thu xếp tạm yên cả rồi. Chưa yên hẳn, nhưng cũng đành vất bỏ hết. Việc đi khỏi Hà Nội trước hạn định cần hơn. Anh sẽ đến đợi em ở đầu phố tối hôm nay. Chúng mình sẽ cùng vào trong Nam".

Phượng nói vấn gọn có thể. Bao nhiêu lần gặp trước, kể từ ngày có hiệp định chia đôi, anh và Thu đã bàn với nhau nhiều. Bàn đi bàn lại, nhưng vẫn chưa ngã ngũ ra sao cả. Vấn đề chỉ mới giải quyết xong về phần anh thôi. Trước sự lựa chọn một thái độ và trước những mưu toan xây dựng một cuộc sống tay đôi ở bên kia vĩ tuyến của hai con người cùng gắn bó đến những cái đẹp của đời sống, những gió bão của chiến thời ở đây lại có thêm những thảm trạng của đất nước bị chia rẽ. Sự ngăn chia đến cả từng cuộc đời. Đất nước ngăn cách làm hai miền, thì những cuộc đời cũng chia về hai phía. Như đêm và ngày. Bên này, bên kia. Biên giới oán thù dựng lên ở giữa.

Cho đến nay, Thu vẫn chưa quyết định. Thời hạn được ấn định cho di chuyển trong khu vực Hà Nội cứ vợi mãi trong phân vân lưỡng lự của người thiếu nữ. Phượng cũng hiểu cho người yêu. Anh khác, Thu khác. Cuộc sống mấy năm gần đây của anh trong Hà Nội cứ an định một chỗ, chỉ một ngum gió nổi lên là cũng đủ đưa anh ra ngoài cửa ô. Di chuyển là một cần thiết cho đời sống của Phượng trong ngày cũ, bây giờ lại là một hành động của tự do. Cứu cánh của người Hà Nội hôm nay nằm trong sự thoát khỏi phố phường cũ.

Nhưng Thu, Thu chỉ là một người đàn bà. Vây quanh lấy đời Thu, Phượng cũng đoán thấy

không biết cơ man nào là những sợi dây nối kết cuộc đời của Thu với Hà Nội. Như lúa với đất. Đi khỏi được, ít ra Thu cũng phải cắt đứt được bằng hết những sợi dây ấy. Chúng là những rễ lớn rễ con đã bám chặt lấy đời Thu từ tuổi thơ. Trên mái tóc xuôi chảy của người thiếu nữ, bóng dáng một mái nhà cổ kính đổ xuống. Những nếp nhăn trên trán người mẹ. Những sợi tóc bạc trắng của người cha. Đi thoát được mái nhà cũ, hành động của Thu sẽ là một hành động quyết liệt. Nó đòi hỏi nhiều đau khổ, nhiều mất mát. Lòng người vẫn phải rách nát vì những đau khổ, những mất mát ấy.

Phượng biết thế, nên người anh hùng cũng không giục giã người yêu. Mặt khác, anh muốn rằng trước thử thách này, Thu sẽ hành động, sẽ quyết định một mình. Như một con người tự do hành động và quyết định. Phượng vẫn thường có quan niệm rằng chính kiến của con người như một thứ hướng đi, tùy theo sự lựa chọn chân trời riêng. Đối với Phượng trái đất này có hàng triệu ngã đường thì con người cũng có hàng triệu hướng đi, trên đó đua nở những hoa cỏ cùng là rung động những tình cảm của người trước cuộc sống. Thủy đều mệnh mòng, không bến bờ. Nhẹ thoảng như không khí. Bay múa như nắng.

Nếu không, thì trái đất không còn là trái đất nữa. Con người không còn là con người nữa. Mấy ngày gần đây, Hà Nội của Phượng đã hết nắng. Hà Nội đã thiếu không khí, thiếu hơi thở. Bên kia tả ngạn Hồng Hà, bên này năm cửa ô, ngay trong nội tâm Hà Nội, những sự kiện mới mai đây sẽ về ngự trị trên Hà Nội đã như những tảng bóng tối mịt mù dâng lên. Bóng núi bóng rừng chấp chới. Tim phổi người choáng váng, rúc buốt. Những mạch đời ngừng nghỉ. Những màu sắc lộng lẫy nhất cũng nhạt tái lần lần.

Trên những sân ga, bến tàu, từ những trạm hẹn, những con người có sẵn thái độ như Phượng đã hướng vào chuyến đi. Những cuộc đời như đời Thu, rách nát vì mâu thuẫn, giờ phút này đang trải qua một cuộc tranh đấu quyết liệt với bản thân. Chúng là những miền còn tranh tối tranh sáng. Sau hết, là những người ở lại. Ở lại với Hà Nội. Vì hoàn cảnh vướng bận.

Chưa bao giờ Phượng lại cảm thấy Hà Nội chứa đựng nhiều khía cạnh, nhiều thời gian tính đến thế. Đứng trước cuộc đời, Phượng va chạm với những con người đang lựa chọn để nắm lại trong dĩ vãng hay đi vào tương lai. Từ một bản hiệp định chia đôi, chói lên những phút giây thử lửa. Thái độ của từng người phân định dần mãi. Như thế cũng hay. Lại hơn. Đàng nào cũng một lần.

Từ ngày Hà Nội thay đổi sắc thái, Phượng thấy cái việc giã từ Hà Nội của anh không đến nỗi sâu thẳm như anh tưởng. Nhìn sang một lớp sự kiện còn nằm lại bên kia, đêm nay, Phượng, trong một cảm thông cụ thể, như đã sờ mó thấy trên đầu ngón tay cái lạnh khoé rộng lớn của một khối đời anh sẽ dựng lên sau chuyến đi. Dựng lên bằng niềm tin. Trong tập thể. Niềm tin này, riêng đêm nay, đã đốt cháy được hộ Phượng những sợi dây gắn bó với đời cũ. Với bên kia. Với Hà Nội. Theo anh, Hà Nội cũng không còn gì. Những người như anh lên đường đã mang theo Hà Nội vào chuyến đi.

Thanh toán cho xong được những chua xót lúc đầu, lòng người đi vậy là đã ổn định. Duy có một vấn đề là Thu. Đối với Phượng, Thu đi hay Thu ở lại, việc ấy đã ra ngoài cái lãnh vực thường rất bé mọn của tình cảm. Anh yêu Thu, qua những rung cảm của tình yêu, còn có những nỗi niềm hết sức bao la, hết sức sâu nặng của con người anh gửi đến một người bạn cùng đường. Thêm Thu tập thể thêm đông, và đời Phượng cũng vui thêm trong xây dựng. Chiều xuống dần. Hai người yên lặng bước đi. Buổi chiều cuối cùng ở lại Hà Nội, Phượng chỉ còn tìm thấy ở Thu một sự kiện lạnh mạnh gân gụi, khi mà tất cả những sự kiện khác đã sa đoạ, đã đổi màu.

Anh nhìn Thu: Mái tóc dài chảy xuống một bờ vai gầy. Hàng mi nghiêng nghiêng. Và con mắt sâu đen của Thu thì nhú lại trong suy nghĩ. Phượng nhìn lâu lâu vào đôi mắt ấy, tận trong, đôi mắt u uẩn hình như đang thăm dò một ngã đường, trong đêm tối. Anh không biết Thu đang nghĩ ngợi gì. Nhưng anh đoán Thu đang đau khổ nhiều. Trong nội tâm người thiếu nữ cũng đang có những sự kiện vừa nằm xuống, vừa chìm lặn, cùng một lúc với những sự kiện đang đi lên, đang sinh thành. Bóng tối và ánh sáng chấp chới trên những mâu thuẫn chưa ổn định.

Trong Thu đã có một ngã đường? Cháy một niềm tin? Đường mũi dài, đôi môi trang nghiêm của Thu in lên một nền nhò xanh của sương mù, của buổi chiều. Bên kia, thấp thoáng những hàng cây, những mái nhà Hà Nội.

Một lát yên lặng. Phượng châm một liều thuốc.

Thu nói với anh: “Em thì em cũng định đi rồi. Một phần vì Hà Nội. Cơ sự đã xảy ra thế này, cũng chẳng ở được nữa. Một phần vì em không muốn xa anh. Xa nhau, biết đến bao giờ mới gặp lại? Em sợ thay đổi lắm. Nhưng anh cũng biết, còn gia đình em đấy! Thầy me em già rồi. Me em đang đau nặng. Thầy em thì chỉ biết có lũ cháu hoa cây cảnh. Hồi này ông cụ chán đời cứ thờ dài suốt ngày”.

Phượng hỏi Thu:

“Thầy me không bằng lòng cho Thu đi ư?”

“Không, thầy me em bằng lòng. Chính vì thế mà em phân vân. Anh hiểu cho em chứ?”

Phượng cúi đầu không nói gì. Hai người lại yên lặng bước đi. Phượng nhìn đồng hồ. 7 giờ 35. Anh bảo bạn:

“Thôi, anh đưa Thu về. Đêm nay, trên đường tới trạm di chuyển, anh sẽ đi qua nhà em. Em về nhà nghỉ lại đi. Cố thu xếp xem có được không?”

Thu đáp, tiếng nói bé nhỏ:

“Vâng, em sẽ cố gắng thu xếp. Dù sao, anh cũng đến, anh nhé!”

Hai người chia tay. Và Phượng, đúng 11 giờ đêm, đã xách va ly đến đợi Thu ở đây, bên này đường. Bên kia là Hà Nội.

Đêm Hà Nội càng về khuya càng lạnh buốt. Mặt nhựa loáng ướt. Những ánh đèn lu xanh một màu xanh hoang vắng trong sương. Trước mắt Phượng con đường Trần Nhật Duật chạy dài, một đầu phố nhạt nhoà mát hút về phía chân cầu Long Biên. Vất qua lòng sông Hồng, những ánh lửa nơi chân cầu đổ về một hướng Gia Lâm. Gia Lâm, Phượng nghĩ đến những vùng bên ấy, nơi phi trường. Lát nữa anh sẽ vượt Hồng Hà, tới phi trường, ở đó anh sẽ giã từ Hà Nội. Lòng Phượng lắng đọng lại trong suy tưởng, trong đợi chờ. Những ý nghĩ nhẹ thoáng nhất cũng đều có những sắc thái rất mênh mông. Nhân giới Phượng bắt gặp những hình khối của Hà Nội đang ngược đường về trong dĩ vãng, và lòng Phượng thì đã thom rồi, những nhánh hoa của xây dựng trên luống đất tương lai. Ngày mai, anh đi khỏi, tập thể xa rồi, Hà Nội sẽ ra sao? Những con người ở lại Hà Nội sẽ ra sao? Trong đêm giã từ, ba mươi sáu phố phường đi dần vào những tầng lớp của ký ức. Nhìn Hà Nội, Phượng bỗng liên tưởng tới những thành phố khác của thế giới, của thời đại. Hán Thành, Bá Linh. Những thủ đô đổ nát vì chiến tranh, bây giờ lại chứa đựng những ấn tượng buồn thảm của chia cách, hờn oán. Bên này, bên kia. Giã từ Hà Nội. Những con người cúi đầu. Một khung cửa đen cam. Những ngã đường ngoại thành hoang vắng. Những hàng mái đầu yếu. Thu, Thu của anh.

Đứng một mình trong đêm dài, trước một Hà Nội ngủ thiếp, Phượng nghĩ đến những người bạn đường đã vượt Hồng Hà, đã bỏ Hà Nội, bỏ đất Bắc trước anh, vượt vĩ tuyến về tiếp tục cuộc đấu tranh cho tự do, cho con người, trên phần đất nước còn lại. Anh biết rằng thời đại, trong ngày tới sẽ nối kết con người bằng một ý niệm một hệ thống tự do. Tâm trạng của Phượng đêm nay cũng là tâm trạng của một người thợ máy Đức, một người dân cây Triều Tiên, đang ngày đêm vượt khỏi những vĩ tuyến tù đày để tìm một hướng đi, một chân trời có không khí và ánh sáng. Năng lực đấu tranh của con người nằm trong những cạnh khía bay múa ấy.

Cái ý nghĩ cuối cùng của Phượng, gửi đến Thu. Anh nhìn sang bên kia đường. Vẫn không thấy gì. Có lẽ Thu đã ở lại. Phượng nhìn đồng hồ: Chiếc kim dạ quang chỉ đúng mười hai giờ đêm.

Phượng cúi xuống nhắc va ly, bước đi.

Sau lưng anh, bỗng có tiếng gọi nhỏ: “Anh!”.

Phượng quay lại. Đôi mắt anh sáng lên trong tối. Từ bên kia bờ đường, từ bên kia Hà Nội, một bóng người bé nhỏ đang vượt lòng đường đi sang anh. Thu. Bóng Thu xiêu xiêu vội vã. Một thoáng, Thu đã đứng bên cạnh anh. Đôi mắt Thu còn ngấn lệ. Phượng đỡ lấy va ly Thu.

Tiếng thu vang lên trong đêm Hà Nội:

“Em được đi rồi. Cả thầy me cũng đi nhưng đi sau.

Và kéo tay Phượng.

“Chúng mình đi đi thôi anh ạ!

Phượng mỉm cười nhìn Thu. Giọt nước mắt của người lên đường nhập vào hàng ngũ của tập thể, của di chuyển, Phượng biết là một giọt nước mắt của tin tưởng. Sự đấu tranh cho tự do khởi thủy ngay cả ở chỗ ấy, nơi con người phải đấu tranh quyết liệt với chính mình, chịu đựng những mất mát, lia bỏ ruộng đất, phố phường, để đến những miền tự do. Sau Thu, rồi còn hàng ngàn người như Thu, cũng chiến thắng được hoàn cảnh, cũng sẽ lên đường. Để bảo vệ một niềm tin. Để bảo vệ con người. Tất cả, họ sẽ trở về.

Phượng đưa Thu đi. Những ánh đèn xanh biếc của Hà Nội nghiêng theo những bước chân bắt đầu rời khỏi Hà Nội.

Bóng Phượng, bóng Thu nhoà dần. Rồi mất hẳn. Họ đã đi vào Tương Lai.

Hà Nội – 100 ngày, sau Hiệp định Genève

Em đã hoang đường từ cổ đại Bùi Bảo Trúc

Năm mươi ba năm trước, một thiếu nữ mười lăm tuổi vừa từ già tuổi thơ, vừa mới có chiếc áo dai đầu tiên, mái tóc gọn một chút sóng như mặt nước hồ gươm những ngày thu, một chút son môi, và vừa bắt đầu làm người lớn chưa được bao lâu, đã phải làm một cuộc chia tay rất nhiều nước mắt, bỏ lại Hà Nội, nơi cô ra đời và sống những năm thơ ấu, già từ và vĩnh biệt người cha để đáp một chuyến bay đi Nam.

Cũng thời gian ấy, một người đàn ông trẻ, chưa tới tuổi ba mươi vừa hoàn tất những truyện ngắn đầu tay, ngồi xuống viết thêm một truyện ngắn khác để in vào tập truyện đánh dấu chuyến đi xa ấy. Truyện ngắn kể những bản khoả những suy nghĩ quần quanh của đêm cuối cùng ở thành phố Hà Nội. Ông đặt cho truyện ngắn đó một cái tựa đọc lên đã thấy đẹp: Đêm Già Từ Hà Nội. Rồi ông dùng ngay cái tựa Đêm Già Từ Hà Nội, để đặt tên cho truyện ngắn đầu tay xuất bản ở Sài Gòn.

Trong chuyến di cư năm 54, những người Hà Nội bỏ thành phố này ra đi đều có tâm trạng loay hoay, hồi hộp, lo sợ hoang mang như cô thiếu nữ và những bản khoả có phần chín chắn hơn, cùng rất nhiều suy nghĩ về chuyến đi tới một nơi chốn chưa bao giờ mừng tượng ra được của người đàn ông.

Tất cả đều có một đêm già từ Hà Nội.

Người đàn ông ấy trở thành một nhà văn nổi tiếng ở miền Nam, sống hết một đời với sách vở, văn chương. Người đàn ông ấy là Mai Thảo.

Và người thiếu nữ ấy, ở Sài Gòn, cũng trở thành một tên tuổi, một khuôn mặt rất nhiều người biết trong những năm kế tiếp. Đó là Kiều Chinh.

Họ cùng khởi đi từ Hà Nội, cùng sinh hoạt với văn học và nghệ thuật ở Sài Gòn.

Hai người đi hai con đường khác nhau, nhưng thỉnh thoảng họ gặp nhau Hai người có hai cuộc sống rất không giống nhau. Người đàn ông sống suốt một đời không có gia đình cho đến lúc chết, chỉ có bạn bè và văn chương. Người phụ nữ có gia đình, con cái và điện ảnh.

Rồi nhiều năm sau đó, họ gặp nhau ở một nơi cách xa Hà Nội, và cách xa Sài Gòn nhiều ngàn cây số.

Hoàn cảnh hoàn toàn đổi khác.

Đi chơi với Mai Thảo nhiều, bạn bè đều biết người ông yêu ai. Nhiều người biết điều đó. Chúng tôi tôn trọng cả hai. Không người nào nói ra, nhắc tới, xác nhận hay kể về chuyện của họ.

Như một câu thơ của Thanh Tâm Tuyền:

...Không ai biết chúng ta yêu nhau...

Hai người vẫn có những đời sống đi song song với nhau. Hai con đường sắt không bao giờ gặp nhau. Mai Thảo có tập thơ trong những năm cuối của cuộc đời, tập *Ta Thấy Hình Ta Những Miếu Đền*. Trong đó có một bài thơ mà người đọc thấy hết như đoạn viết ngắn về tập thơ của ông in trên bìa sau của cuốn thơ: *"Thơ, với ông trọn đời như một tình yêu thâm kín, tới cuối đời mới chịu bày ra ánh sáng."*

Mai Thảo viết văn xuôi, nhưng người ta vẫn thấy ẩn hiện những thơ. Ông sống rất một mình, nhưng đằng sau, người ta vẫn thấy ẩn hiện một mối tình. Kín đáo, bí mật và lặng lẽ.

Bài *Em Đã Hoang Đường Từ Cổ Đại* càng đọc, người ta càng thấy người phụ nữ ông yêu hiện ra càng rõ nét hơn. Tôi tin ông viết bài thơ ấy cho một người mà tôi nghĩ là tôi có thể đoán ra được.

Nhưng mấy lần hỏi ông viết bài thơ ấy cho ai, ông đều lảng sang chuyện khác.

Ông không trả lời, ông không xác nhận bài thơ ấy viết cho ai, nhưng chúng tôi nghĩ chúng tôi đoán khác đúng.

Có một khoảng cách tuổi tác giữa ông và người ông nhắc đến trong bài thơ, một khoảng cách mười mấy tuổi:

*Em đủ mười phương từ tuổi nhỏ
Ngàn ấy phương anh tới tuổi già
Tuổi ư? Hòn vẫn đầy trăm gió
Thổi suốt đêm ngày cõi biếc ta*

Ngày rời Hà Nội, Mai Thảo đã gần ba mươi. Người con gái ấy cùng tuổi với cô gái đi chùa Hương của Nguyễn Nhược Pháp.

Ông gặp cô trong hoàn cảnh muộn màng. Những con đường đều không dẫn được hai người đi tới nơi mà họ muốn tới. Con đường toàn những ngã rẽ để chỉ tới những khúc không lối ra khác:

*Con đường thẳng tắp con đường cụt
Đã vậy từ xưa cái nghĩa đường
Phải triệu khúc quanh nghìn ngã rẽ
Mới là tâm cảnh đến mười phương*

Và sau những khúc quanh những khúc rẽ, họ gặp nhau. Lúc ấy, nhìn lại, người làm bài thơ nhìn ra được rõ hai người. Cái căn phần không mấy tử tế đẩy họ lại gần nhau mà vẫn còn nhiều xa cách:

*Em đã hoang đường từ cổ đại
Anh cũng thần tiên tự xuống đời
Đôi ta một lứa đôi tài tử
Ngự mỗi thiên thần ở mỗi ngôi*

Ở khúc cuối của con đường, tìm lại được nhau thì đúng như tựa một cuốn sách ông viết, mượn từ câu thơ Đinh Hùng: *Cũng đủ lãng quên đời*.

Hạnh phúc là ở đó. Ông thấy hạnh phúc trong lòng của hai người Họ không bao giờ gần hơn lại. Nhưng họ cũng không thể xa nhau thêm. Cái bất hạnh của xa cách vĩnh viễn thì chính là hạnh phúc của chuyện không mất nhau:

*Đừng khóc dẫu mưa là nước mắt
Đừng đau dẫu đá cũng đau buồn
Tâm em là Bụt tâm anh Phật
Trên mỗi tâm ngời nhánh hương*

Đó là bài thơ Mai Thảo viết cho Kiều Chinh.

Lúc hạ huyết người đàn ông ấy, tôi hỏi Kiều Chinh có phải *Em Đã Hoang Đường Từ Cổ Đại* Mai Thảo viết cho cô không, và trước khi những nắm đất cuối cùng được ném xuống đất.

Cô đã gật đầu...

Tôi thấy những giọt nước trên mắt.



Linh...

(...trích đoạn *Bản chúc thư trên ngọn đỉnh trời*)

Lời nói của chàng chạy lang thang, chạy vui thú trong rừng tóc của nàng. Lời nói như một con mãnh thú hiền lành, và bằng hữu, chuyên chở với nó ánh sáng và màu xanh qua muôn gốc cây thơm là rừng tóc của nàng. Linh cảm thấy một đôi mắt, một sóng mũi, một cặp môi và một giòng thở thắm thì lời nói vùi thật sâu vào rừng tóc của nàng bằng một sự đè nặng và len lén làm nàng ngáy ngất. Giòng ầu yếm đó vừa thờ vừa hôn, giòng ánh sáng đó chiếu sâu vào những chân tóc, Linh cảm thấy cặp môi của Phủ, cái miệng của chàng, khuôn mặt chàng, tất cả chàng, và nàng đứng đó, sau lưng nàng là gốc cây, phía trước nàng là hai cánh tay của Phủ, và thân thể chàng vây kín.

Bằng một cựa mình liều lĩnh, Linh nghiêng mặt đi, mái tóc nàng rời xa vùng ầu yếm cho miệng nàng chọt gần, thật gần sự nàng đang liều lĩnh tìm kiếm. Định mệnh đã xô ngã em vào anh. Vâng ạ ! Và định mệnh cũng xô ngã anh vào em và chúng mình cũng không đứng dậy được phải không anh ? Chúng mình cười lớn riều cột đời sống, riều cột dư luận, rồi chúng mình sánh vai nhau đi về thiên đường, đi về cái thiên đường bé nhỏ nhưng kiêu hãnh vô ngần, sống, và chết với nhau trong thiên đường ấy...

Qua hàng mi dài vút của nàng, tầm mắt Linh đụng vào một hình thể yêu dấu ở gần. Tất cả bát ngát lớn lên. Đôi mắt Phủ cũng là đôi mắt nàng long lanh vô bờ khoáng trũng bên sóng mũi cao của chàng như một thung lũng ngon chạy dọc theo một triền núi đẹp, miệng nàng mở hé, môi hồng sắc máu rung động, Linh thấy nở lên như một đài hoa hàm răng chàng óng ánh. Rồi tất cả bật đi và bị nuốt chửng. Linh không nhìn thấy gì nữa. Cái hôn bắt đầu và nàng đã nhắm mắt. Trong một khoảng khắc thần tiên, trời đất tối đen như đêm, nàng nồng nàn hôn trả Phủ, hai

người nồng nàn hôn nhau, mọi lời nói mọi ý nghĩ bị ngăn chặn lại, và trong hoà hợp truyền thấm mê đắm, trong cái hôn trao gửi khít khao kỳ diệu, Linh sống một cảm giác tốt đỉnh bàng hoàng. Những hoa sao nhầy múa trong đầu nàng. Trong đầu nàng như có bóng Ngự Bình nghiêng xuống, giòng Hương giang chảy qua, nó chảy trong một đêm ngà ngọc, kín kín, thăm thăm, nó chảy trong cái thiên đường bé nhỏ kiêu hãnh, những lớp sóng nghiêng vươn vút tới trời, loăng đăng tới vực, những lớp sóng đỡ nàng lên thành một vòng hoa, những lớp sóng bao trùm nàng cho cả một rừng tóc lướt thướt chết đuối, trong đầu nàng có sự im lặng thành kính say say lá lá, có tiếng chim hót vui như tiếng hót ánh sáng ở một cửa rừng, có sự thức tỉnh sáng suốt và trong vắt của cả một đời người mà cái hôn đầu là tấm gương lớn cho nàng soi ngắm hình thù của rung động, lại có sự mê thiếp sựong sần tối tăm như nàng sắp ngã, đang ngất, nàng đang bị giết chết, giết chết bằng cái chết của men, của đường, của mật nấu cất ngất ngư trong nắng. Từ miệng nàng tới tóc, bốc thoát ra một nghìn chân tóc. Từ miệng nàng tới cổ họng xuống thân thể nhẹ bồng và tay chân hững hờ không biết đặt vào đâu là sự truyền lan cực kỳ mãnh liệt của một cảm giác xa lạ, cảm giác đó như một trái chín nàng vừa rớt người hái xuống, cắn đầy miệng, giữa cổ nuốt đầy cuống họng, nàng thờ không được nữa, nàng không muốn thờ mà, nàng sống không được nữa, em muốn chết mà, cái chết nghệt thờ trong hôn anh, em muốn nhìn niềm vui lạ thường oà sáng trong em, giữa anh và em. Và Linh lim dim mờ mắt nhìn nàng đang hôn. Cái nhìn e dè không rõ như có mưa dầm làm mờ mờ cảnh trí hư ảo, nàng chỉ nhìn thấy những sợi mi của nàng, những sợi mi dài đang ngây ngất chết, đang mê mải ngắm nhìn nàng và Phũ hôn nhau.

Thân thể Linh chết sững chợt rung động vận chuyển trùng trùng điệp điệp thành bão táp xô cuốn mãi miết, cơn bão điên cuồng nâng bổng cánh tay Linh lên, cho ôm lấy bờ vai cúi thấp và đè nặng mãi xuống, những ngón tay của Linh chạy lạc lõng thất đảm trên một đường gáy không rời bỏ, nàng lại không nhìn thấy gì nữa, một thoáng trời cao trên đầu qua một thoáng cây lá động ảnh ở gần mắt hút, nàng vội vã giam kín lạc thú trong nhắm mắt tối đen, chung quanh lại mất, cuộc đời lại xa, cái thiên đường bé nhỏ nhưng kiêu hãnh là căn buồng nàng đã đóng kín mọi cánh cửa, đẩy lui mọi ánh sáng tò mò nhìn ngắm, cái hôn bây giờ dò dẫm tìm kiếm cho nhau trong một ấn tượng chần gối lơ đã thì thăm không đoán thấy vị trí. Cảm thấy, thật xa, ở dưới đất, ở dưới chân một bước nhích và một bước nhích theo nhưng cái hôn ở thật gần, trên này thì miên tục, im lặng, trùm đầy và bất động.

Huế nhìn họ hôn nhau, Huế nhìn người đàn ông từ đâu đâu lạc tới, y đáp xuống phi trường Phú Bài, y đứng bây giờ với người thiếu nữ Huế dưới gốc cây trong vườn chùa Linh Mục, mùa mưa dầm đã bắt đầu, Huế của lẳng tằm nghìn đời, của thành quách cổ cũ, của mè sừng, của nón bài thơ, của giòng sông thơ, của ngọn núi mộng, của dư luận đồng tai dương mắt lảng vảng trên cầu Tràng Tiền, Huế của sự chấp nhận trầm lặng và chối từ bão táp. Huế đó, Huế ghé góm, Huế không tha thứ tội lỗi bao giờ, Huế của đạo đức vôi vôi và luân lý cao đẹp, nhưng Huế không làm gì được, và Huế ngần ngại, Huế đứng lại, Huế bám tay nhau, Huế vây quanh, và Huế không biết phải làm gì trước họ hôn nhau, Linh và Phũ hôn nhau, thanh khiết, thần thánh, ưng thuận và vô tận. Hôn một lần đầu nhưng tận cùng và toàn vẹn hôn. Hôn bờ ngõ, bất ngờ, nhưng trao gởi, tin tưởng và yên tâm lạ thường.

Huế bắt lực nhìn Linh yêu, Huế gõ đá và lạnh lùng nhìn, nhưng Linh thì Linh ngần ngại, bàng hoàng, ngây ngất nhìn nàng hôn như sự nổi loạn đầu đời liều lĩnh và kỳ thú đối với Huế.

Với Huế sau, với chính nàng trước đã. Cái hôn đánh dấu sự nổi loạn bản thân bằng cái dấu chàm thấm tươi rờ rờ, đỏ hồng của va chạm dịu dàng và rung động vũ bão. Linh hôn người nàng yêu, Linh hôn chàng hoàng tử đời nàng từ ngàn dặm, nàng đang bị giam cầm trên lầu cao lạnh lùng gió thổi, nàng phiến muện trong chín tầng lãnh cung âm thầm, chợt đâu trong đêm hè cơn gió mát ấy bỗng thoáng qua như hơi thở người tình cúi xuống phả vào giấc ngủ, chợt đâu trong tối đen, giòng ánh sáng ấy bỗng chảy vào, như tình yêu là một đoá mặt trời. Lửa và ánh sáng nghìn cũ làm sống trái đất ngu ngơ câm nín bây giờ là lửa và nụ hôn là ánh sáng làm sống lên, làm ngoi lên, làm nở ra Linh, từng cánh run rẩy, từng đài bờ ngõ, Linh nở lên thành hình hài mới, Linh ngoi lên thành vóc dáng mới, trước tấm gương mà Linh nhìn ngắm nàng

bằng ôm ghi, bằng nhắm mắt, bằng nhận được tận cùng và đáp lại trọn vẹn, để thấy rằng nàng đang được đời sống đích thực thụ thai, nàng đang được tình yêu đích thực khai sinh. Linh muốn nói thật nhỏ, bằng cái tiếng nói mê sảng thì thầm lạc giọng : "Tôi có thực" Linh muốn hét thật lớn, cho tiếng hét đánh vỡ tan tành những thành trì vô hình của Huế : "Tôi đã là tôi", Linh muốn truyền âm thanh qua miệng chàng, tới tâm hồn chàng: "Vì anh đó mà em có, vì anh đó mà em đã là em" Nhưng Linh không nói, không hét được, vì nàng đang hôn. Cái hôn bất tận, kéo nàng ngã vào vùng phiền lưu quay cuồng của cảm giác vừa tiếp nhận, vừa khấp phả. Cái hôn dẫn đi. Trên những cánh đồng cỏ mùa xuân, cỏ thơm nõn như chuốt lọc ánh sáng, cỏ mềm mại như son hồng của Linh chạy mãi miết, cánh đồng mùa xuân chấp chới muôn ngàn màu sắc, của bướm, của sương đang tan của nắng đang dấy, của suối chảy róc rách thành sông vỗ hiền hoà, của chân trời cao mênh mông với đất dưới này được nối liền bằng thân thể nàng vươn lên thành chiếc cầu vồng bảy sắc kỳ diệu, cánh đồng mùa xuân là một hội vui vĩ đại hân hoan, Linh muôn' tham lam ôm đầy tay, uống đầy hồn, nàng chỉ có một nhưng nàng muốn muôn nghìn, nàng đòi tình yêu cho nàng một đôi cánh, tình yêu cho nàng liền, nàng đòi tình yêu đi vào đôi chân cuống quýt của nàng đôi hài bảy dặm, tình yêu cũng cho nàng liền, thế là Linh bay đi, bay tới đâu cũng gặp nàng đang lớn, đang yêu và đang sung sướng. Cái hôn dẫn Linh đi. Trên những con đường tình tự. Những khoảng tối ẩn ẩn hiện hiện có lợi cho những cặp tình nhân, những khoảng tối làm cho những mái tóc được kẻ liền, những bờ vai được tựa vào những bờ vai, những ngón tay bỗng đan thêm một vòng kháng khí. Con đường nhỏ, biệt lập với đời sống, chỉ những kẻ yêu nhau được phép đi vào, Đất thật mềm, lá thật xanh, yên lặng thật đầy, cái đẹp lắng đọng và lớn, Vừa đi Linh vừa biết, bằng những khám phá kỳ ảo. Biết thân thể không phải chỉ là cái bất động của hình hài trống không, mà thân thể chỉ là giới hạn chứa đựng những cảm giác phá vỡ nó như một nhà ngục. Biết cuộc đời không phải là cái thần nhiên thảng thảng cái đứng đưng ngày ngày, nhạt nhẽo đời đời kiếp kiếp và cuộc đời làm bằng những đỉnh ngọn núi cái vút choáng váng, những vực thẳm hun hút ghê hồn, nhưng người ta không có quyền sợ, người ta sống nghĩa là người ta dám. Trong mơ màng ngầy ngất, chợt một cái gì được dịu dàng rời xa. Linh tựa hẳn đầu vào thân cây, nàng vẫn nhắm mắt, sự kỳ thú kéo dài, Phũ và nàng đã thôi hôn nhau, nhưng Linh không chịu mở mắt và môi nàng còn là một vết thương mê mẩn chưa bình phục. Linh tựa đầu vào thân cây như thế không biết bao lâu. Nàng buông thả cho cảm giác trôi đi. Phút này, trong ý muốn kéo dài trạng thái mộng, chưa muốn trở về với cái thực chung quanh. Linh chỉ muốn được tựa đầu vào vai Phũ mà ngủ.

Gối đầu lên chữ nghĩa Hoàng Khởi Phong



Sách một dây nằm trơ trên giá

*Cạnh người thân thể cũng tro tro
Sách, người hai cõi cùng hư hoại
Nơi một ngàn chương thiếu một tờ
(Mai Thảo)*

Căn phòng rộng chừng mười mét vuông. Một giường nhỏ, một bàn viết, một ghế ngồi, một chần, một gối... Nói tóm lại đồ vật trong căn phòng này có đơn vị là một, không hai. Ngoại trừ sách thì chất từ sàn gác lên tới trần nhà. Hàng ngàn quyển sách và báo. Sách nằm trong các thùng giấy, trong các kệ, các hộc. Sách vương vãi khắp nơi, trên giường, gầm bàn. Xó xỉnh nào cũng đầy sách. Trên tường là vài bức hình. Một bức hình chụp đã khá lâu, để chừng cũng ba bốn chục năm qua đi giữa người và ảnh. Tôi nhận ra ngay hai nhân vật trong bức hình này: gia chủ và một người bạn thân nhất của ông. Người bạn vong niên hơn ông đúng một giáp. Người bạn ông đã có thời dạy học và là thầy bắt đấm dĩ với kẻ đang viết những dòng chữ này. Bất đắc dĩ bởi vì nghề chính của ông không phải là dạy học mà là làm thơ. Điều đáng tiếc là ở một nơi tên là Việt Nam không có nghề nào mang tên là thi sĩ. Gia chủ có tên là Nguyễn Đăng Quý, người bạn vong niên chụp chung với ông trong tấm hình có tên là Vũ Hoàng Chương.

Cái tên Nguyễn Đăng Quý hầu như chỉ được dùng để làm giấy tờ, trên thẻ kiểm tra khi còn ở trong nước, hay trên thẻ xanh kể từ khi lưu lạc xứ người. Tên Nguyễn Đăng Quý hiện nay chỉ còn dùng duy nhất trên các quyển check book. Kỳ dư không một ai gọi ông bằng cái tên cha sinh mẹ đẻ này. Bởi vì người ta thường gọi ông bằng một cái tên khác do ông tự chọn cho mình khi hành nghề "nhà văn". Tên do ông tự chọn là Mai Thảo.

Tấm hình chụp khi cả hai người còn trẻ, còn cả một con đường thật dài để đi. Con đường còn đó nhưng một trong hai người đã nằm xuống. Thảm thoát mà Vũ Hoàng Chương đã nằm xuống được hơn mười lăm năm. Phần ông tuy còn sống, còn ăn và còn thở nhưng mà là một cuộc sống càng ngày càng lạ lẫm, càng thu hẹp. Năm nay ông gần bảy chục. Có sá kể gì một hai năm giữa sáu tám và bảy mươi. Cái tuổi thất thập chóp mắt mà đã tới. Ông vẫn là một kẻ ăn cơm ở các hàng cơm, đi ra khỏi nhà thì ngồi xích lô. Nơi đây không có xích lô thì ngồi xe buýt, xe hoả hay máy bay để đi xa thăm bằng hữu. Ông vẫn là kẻ hơi lạnh lạnh với người lạ mặt, nhưng thật ân cần với những người thân. Thân đây không có nghĩa là máu mủ ruột rà.

Tôi nhớ cách đây vài năm, khoảng năm năm trở về trước tôi không mấy có thiện cảm với Mai Thảo. Tính hơi lạnh lạnh của ông cộng với tính không thích bắt quàng làm họ với những người sang của tôi, làm cho nhiều năm dài tôi trông thấy ông như trông thấy một người nào đó trong siêu thị. Mai Thảo thì đâu có lý gì tới chuyện đó, phần tôi cũng ít thì giờ tìm hiểu những người mà tôi nghĩ là chỉ có tiếng. Cho tới một ngày trong một bữa tiệc sinh nhật ở nhà một người cả hai chúng tôi cùng quen, tôi được sắp ngồi bên cạnh ông. Chẳng lẽ cả hai đều không nói một lời. Đó là lần đầu tiên trong đời tôi thật sự nói chuyện với Mai Thảo.

Trong bữa tiệc Mai Thảo ăn rất ít, ông uống khá nhiều. Khi đã ngà ngà Mai Thảo nói về thơ. Tất nhiên không phải là thơ của ông. Tôi bị Mai Thảo chinh phục ngay trong lần nói chuyện đầu tiên giữa hai người. Tôi chưa thấy ai ứng khẩu về thơ hay hơn ông. Ông nói về thơ của Quang Dũng, Thâm Tâm, Hồ Dzếnh, Trần Huyền Trân... Hình như ông thuộc không sót một nhà thơ tiền chiến nào, miễn là những nhà thơ đó chỉ cần có một bài thơ hay. Không hiểu làm thế nào ông chứa được nhiều thơ của người khác trong khi lượng rượu đã bão hoà trong người ông. Những lúc đó ông là một Mai Thảo khác, không hề có một chút lạnh lạnh nào. Trái lại giọng ông sang sảng, nồng nhiệt tựa như chính ông là tác giả đang đọc cho bằng hữu nghe những sáng tác mới nhất của ông. Không bao giờ Mai Thảo đọc thơ xuống mà thôi. Bao giờ ông cũng giải thích, nói tới những giai thoại vì đâu bài thơ ông sắp đọc được hoàn thành. Những lúc đó nhiều khi ông đọc thoại. Đôi lúc tưởng ông không màng tới những ai có mặt. Ông miên man nói về thơ, ông đọc những bài thơ tuyệt hay của nhiều thi sĩ đã không còn trong cõi đời này nữa. Mai

Thảo có một giọng đọc thơ trầm, ấm, không hùng tráng nhưng rất truyền cảm. Khi ông đọc những bài thơ buồn, người đa cảm chỉ nghe thơ ông đọc cách một bức vách có thể khóc được.

Trước khi đứng dậy để đi làm ca ba tôi nói với Mai Thảo một câu: "Giả dụ những người cầm bút đều là anh em một nhà, thì tôi là một đứa em ngỗ ngược, ít nhất là đối với Mai Thảo. Kể từ nay tôi thôi không còn là đứa em ngỗ ngược nữa". Kể từ đó tới nay năm năm đã qua, tôi giữ được những lời đã nói, tuy vậy tôi vẫn đứng hơi xa Mai Thảo. Trước kia tôi hay tránh Mai Thảo, bây giờ tôi không tìm tới ông nhưng cũng không đến nỗi phải lánh mặt mỗi khi tình cờ gặp gỡ trong các nhà người quen, trong các tiệm ăn, trong các bàn nhậu. Có lần Mai Thảo và tôi gặp nhau trong một quán nhậu. Khi tiệc tan mọi người đùn cho tôi việc đưa Mai Thảo về nhà. Mãi sau này tôi mới biết những người quen đi uống rượu với ông ai cũng sốt sắng đi đón, nhưng ngại đưa về. Tôi nhớ như in lần đầu tiên đưa ông về sau một cữ rượu lớn. Lúc đó đã hơn một giờ đêm. Tôi đưa Mai Thảo về đến khu chung cư của ông. Chung cư của những người già bao giờ cũng vắng vẻ yên tĩnh sau mười giờ đêm.

Cái bóng của hai chúng tôi vẽ lên trên tường những hình thù buồn bã. Tôi đi nhẹ ông đi trong cái hành lang của chung cư dài và sâu như một cái hầm. Bước qua cái cổng gác, vừa đặt chân lên nấc thang đầu tiên, đột nhiên quay phắt người lại ông nói: "*Về nhà giờ này làm cái gì nhỉ? Nó lạnh như một cái nhà mồ. Hay là mình đi chỗ nào uống tiếp đi, để tôi lên lấy chai rượu*". Tôi vội can ông: "*Giờ này các quán Việt Nam đóng cửa hết rồi, chỉ còn tiệm Mỹ thôi anh ạ*". "*Tiệm Mỹ thì chán quá nhỉ. Hay là Phong lên ngồi chơi một lát rồi hãy về. Ngủ lại đây cũng chẳng sao*". Phải lò mò một hồi Mai Thảo mới tra nổi cái chìa khoá vào ổ. Ông lầu bầu nói những câu vô nghĩa trong khi mở cánh cửa vào nhà. Trong phòng của Mai Thảo mọi thứ đồ vật chỉ có một, tôi lơ lảo ngồi dưới sàn. Ông lấy ra chai rượu và hai cái ly. Ông không bao giờ ép rượu một ai, uống được bao nhiêu thì tuỳ ý. Rượu trong nhà Mai Thảo có bao giờ hết được. Bây giờ tôi chợt nhớ ra ở nhà Mai Thảo đồ vật nào cũng chỉ có một, ngoại trừ rượu và sách. "*Sách vẫn ngàn pho lẻ một tờ*". Và rượu thì ngàn chung vẫn còn thiếu, cho dù có tri kỷ hay không. Có tri kỷ uống cách khác, không tri kỷ thì uống một mình. Trong khoảng không gian mười mét vuông đó là giang sơn của riêng ông. Nơi ông ở là một bầu không khí trộn lẫn giữa rượu và thơ. Ở nơi đây ông không làm rộn đời sống. Tôi chỉ mong rằng đời sống cũng không làm rộn ông.

Đêm đó tôi ngồi lại nghe ông nói chuyện thơ, gần sáng ông mệt nhoài, lăn ra ngủ. Tôi lặng lẽ ra về khi trời gần sáng.

Gần đây tôi có ý định viết một số bài về các người đi trước tôi một thế hệ. Mới đó mà tôi đã bước vào tuổi năm mươi, những người trước tôi một thế hệ nghĩa là bước vào tuổi bảy mươi bây giờ cũng chẳng còn nhiều. Phải chi tôi làm việc này sớm hơn nhiều năm thì tôi đã có dịp viết về Vũ Khắc Khoan, vị thầy dạy sử của tôi trong đệ nhất B1 Chu Văn An niên khoá 1961, tôi có thể gặp gỡ và viết về Bình Nguyên Lộc, một nhà văn chưa kịp hít đầy buồng phổi luồng khí của tự do đã ra người thiên cổ nơi xứ người. Hiện nay những người còn lại tôi có thể nhắm đếm trên đầu ngón tay. Một Phạm Duy của âm nhạc, một Tạ Tỵ của hội hoạ, một Võ Phiến của văn, một Mai Thảo của thơ... Còn những ai nữa thuộc vào lớp bảy mươi, một Nghiêm Xuân Hồng, một Nguyễn Khắc Kham, một Như Phong... Đó là những con người của một thời khác. Thời đó dường như người ta xử với nhau có tình hơn bây giờ. Thời đó dường như người ta sống với nhau ít giả dối hơn bây giờ, ít nguy hiểm hơn bây giờ. Mới có hai mươi năm sau, mới chỉ có một thế hệ mà hình như chúng tôi đang sống trong một bầu không khí khác. Thế hệ của Mai Thảo chỉ cách chúng tôi có hai mươi năm. Ông nói về những người đồng thời với ông. Ông nói về cuộc đời của ông, ông nói về các bạn ông. Chỉ lạ một điều là giọng nói hết như là một người đang kể chuyện cổ tích. Khi nói về quá khứ xa xôi mấy chục năm giọng ông xúc động như lạc đi. Đôi mắt ông long lanh, mơ màng và thỉnh thoảng rục lên những ánh mắt kỳ lạ. Ông cúi

xuống lặng thinh vài phút. Ngừng mặt lên, ông cất giọng sau một cái đằng hắng. Giọng ông trầm và ấm. Ông nói về tiểu sử của ông:

"... Tôi cùng quê với Tú Xương và Trần Cao Lĩnh. Tôi sinh năm Mão, nhỏ hơn Vũ Hoàng Chương chẵn tròn một giáp. Nếu bạn có ý định viết một bài về những người thất thập cổ lai hy gì đó thì tôi chưa tới bảy chục. Hai năm nữa bạn hãy tới, tôi chỉ mong rằng ngày đó tôi còn hiện diện trong căn phòng này, giữa những quyển sách đang đọc dở, những chai rượu đang uống nửa chừng. Trong trường hợp bạn muốn viết một bài về tôi, nhà văn Mai Thảo thì không nhất thiết phải đợi tới bảy, tám chục mà làm gì. Đối với tôi điều quan trọng là khi anh "ở với Đời" anh làm được gì? Anh chơi với ai? Anh sống như thế nào? Có nhiều người càng sống càng bé lại, "Ông bình vôi" của cụ Phan Khôi chẳng hạn, càng thọ thì ruột càng đặc lại có ích gì.

Thật tình ra tôi không muốn phát biểu điều gì. Nhưng đôi khi việc thông tin không đầy đủ, thành thử có nhiều điều tôi không nói mà hiện nay người ta cứ nghĩ là tôi nói. Có nhiều bài báo viết về tôi mà khi đọc xong tôi không nhận ra chính tôi, thành thử nhiều khi không nói cũng không phải. Thôi thì nói một lần cho xong, để còn có thì giờ làm việc khác..."

... Chính quán ông là Bắc Ninh, quê hương của quan họ, của những cô gái Nội Duệ, Cầu Lim. Nhưng sang đến đời song thân Mai Thảo, ông cụ lập nghiệp phương xa, rồi dời sang Nam Định. Do đó toàn thể mấy anh em ông cùng sinh ra và lớn lên ở Nam Định. Như thế ông cùng quê với Tú Xương, với Trần Cao Lĩnh. Hồi nhỏ ông học ở tỉnh lỵ, khi ra học ở Hà Nội thì chiến tranh Việt Pháp đang tái phát dưới rất nhiều hình thức.

Lúc mới ra học ở Hà Nội, gọi là đi học nhưng kỳ thực không khí thời chiến tranh đã phủ trùm lên đất nước, thành thử vừa học vừa ngóng. Mai Thảo có vài người bạn thân, ông còn nhớ tên, hiện họ còn ở Hà Nội. Mai Thảo cùng các bạn có một giấc mơ chung, nói theo cách nói của Đinh Hùng là giấc mơ "ngoài cửa lớp" tất cả trở thành những người làm văn nghệ. Nghĩa là những người làm thơ, viết văn, vẽ tranh và đặt nhạc. Cũng có thể là những người ca hát, đóng kịch, đóng phim... Khi Pháp quân tái chiếm Hải Phòng thì toàn quốc đi vào một trận chiến dai dẳng. Lệnh tiêu thổ kháng chiến được ban ra. Ở Hà Nội bọn thanh niên, sinh viên, học sinh ở lứa tuổi Mai Thảo ngày ấy được thúc đẩy bởi lòng yêu nước ngùn ngụt trong trái tim. Những người yêu nước vô vị lợi đó thành lập những đội quân gọi là "Tự vệ Thành". Những đội quân đó tuy chẳng ghê gớm gì, song những người thanh niên yêu nước vô ngần đó đã làm đoạn hậu cho một cuộc triệt thoái để toàn bộ quân chính quy rút ra chiến khu Việt Bắc.

Khoảng thời gian Tự vệ Thành chiến đấu với quân Pháp trong cố đô Thăng Long không dài, song với nhiều người trong lứa tuổi Mai Thảo, cho đến chết không bao giờ quên thời khoảng ngắn ngủi đó. Nó hằn vào trong óc những người như ông như là những bản khắc, những đường chạm trổ trong các cổ vật. Đó là những con người đã đem tuổi thanh xuân, cả thể xác cũng như tinh thần dâng hiến cho tổ quốc. Giấc mơ ra khỏi cửa lớp sẽ trở thành những người làm văn nghệ đến với Mai Thảo khá sớm. Cùng với hai người bạn là Xuân Thiêm và Trung Nguyên, cả ba làm tờ báo đầu tiên là tờ *Dòng Việt*. Tờ báo sống được vồn vẹn bốn số thì cả ba người phải chia tay, bởi vì ai ai cũng muốn ra chiến khu. Cũng phải nói thêm khi đó cả ba người bạn không hề có một chút nhỏ kinh nghiệm nào trong lãnh vực báo chí.

Năm năm ở ngoài đó ông là một người hoạt động trong lãnh vực văn nghệ. Giản dị thì gọi là văn công. Thời đó Mai Thảo là một thanh niên tràn trề sức sống. Ông làm nhiệm vụ được giao phó một cách cẩn trọng, bởi ông biết đánh Tây không phải chỉ trong một sớm một chiều. Chứ trường kỳ kháng chiến lúc bấy giờ là một từ ngữ ở cửa miệng mọi người. Mai Thảo không chú tâm đến chính trị, song những người chính trị viên lại chú tâm tới ông. Thời gian cuối thập niên 40, nếu là người chỉ thích làm văn nghệ như Mai Thảo thì không có những bận tâm lớn, nhưng

nếu là người có chút máu chính trị chảy trong huyết quản thì sẽ có khá nhiều rắc rối. Hồi đó Quốc với Cộng còn đầu lạng vào nhau cùng chống quân xâm lăng. Phe Cộng còn náu mình khiêm tốn dưới cái vỏ Việt Minh, phe Quốc thôi thì Duy Dân, Đại Việt, cùng hàng hàng, lớp lớp những người yêu nước thuần túy, không ở trong một đảng phái nào như Mai Thảo.

Mai Thảo đã nói ông không chú tâm tới chính trị, không hẳn là chính trị buông tha ông. Anh chính trị viên trong đoàn của Mai Thảo cho ông biết là ông có đủ điều kiện để vào Đảng. Khi đó Đoàn của Mai Thảo đang hoạt động tuyên truyền trong những vùng sát với vùng bị quân Pháp chiếm đóng, những ai được tuyển chọn phải về Việt Bắc làm lễ kết nạp, tuyên thệ. Phần Mai Thảo, ông có thể gia nhập Đảng ngay tại chỗ công tác. Nghĩa là ông có giá dưới con mắt của anh chính trị viên. Anh ta nói với Mai Thảo là vào Đảng sẽ được đãi ngộ đủ điều, những cái xe đạp tốt nhất, những loại thuốc quý nhất. Gần như là muốn gì được nấy.

Ông nghĩ lại trong thời gian đó kháng chiến dần dần lộ hình tích Cộng Sản, những buổi phê và tự phê hằng đêm, những buổi học tập chính trị. Sách vở của Lenin, Karl Max, Mao Trạch Đông đầy dẫy khắp cơ quan. Người nào người nấy bí bí, mặt mặt. Ông là người văn nghệ, thần trí bay trên vòm trời kia như một con đại bàng. Đâu có thể là đà như ngọn cỏ. Mai Thảo nói với anh chính trị viên định kết nạp ông vào Đảng là ông cần vài ngày suy nghĩ. Chuyện tuyên thệ gia nhập Đảng không thể là một quyết định vội vã được. Đó là một chuyện quan trọng nhất cho một đời người.

Trong ba đêm liền ông ngồi soi mình bên một dòng sông, lặng nhìn con nước chảy, lắng nghe tiếng lòng mình. Đối với nhiều người gia nhập Đảng là một ân sủng lớn. Song ông là một người văn nghệ. Công tâm mà nói, việc vào Đảng làm tăng giá trị tinh thần của chính ông. Phải nhấn mạnh chữ tinh thần này, bởi vì có đáng gì dăm ba món đồ vật của một đồng, công một nén đó. Nếu tuyên thệ từ nay ông là người chân liền, không phải chân rời. Từ nay sau lưng ông là cả một đảng bành trướng. Nếu tuyên thệ từ nay sau lưng ông là cả một guồng máy khổng lồ, nuốt chửng con người ta như ngón những nguyên liệu làm chuyển động guồng máy này.

Mặt khác những buổi học tập chính trị, những buổi phê và tự phê, những buổi truy nhau đến đỏ mề hôi trán, những ánh mắt dò xét nghi kỵ. Kháng chiến càng ngày càng để lộ bản chất đấu tranh giai cấp. Thế mà ông cụ Mai Thảo thì giàu có tiếng ở Nam Định, gia đình ông theo kiểu định nghĩa của cộng sản thì hiển nhiên là thành phần bóc lột dân lành, sống trên thặng dư kinh tế và lao động của người. Ông hiểu ông là ai? Muốn gì? Ông cũng biết tính ông không thể là một người phản bội một khi đã tuyên thệ. Suốt ba ngày liền ông dỗi mắt qua bên kia sông, cái vùng "địch tạm chiếm" hiện giờ không biết ra sao. Có điều chỗ này không phải là chỗ của ông. Mai Thảo nói với người chính trị viên có lòng ưu ái ông là ông muốn về nhà. Anh chính trị viên nhìn ông và nói: *"Như vậy là anh xoá hết không còn gì. Công lao mấy năm của anh bù cho tội này cũng vừa đủ. Thế là tay trắng, sạch sành sanh"*.

Thuở đó những người chính trị viên chưa ghê rợn như sau này, vì guồng máy mới hoạt động chưa lâu, các bánh xe chưa trơn mỡ. Ví thử những năm 50, 60 mà nói như thế e rằng không có chỗ mà chôn. Thành thử Mai Thảo có mạng mà về thành. Năm đó là năm 1951. Lúc quay lưng lại mà đi đau lắm, khóc được. Ông có cảm giác như là người bị tình phụ. Năm năm đi kháng chiến, ông dỗi mắt qua bên kia sông, nơi mà trong thơ tiền chiến các thi sĩ lớn của thời đó gọi là "vùng địch đóng". Giờ đây ở trong thành ông dỗi mắt ngược lại, nơi những người bạn cũ của ông đang thở bầu không khí của chiến tranh. Nơi ông ở cái gì cũng có vẻ tạm bợ. Ông là một người làm văn nghệ, sớm nhìn thấy cái giả và thực của nơi ông sinh hoạt. Chính vì vậy mà ông bỏ về thành, và ở Hà Nội ông nhìn thấy trước có một đêm nào đó ông phải giã từ. Không khí của những năm 51, 52, 53 là một không khí ngùi ngùi của việc chia ly. Ông là nhà văn nên ông cảm nhận được điều này. Bây giờ ngồi đây nghiệm lại, ông cảm nhận được cái không khí chia

ly đó bằng bạc khắp ngọn cỏ khóm cây.

Từ năm 1951 cho tới năm 1954 ông làm một vài việc với gia đình có tính cách sinh kế. Cũng chỉ là những chuyến đi buôn bán ầm ớ, qua lại hai bờ của một dòng sông. Lén lút đi lại giữa hai vùng đất "tự do" và vùng địch đóng". Đó là cái thời một nhạc sĩ nào đó đã viết trong một bản nhạc:

*"... Bên đây là phía tự do,
máu người dân Việt còn cần cho luống cây.
Bên kia là phía sâu u,
có người dân Việt gục đầu bên quân thù..."*

Những chuyến đi buôn này cho Mai Thảo cái cảm giác ông đang làm một cái gì đó, một công việc nào đó hơn là những thúc bách của sinh kế.

Năm 1954, hiệp định Genève chia đôi đất nước được ký kết do sự sắp xếp của các đại cường. Mai Thảo nấn ná mãi cho tới những ngày sau cùng mới di cư vào Nam vào đầu năm 1955. Bởi vì ông cảm nhận thật rõ ràng ra đi là không có ngày về. Trong vùng đất mới ở miền Nam ông may mắn gặp gỡ vài người có lòng yêu văn chương, chữ nghĩa. Đó là các tên tuổi: Doãn Quốc Sĩ, Thanh Tâm Tuyền, Nguyễn Sĩ Tế, Thanh Nam, Mặc Đỗ, Ngọc Dũng, Duy Thanh... Năm 1956 ông hoàn thành tập truyện đầu tay của một đời văn nghiệp Mai Thảo. Đó là tác phẩm *Đêm giã từ Hà Nội*. Cũng trong năm này, ông cùng với mấy người bạn vừa kể tên ở trên, cả nhóm cho ra đời tạp chí *Sáng tạo*.

Trước sau cả hai bộ *Sáng tạo* cũ và mới gồm 56 số báo. Công tâm mà nói đó là tạp chí thuần túy văn chương đầu tiên của miền Nam. Nó thổi một luồng gió mới vào sinh hoạt chữ nghĩa của miền Nam. Khi tạp chí *Sáng tạo* đình bản, Mai Thảo trông coi tờ *Nghệ thuật* một thời gian trước khi lo lắng cho tờ *Văn*.

Năm 1975 ập tới, Mai Thảo kẹt lại ở Việt Nam. Ông trốn lánh suốt ba năm liền, năm 1978 ông thành công trong một chuyến vượt biên. Thoạt kỳ thủy ông tới Seattle. Nơi đó ông có vài người bạn cũ đang làm một tờ báo cho người Việt tị nạn. Mai Thảo ở đây làm tờ *Đất mới* với Vũ Đức Vinh, Thanh Nam, Tuý Hồng. Khi tờ *Đất mới* đình bản, ông về định cư tại vùng Nam California này và làm lại tờ *Văn* ở hải ngoại. Thấm thoát mà tờ *Văn* hải ngoại đã ở với chữ nghĩa 14 năm qua. Có một điều ông muốn nói về tạp chí *Văn*: *"Tờ Văn và tôi là hai thực thể không thể chia cắt. Tôi nghĩ rằng trong một tương lai không xa tôi sẽ cho đình bản tờ Văn. Hiện nay điều kiện sức khỏe của tôi còn cho phép. Khi nào nó không cho phép tôi sẽ biết. Tôi hiểu những biến đổi bên trong lục phủ, ngũ tạng của tôi. Rất nhiều bằng hữu của tôi không muốn tờ Văn bị đình bản, họ có thể lèo lái cho nó sống. Nhưng đó là một tờ báo khác, chỉ có cái vỏ là tờ Văn mà thôi, còn cái ruột có thể là một tờ nào đó. Nó giống hình ảnh của một con ốc mượn hồn"*.

Năm 1956 khi tạp chí *Sáng tạo* xuất hiện ở miền Nam, nó hết như những cây lúa nhú lên trong một khoảnh đất phì nhiêu không người khai phá. Mỗi số báo là một bước đi tới. Những người chủ trương hăm hở tiến lên, không nhìn lại những con đường đã cũ. Thời đó ở miền Nam chỉ có những tờ báo, năm thì mười họa mới có một quyển sách ra đời. Ngôi "chợ văn chương" hết sức tiêu điều, tịch mịch. *Sáng tạo* đem một luồng gió mới đến cho văn học miền Nam nói riêng. Nói chung thì là cả hai miền, bởi vì ở miền Bắc lúc đó là lúc những người cầm bút nhìn nhau đôi khi còn tệ hơn là cầm thú trong vụ án *Nhân văn-Giai phẩm*. Có không ít nhà văn, nhà thơ, họa sĩ, nhạc sĩ chết chỉ vì muốn làm một người chân thật, một người mà Phùng Quán đã viết:

"...Yêu ai cứ bảo rằng yêu"

*Ghét ai cứ bảo rằng ghét
Dù ai cầm dao dọa giết
Cũng không nói ghét thành yêu
Dù ai ngon ngọt nuông chiều
Cũng không nói yêu thành ghét
Bút giấy tôi ai cướp giật đi
Tôi sẽ dùng dao
Khắc vẫn trên đá"*

Đứng trên phương diện chữ nghĩa thì những câu thơ này không hay, nhưng nó lớn bao trùm cả thời đại đó. Ảnh hưởng của *Nhân văn- Giai phẩm* cho tới ngày nay, gần bốn chục năm qua đi mà vẫn chưa hoàn toàn tan biến.

May mắn hơn những người cầm bút ở miền Bắc, những ngôi sao vừa loé lên trên vòm trời văn chương của miền Nam trong giai đoạn này, những Mai Thảo, Doãn Quốc Sĩ, Thanh Tâm Tuyền, Tô Thuỳ Yên... như những con ngựa phi nước đại trên những đồi cỏ mênh mông, những khu rừng bát ngát. Nếu *Tự lực Văn đoàn* là một hiện tượng của văn học Việt Nam trong thập niên 30, 40 thì hai mươi năm sau, *Sáng tạo* là một hiện tượng khác. Nó làm mới văn chương. Nếu coi văn học như những đợt sóng của một dòng trường giang cuộn cuộn, thì *Tự lực* là một con sóng lớn và đi trước, *Sáng tạo* là một con sóng nhỏ hơn đi liền ngay sau đó. *Tự lực* là một khoảng đất mới vỡ, *Sáng tạo* là hoa và trái đầu mùa. Những hoa và trái này đều luôn phủ nhận ảnh hưởng của *Tự lực*, vẫn không thể chối cãi là đã khởi đi từ một vị trí mới, do công khai phá nửa chừng của những người mang tên là *Tự lực*. Khi tạp chí *Văn học* (hải ngoại) nêu vấn đề văn học hải ngoại có phải là văn học miền Nam nối dài hay không? Mai Thảo cho biết: Ông không thích danh từ "nối dài". Ông thích danh từ "tiếp tục".

Mai Thảo cũng đồng ý cách hình dung văn học như một dòng sông, nhưng ông không thích cái hạn hẹp của chiều ngang với những đợt sóng tuần tự tiến vào bờ. Ông cho rằng dòng sông văn học của chúng ta có thượng nguồn từ thời tự chủ Lý, Trần. Càng xuôi ra biển nhân loại, dòng trường giang càng lớn. Có lúc dòng trường giang này chuyên chở lịch sử. Cũng có lúc nó lọt thỏm vào trong lịch sử. Hiện nay dòng lịch sử nghẽn lại, dòng văn học trong nước cũng tạm thời ngưng chảy.

Do lẽ đó chúng ta, những kẻ đã may mắn hay là không may mắn thoát ra được nước ngoài, chúng ta tiếp tục những công việc chúng ta đã bỏ dở ở trong nước. Đối với Mai Thảo ông nhìn văn học hải ngoại một cách giản dị: Khi chúng ta không được làm văn học ở trong nước, mà chúng ta đang sinh sống hải ngoại, đang viết văn làm thơ ở bên ngoài tổ quốc thì có nghĩa là chúng ta đang làm văn học ở hải ngoại.

Mai Thảo nhìn văn học như thế, do đó ông không đặt vấn đề nên hay không nên "tiếp tục". Đó là việc đương nhiên phải như thế. Ông cũng tiếc cho những khối lượng nước đang cố làm đầy cho dòng văn học ở nơi đây. Theo ông những người viết mới thật đúng là những người khởi hành một chuyến đi xa xôi diệu vợi mà không có một chút hành lý nào trên người. Ông cho là những anh em trẻ tuổi, mới nhập vào dòng văn chương hải ngoại chịu nhiều thiệt thòi hơn những anh em đã khởi nghiệp từ trong nước. Mai Thảo tự nhận là ông đứng ở trong hạ nguồn của dòng trường giang này. Ít nhất ông cũng có được vài điểm tựa, một vài bến nghỉ chân trong suốt cuộc hành trình. Với những anh em khởi nghiệp ở hải ngoại này thì dòng sông đã mất dấu trên mặt đất, nó chảy ngầm trong lòng dân tộc, chảy ngầm trong lòng đất mẹ cách nơi đây cả một đại dương. Mai Thảo cho biết:

"Những người hiện nay khởi đi từ California, Virginia, Paris, Sydney... là những người khởi đi tự

chính mình. Nó có tính chất mờ cô vì chúng ta đã bị cắt rời ra khỏi tổ quốc, ra khỏi tiền nhân của chúng ta. Họ đã khởi hành trên một sự trợ trợ không thể nói được. Khi chúng ta còn ở quê nhà, chúng ta có cả một hệ thống giáo dục tiểu, trung và đại học. Con em chúng ta học văn học sử suốt những năm miệt mài trên ghế nhà trường. Ở nơi đây chúng ta không thể dạy dỗ con em chúng ta những điều chúng ta muốn”.

Hiện nay ở đây chúng ta làm gì có cả một thể hệ sinh viên yêu mến một nhà văn hay một nhà thơ nào. Các trường ốc chỉ dạy cho sinh viên những kiến thức khoa học kỹ thuật, những nghề nghiệp thực dụng để nuôi thân mà thôi. Ở nơi đây cộng đồng chúng ta không có được một thư viện sách Việt, một trong những điều tối ư cần thiết cho một nền văn học sinh động, hay những giải thưởng văn chương đúng nghĩa. Cũng có vài cơ sở, vài tờ báo thiết lập giải thưởng văn chương. Song dường như những cái giải đó không nói lên được một điều gì. Tuy nhiên điều quan trọng với Mai Thảo là chúng ta đã có một nền văn chương hải ngoại bằng bất cứ giá nào. Đó quả là một điều đáng kể.

Nếu như trong hai mươi năm qua, những người làm văn nghệ ở miền Nam thoát được ra hải ngoại, không viết văn làm thơ lại thì có nghĩa là cộng sản đã thành công trong việc một mình một chợ, mặc dù trong cái chợ chữ nghĩa của cộng sản thì người bán với người mua là một. Cái chợ đó nó kỳ lạ lắm, nó có từng mùa. Mùa chiến thắng thì trong toàn bộ sách vở của những người viết miền Bắc (Mai Thảo không dùng chữ văn công) chỉ nói đến chiến thắng. Chiến thắng đủ hình, đủ kiểu, dưới mọi hình thức. Thôi thì văn, thơ, nhạc, kịch om xòm cả lên. Toàn thị là chiến thắng, kể cả những chiến thắng không thể có với những đầu óc bình thường không bệnh hoạn. Sang đến mùa đổi mới thì quần chúng lại khổ với những cái nhìn đổi mới thiếu chất sáng tạo. Thật là cảnh muôn người như một. Có một đạo tờ *Văn học*, số 49 phát hành tháng Hai 1990 gióng lên tiếng nói đầu tiên về "Văn chương phản kháng" ở trong nước. Thế là ở hải ngoại này nổi lên một trận bút chiến cho tới bây giờ vẫn không ngã ngũ, mà có lẽ sẽ không bao giờ ngã ngũ. Theo Mai Thảo, việc tranh luận giữa các anh em ở hải ngoại này có một điều đáng tiếc là đã gây ra nhiều bất hòa, thậm chí có nhiều anh em không nhìn được mặt nhau nữa. Tranh cãi, bút chiến là những yếu tố cản bản cho sự tiến bộ. Nhưng tranh cãi, bút chiến, lý luận không có nghĩa là mạ lỵ, bôi bẩn, chụp mũ...

Mai Thảo có cái nhìn cực kỳ khe khắt với văn học trong nước. Ông cho rằng ngoài Bắc trước 75 và trong nước sau 75, những người cầm bút của xã hội chủ nghĩa (không kể những nhà văn của miền Nam còn kẹt lại) có sản xuất một số tác phẩm. Song một nền văn học không thể chỉ dựa vào một số sách có mặt là đương nhiên có một dòng văn học. Theo Mai Thảo, một dòng văn học nhân bản và khai phóng phải hội đủ vài yếu tố:

- Trước tiên là những người viết đích thực, có nghĩa là viết không theo một chỉ thị nào, không rập theo một khuôn mẫu nào. Viết vì những thôi thúc, đòi hỏi của chính nhà văn, nhà thơ chứ không phải vì nhu cầu của chế độ.

- Kế đến là một bầu không khí tươi mát cho người viết cũng như kẻ đọc. Cái mà Tây phương gọi là tự do dân Chủ. Hiện nay ở trong nước người viết cũng như người đọc luôn có một tên "chính uỷ" núp sau lưng.

- Sau cùng độc giả (quần chúng) phải có một đời sống tương đối ổn định. Một đời sống không chỉ lo cái ăn, hộ khẩu, đảng, đoàn, lý lịch, bí danh... Đúng vậy, một đời sống không cần dư giả nhưng khi người ta mua một quyển sách, người ta không thèm thường một tô phở, một cữ rượu, một manh quần, một tấm áo.

Do cách nhìn đó, với Mai Thảo ở trong nước hiện nay có rất ít nhà văn, nhà thơ. Ông công

nhận là có, song đó là những con số có thể đếm được trên đầu ngón tay. Những nhà văn hiếm hoi này nương vào những khe hở của lãnh đạo, cố gắng hiến cho người đọc một số tác phẩm đúng nghĩa. Ông nói về những nhà văn thành danh của xã hội chủ nghĩa với một giọng hơi khô hòi: *"Khi miền Bắc chiến thắng, những người viết ở ngoài đó mới có dịp nhìn thật kỹ những đồng nghiệp trong Nam. Chúng ta bay lượn như những cánh đại bàng, chúng ta có muôn hồng, nghìn tía. Chúng ta có thể xấu, có thể đẹp nhưng dứt khoát chúng ta không có mặc đồng phục."*

Xã hội cộng sản có biệt tài về thiêu huỷ. Họ san thành bình địa những ngôi nhà mà không chú trọng tới những con người trú ngụ trong ngôi nhà đó. Họ san phẳng những ngôi mộ trong các nghĩa trang và cũng không lý gì tới những bộ xương. Người sống sờ sờ còn chả ăn thua hưởng hồ người chết. Hãy kiểm lại những Phan Khôi, Văn Cao, Nguyễn Tuân, Hoàng Cầm, Trần Dần, Quang Dũng, Phùng Quán, Hữu Loan, Nguyễn Hữu Đang, Đào Duy Anh, Nguyễn Mạnh Tường, Trần Đức Thảo, Vũ Ngọc Phan, Hoài Thanh, Nguyễn Hồng, Xuân Diệu, Huy Cận, Chế Lan Viên, Tố Hữu, Nguyễn Bính, Tô Hoài, Hồ Dzếnh... và hàng trăm tên tuổi thành danh khác. Những người vừa kể đã có gì, làm gì thời tiền chiến và thời kháng chiến. Kể đó họ có gì, làm gì sau khi về tới thủ đô Hà Nội từ 54 cho tới 75. Và từ đó tới nay cũng gần hai mươi năm qua đi sự nghiệp những danh tính nói trên đã đóng góp những gì cho nền văn học trong nước?

Năm 1956 khi xảy ra vụ án *Nhân văn-Giai phẩm*, và những năm gần đây khi chế độ đó đối với giới văn nghệ nay trời, mai cõi. Chúng ta, những người làm văn học ở trong Nam hồi đó và ở hải ngoại bây giờ, lúc nào cũng đồng dạ lên tiếng bênh vực cho những người cầm bút không may mắn. Mặc dù sự lên tiếng của chúng ta như là đánh vào bị bông, nhưng chúng ta biểu lộ tinh thần "Một con ngựa đau cả tàu không ăn cỏ". Mà nào có phải chỉ có một con ngựa mà thôi. Ít ra cũng là chín phần mười cái tàu ngựa ở ngoài đó. Năm 1975 nổ ra, những người làm văn nghệ miền Nam được yên thân đâu khoảng một năm đầu. Thiệt ra họ cũng chả tử tế gì, họ còn bện tung một mẻ lưới lớn, bắt giữ những cựu sĩ quan của miền Nam. Họ sợ bút mây động rừng, nên kiên nhẫn chờ một năm sau mới tung một mẻ lưới khác đối với các văn nghệ sĩ của miền Nam.

Ngày mùng 4 tháng Ba năm 1976, Hoàng Chinh người cầm đầu ngành công an văn hoá ở ngoài Bắc tung ra một danh sách cho thuộc cấp thi hành: Một danh sách bắt giữ đích danh hơn bốn chục người cầm bút của miền Nam. Đặc biệt là nhà văn nhà báo gốc Bắc Kỳ di cư. Họ bắt trong thanh thiên bạch nhật, chả có gì phải giấu giếm. Họ cũng tin rằng các nhà văn của miền Nam không có một con đường nào thoát thân, nên thông thả đến gõ cửa từng nhà. Mai Thảo may mắn không có nhà trong lúc công an đến bao vây nơi cư trú của ông. Nhờ được thông báo kịp thời, Mai Thảo bắt đầu một cuộc sống trốn tránh. Những cây bút tên tuổi nhất còn kẹt lại trong nước hầu như không một ai tránh khỏi. Bao nhiêu người đã nằm xuống do cách nhìn sai lạc, độc ác của những tên cán bộ quản giáo. Vũ Hoàng Chương khi được tha về hai ngày sau hấp hối trên giường bệnh. Ông trả lời câu hỏi của bà vợ là: *"Họ đâu cần đánh đập gì. Họ chỉ bỏ đói thôi"*. Hồ Hữu Tường thì một buổi sáng người nhà mở cửa, thấy xác ông lạnh cứng tựa cột đèn gần nhà. Thật là sống khôn thác thiêng đã chết mà còn biết đường tìm về gần nhà. Nguyễn Mạnh Côn trong những ngày cuối cùng bụng rỗng vì tuyệt thực, đến khi thềm sống phải làm đơn xin ăn. Rút cục cái đơn mang đến kết quả là biệt giam trong cầu tiêu, mà cũng không được một hạt cơm vào bụng, rút cục vẫn là đi mà chết với cái bụng lép kẹp. Rồi Dương Hùng Cường... cùng biết bao nhiêu những cái chết âm thầm khác.

Nói làm sao cho hết được những khổ đau người miền Nam phải gánh chịu sau mùa quốc nạn đó. Những con người bị đầy đoạ, hành hạ giống như là cầm thú. Có người bị giam cầm cả chục năm. Những Thanh Tâm Tuyền, Doãn Quốc Sĩ, Phan Nhật Nam, Tô Thuỳ Yên, Cung Trầm Tưởng... nay bắt mai thả. Không một ai dưới mười năm đầy ải.

Mai Thảo nêu lên một câu hỏi: Những người như Nguyễn Huy Thiệp, Dương Thu Hương, Trần Mạnh Hào, Nguyễn Duy, Nhật Tuấn... cùng những nhà văn, nhà thơ khác của miền Bắc đâu? Họ giữ thái độ mũ ni che tai. Tuyệt không có một lời, một cử chỉ gọi là có một tấm lòng.

Cái chế độ cộng sản đó không bao giờ coi những con người như những con người. Nhất là những con người văn nghệ, đại đột chơi văn giỡn chữ thôi thì trăm thứ tội. Họ bắt rồi thả, họ trói rồi cởi đến độ có lần Nguyễn Sa chuyện văn cùng Mai Thảo có nói: "*Bọn chúng ta có phải là chó là lợn đâu mà cứ nay trói mai cởi*". Cái guồng máy đó quan sát chúng ta từ chân tơ cho tới kẽ tóc. Họ rình mò chúng ta. Chúng ta chỉ cần làm sai ý họ, nói sai điều họ nói là đủ rũ tù. Mà trong chế độ đó đi tù thì mười phần chết hết chín. Khi được thả còn sống cũng ngơ ngác ngác, hồn vía lên mây, cái gì cũng sợ. Rồi hèn người đi. Nhiều khi sống mà tệ hơn là đã chết.

Do đó Mai Thảo cho là không thể giao lưu văn hoá với trong nước. Giao lưu thì phải hai chiều, làm gì có một cuộc giao lưu một chiều. Họ luôn luôn muốn phủ nhận chúng ta. Người thì bị giam cầm, trong những cái lồng vĩ đại, nhiều khi mỗi người chỉ được một mét vuông, khi được thả đã có ai viết lại cho ra hồn. Bởi vì khi họ bắt, họ bắt các nhà văn. Đến khi họ thả thì chỉ là những cái bóng của con người. Còn sách của chúng ta ư? Sách thì bị cấm toàn bộ. Dạo họ mới vào trong Nam, họ nhìn các tác phẩm của chúng ta dưới những cái kính hiển vi. Họ bươi móc từng chữ, nhìn ngắm tác phẩm của chúng ta dưới mọi góc độ, mà kỳ lạ thay góc độ nào họ cũng tìm thấy vi trùng. Làm như thể dưới ngòi bút của chúng ta không thể có những bài văn thuần tuý. Họ tuyệt không nhìn thấy chúng ta. Qua những dụng cụ phóng đại họ chỉ thấy sai sót của chúng ta. Tất nhiên những sai sót này cũng do họ định nghĩa. Họ đâu có khác Tần Thuỷ Hoàng, tịch thu sách và không cho chúng ta sống bằng cách nhốt chúng ta trong các nhà tù. Thế thì có khác gì hơn hai ngàn năm trước nhà Tần đốt sách thiêu học trò.

Mai Thảo không có ý kiến về việc bắc một cây cầu giữa trong nước và ngoài nước. Ông nghĩ là công việc các anh em *Hợp lưu* và *Thông luận* đang làm, sẽ không mang đến sự thông cảm thật sự giữa những người cầm bút trong và ngoài nước. Bởi vì sự chia cách đã quá lâu, và khoảng cách đã quá xa. Tuy nhiên ông vẫn tôn trọng các cố gắng của tất cả mọi con người.

Khi được hỏi về dòng văn học của chúng ta dường như không có những tác phẩm vĩ đại như *Chiến tranh và hoà bình* của Tolstoi, Mai Thảo cho rằng dòng văn học phải chia xẻ số phần cùng giống nòi. Giống nòi của chúng ta đang làm than không thể tưởng tượng được, đang trải qua những cơn sóng gió lớn nhất trong lịch sử, thì những người cầm bút chia sẻ những làm than này, do đó văn chương không nhất thiết phải có những tác phẩm lớn, do đó nhà văn Việt Nam chú trọng nhiều tới cái hay, cái đẹp của ngôn từ hơn là chú trọng tới cái lớn lao vĩ đại. Ông cũng không quên nói tới thực tế của những người viết văn của chúng ta. Hình như không một nhà văn đúng nghĩa nào sống được thuần tuý bằng ngòi bút của mình (Cũng có một số sống hoàn toàn bằng ngòi bút, nhưng những người này phần lớn không phải là nhà văn thuần tuý, đa phần họ là nhà báo). Khởi kỳ thủy của nền văn chương quốc ngữ cụ Tản Đà có viết một câu thơ bất hủ: "*Văn chương hạ giới rẻ như bèo. Kiếm được đồng lãi thật là khó*". Gần chúng ta hơn, Nguyễn Vỹ nói thẳng, chẳng cần rào đón gì: "*Nhà văn An Nam khổ như chó*". Dường như cho tới bây giờ hoàn cảnh của nhà văn trong và ngoài nước vẫn không có gì cải thiện.

Đúng vậy ở nước ta không có nghề nhà văn. Kiểm điểm lại hầu như mọi nhà văn đều có một nghề khác nuôi sống bản thân và gia đình mình. Những nhà văn của chúng ta may mắn ra thì làm bác sĩ, kỹ sư, tiến sĩ, giáo sư... Không may may mắn thì đầu đường xó chợ "sinh vô gia cư, tử vô địa táng" cũng không phải là hiếm. Ngày còn ở trong nước bấy, tám phần mười nhà văn của chúng ta là nhà binh. Nghĩ cũng tức cười, nhà văn là đủ hà cơ còn thêm vào chữ quân đội, thành ra một thứ gọi là "nhà văn quân đội". Quân đội thì có nhiều ngành nghề do đó mới có những nhà văn không quân, hải quân, nhảy dù, thủy quân lục chiến, biệt động quân... và nhà

văn cảnh sát, không phải để giữ trật tự cho những người viết mà chỉ vì ông nhà văn đó có gốc là cảnh sát.

Làm thế nào chúng ta vẫn chu toàn được bổn phận với vợ, và ba, bốn, năm, sáu, bảy... đứa con mà vẫn sáng tác những tác phẩm vĩ đại được? Viết một tác phẩm lớn không phải là một việc dễ dàng gì. Nó đòi hỏi người viết một hùng tâm lớn. Đó là một công việc dài hơi, năm, mười năm chúi đầu vào bàn viết. Khi viết được chữ Hết cho trang cuối thì đã tới cuối dốc đời. Tóc đã bạc, lưng đã cong, mắt đã mờ và gối đã mỏi. Ấy là những người còn viết được chữ hết cho tác phẩm, có nhiều người chưa kịp viết chữ hết này đã viết chữ hết cho chính cuộc đời mình. Trong năm mười năm này còn cơm áo, vợ con, nhà cửa... Trăm ngàn thứ hệ lụy quán quýt, quận quít ở đời. Giữ cho lòng ngay ngắn chỉ để ngồi xuống viết một, hai ngàn trang sách thật không phải là một chuyện dễ dàng và giản dị. Ấy là chưa kể phải viết cho hay, chứ không phải cho đầy trang sách. Một tác phẩm lớn nó dung chứa được xã hội mà tác giả đang sống, nó còn chuyên chở một chút nào đó của tương lai. Một tác phẩm lớn phải phản ánh được xã hội đương thời, đồng thời mở được một chút nào đó cho xã hội sắp tới. Thế mà bản sắc của chúng ta là một dân tộc không chuộng sự to lớn, vĩ đại. Chúng ta không có những lâu đài, dinh thự nguy nga. So với các quốc gia có lịch sử lập quốc vài ngàn năm, tiền nhân chúng ta đã để lại cho chúng ta những giá trị tinh thần nhiều hơn là những tích lũy về của cải.

Suốt hai thế kỷ nay giống nòi của chúng ta chỉ mãi lo giải quyết những vấn đề trước mắt. Mà những vấn đề đó nào có to lớn gì. Đó là cơm ăn, áo mặc. Đó là tương lai cho tuổi trẻ, sự an bình cho người già. Suốt hai thế kỷ nay giống nòi ta kiệt đi vì chiến tranh. Hết nội chiến thì lại chống ngoại xâm. Hết chống ngoại xâm thì lại chống giặc nghèo, giặc dốt... Hai thế kỷ nay chúng ta không hề có một thời khoảng thanh thoi, nhàn nhã. Với một bối cảnh xã hội như thế quả tình là khó cho một nhà văn muốn hoàn thành một tác phẩm lớn. Mai Thảo cũng phát biểu về thơ. Theo ông dân tộc Việt Nam là một dân tộc thi sĩ. Điều đặc biệt của thi ca Việt Nam là thơ là của dân gian mà ra, chứ không phải là do những thi sĩ của cung đình. Thơ Đường của Trung Hoa phát triển từ kẻ sĩ, từ những chốn dinh thự của vua quan và đi xuống với dân gian. Chỉ có Trung Hoa vào đời Đường, cách chúng ta hơn ngàn năm mới có những thi sĩ như Lý Bạch, vào quán uống rượu khỏi trả tiền vì đã có thể... tín dụng của nhà vua cấp phát, để chủ quán đến lấy tiền nơi quan đầu tỉnh. Trong khi đó ngôi sao Bắc Đẩu của thi ca Việt Nam, thi hào Nguyễn Du nghèo đến độ đã có thời là thợ săn với tên hiệu là Hồng Sơn Liệp Hộ, lánh nạn binh đao về ở ẩn trong núi gần quê vợ.

Thi hào của chúng ta có lần xuống núi được dân làng mời uống rượu, ông rất vui mừng khi ra về, lần vào túi mấy đồng tiền kẽm vợ giao cho lúc trước khi ra khỏi nhà vẫn còn nguyên không sút mẻ gì. Ca dao của chúng ta, cái nôi của thi ca Việt Nam là một loại văn chương truyền khẩu. Mãi sau này chúng ta mới san định lại, cốp nhặt lại in thành sách giáo khoa. Thơ của chúng ta bàng bạc khắp mọi nơi. Hang cùng ngõ hẻm nào cũng có những bài hát ru em, những câu hò tình tứ. Ca dao chạm tới hết thảy mọi hệ lụy của đời sống. Ca dao không phải kiêng cử gì bởi vì không có ai là tác giả, cho nên không ngại đụng chạm, không sợ bạo quyền. Chính ca dao đã ươm hồn thơ cho những nhà thơ lớn trước và sau thiên tài Nguyễn Du của chúng ta.

Nhân nói về thi ca Mai Thảo đề cập tới vài nhà thơ hiện tại. Ông cho Tô Thùy Yên là một nhà thơ lớn, Thanh Tâm Tuyền là một nhà thơ mở được một con đường mới cho thi ca Việt Nam, và Bùi Giáng là một nhà thơ không thể nói tới đơn vị "bài". Bởi vì có thể nói thơ Bùi Giáng chỉ có một bài mà thôi, một bài thơ dài bảy, tám, chín, mười ngàn câu thơ, phải in thành hai, ba, bốn quyển thơ gì đó. Thơ của Bùi Giáng đi liền một lèo, đi thẳng một mạch. Nhà thơ quen thói ngược ngạo nên ngắt vụn ra, đặt cho những cái tên nên nó thành những bài thơ.

Ông cũng đề cập tới thơ tiền chiến. Những danh tính như Vũ Hoàng Chương, Đinh Hùng,

Quang Dũng, Xuân Diệu, Huy Cận, Hữu Loan, Trần Huyền Trân, Hoàng Cầm, Hồ Dzếnh, Lưu Trọng Lư, Chế Lan Viên, Thâm Tâm... là những nhà thơ lớn của thời tiền chiến và kháng chiến. Ông lấy làm lạ là nền thi ca mới của chúng ta đã lên tới đỉnh cao ngất ngay từ lúc mới khởi đầu. Thời gian dài lọc đã gần nửa thế kỷ qua, những nhà thơ lớn thời đó xem chừng đông hơn những nhà thơ lớn hiện tại.

Mai Thảo cho biết, hiện nay ở hải ngoại vấn đề cơm áo đối với nhà văn không còn sinh tử như trong nước. Nhưng nhà văn lại có những khó khăn khác. Hiện nay chúng ta trú ngụ tại nhiều quốc gia, trải dài trên năm đại lục. Mỗi một nơi chúng ta đối phó với một khó khăn khác, thế mà chúng ta không có những kinh nghiệm lưu vong như cộng đồng Trung Hoa, Do Thái. Đó là hai cộng đồng dân tộc có kinh nghiệm lưu vong hàng ngàn năm. Chúng ta hiện nay chia ra làm hai thành phần dân tộc. Thành phần đại đa số hiện đang sống chết với đất nước nơi quê nhà, và chúng ta là thành phần thiểu số đang sống xa tổ quốc hàng vạn dặm. Đã thế chúng ta lại không thể nào thu về một mối, do đó phát sinh những khó khăn trong nội bộ của cộng đồng cũng như những khó khăn đến từ bên ngoài. Mai Thảo cho biết ông có nhận được những lời đề nghị mời ông về sống tại quê nhà. Ngay trong lòng Hà Nội, nơi mà ông đã phải bỏ mà đi trong tuổi thanh xuân. Những lời đề nghị này dựa vào tình bạn của mấy chục năm cũ, những lá thư rất cảm động này làm cho ông như sống lại những cung thương ngày cũ. Tuy nhiên ông chưa hề trả lời những đề nghị quyến rũ này.

Mai Thảo cho biết ông là nhà văn chơi với tất cả mọi người, mọi giới. Ông chỉ tránh những người xấu chứ không tránh một người nào chỉ vì họ là người Trung hay người Nam. Ông giao thiệp với các người làm văn nghệ sáng tác cũng như trình diễn. Ông đánh bạn với những người hầu sáng trong các tiệm cơm ông ăn hàng ngày, đến độ đã có những người hầu sáng khi rót rượu cho ông, thường quay mình che không cho chủ tiệm nhìn thấy đang rót rượu cho Mai Thảo, và thường chỉ thôi rót khi ông đã gạt đầu ra dấu bảo thôi. Mai Thảo là bạn của những người phụ xích lô trong những cuộc xe xa, gần. Nhiều phụ xe nhả mặt ông đến độ cứ lạng lè đạp đi khi ông đang lúi húi móc ví trả tiền. Phải thân cận với họ như thế nào để có thể nhận được những tấm lòng ấm áp như thế. Đối với các nghệ sĩ trình diễn, ông tham dự các đêm tập tuồng mới của các nghệ sĩ cải lương cho tới khi tàn cuộc thì trời đã gần rạng. Ông lấy đêm làm ngày, mà ngày thì bắt đầu vào quá Ngọ. Ông cho biết trong gần năm mươi năm nay, mỗi ngày ông móc túi ra, lấy ví trả tiền bốn lần cho bốn bữa ăn.

Điểm tâm buổi sáng, cơm trưa, cơm chiều. Ở trong nước cũng vậy và bây giờ ở ngoại quốc cũng thế, ông đi đi về về nơi trú ngụ của ông, bốn lần một ngày lạng lè như một cái bóng.

Trước sau ông viết hơn bốn chục quyển truyện. Tôi vẫn thích quyển sách đầu tay của ông là quyển *Đêm giả từ Hà Nội*, cái tên của nó đánh trúng tâm tư của cả triệu người Bắc di cư nên vì thế mà độc giả Bắc đón nhận tác phẩm này như một điều tự nhiên. Dường như tâm lý quần chúng thuở chia đôi đất nước, trong cơn hoang mang của lịch sử cũng cảm nhận như vậy, do đó quyển sách đã được tái bản nhiều lần. Đó là một quyển sách đem về cho ông một số tiền tác quyền lớn. Trên phương diện văn chương chữ nghĩa ông là một người may mắn mà không may mắn.

May mắn ở chỗ ông là một trong vài người chỉ sống bằng ngòi bút của mình. Suốt một đời người không làm một điều gì khác hơn là viết. Thế mà không nghèo, thế mà lúc nào cũng phong lưu cơm Tây, rượu chát và tối tối đi phòng trà, đi nhảy đầm. Quanh năm suốt tháng đánh răng vào buổi trưa, lên giường vào lúc gần sáng. Ông kiếm tiền dễ dàng và tiêu cũng dễ dàng. Chính cái bén nhọn trong cách phô diễn chữ nghĩa của ông, khiến ông vừa xuất hiện là ngay lập tức chinh phục được quần chúng. Ông trở thành một nhà văn ăn khách hơn bất cứ một nhà văn nào cùng thời với ông. Có một thời gian ông viết năm cái feuilleton trong một ngày. Chính

vì năm cái feuilleton một ngày mà ông trở thành không may mắn trong sự may mắn của chính ông. Nó làm hại cho văn chương. Khi ông đứng trước "tiền đường" của ngôi nhà văn học, ông khoa chân múa tay, hò hét về chữ nghĩa thì tôi là một người lính hai mươi tuổi. Thế giới của Mai Thảo là một thế giới hoàn toàn xa lạ với những người lính như tôi. Nơi ông ở là thành phố, an toàn tương đối so với chỗ của tôi. Chỗ ông lui tới là trà đình, tửu quán, là phòng trà, sàn nhảy. Trong khi nơi tôi ở, tuy chỉ là một loại lính chuyên môn, nhưng không phải vì vậy mà không giáp mặt với chiến tranh. Tôi phải thú thật một điều là sau tập truyện *Đêm già từ Hà Nội* của ông, tôi đọc thêm vài tác phẩm khác, những nhân vật ông dựng ra trong các tác phẩm sau này tôi không cảm được, mặc dù những thị dân thành phố thì hết sức ngưỡng mộ. Đôi khi lần thẩn tôi hay tự hỏi những nhân vật của Mai Thảo hình như chỉ có chơi mà không có làm. Trong lúc đất nước thì chiến tranh toại bại hoa lá, nhân vật của ông sao mà nhớn nhọc, vô trách nhiệm quá chừng.

Tuy nhiên bất cứ ai thích đọc sách đều nhận thấy Mai Thảo có một bút pháp riêng. Cách dùng chữ của ông cầu kỳ và bóng bẩy, câu văn ngắn, gọn. Trong tác phẩm của ông người ta bắt gặp những đoạn văn ngắn đẹp như một bài thơ, những đoạn văn này có thể coi như là những bài thơ xuôi mà ông đặt rải rác vào trong truyện ngắn, truyện dài của ông. Hình như ông dễ dãi trong khi dựng truyện bao nhiêu thì ông gạn lọc chữ nghĩa bấy nhiêu. Do đó truyện của ông khi đăng hàng ngày trên các nhật báo có một sức quyến rũ riêng biệt.

Từ khi qua Mỹ, đời sống của ông thu gọn lại bởi nhiều nguyên nhân. Trước tiên Tiểu Sài Gòn không phải là Sài Gòn, kể đó tuổi thì mỗi ngày mỗi cao, bận bịu rải rác khắp năm châu bốn biển. Mỗi năm ông đi xa vài chuyến. Khi về thu mình trong căn gác nhỏ. Nơi đó ông hoá thân, nhập ông vào với tờ Văn thành một, chăm chút tờ báo như là chăm con mọn. Tự tay viết địa chỉ các độc giả mà không dùng computer, hàng tháng mang báo đi in, hàng tuần mang báo đi gởi. Mỗi chiều đi ăn, mỗi tuần vài bữa nhậu. Hiện nay ông chỉ còn nhậu với một số những người thân cận gần gũi.

Vài năm trước đây ông nhậu mỗi buổi chiều. Ai rủ cũng đi, chẳng từ chối một ai, bởi vì đời sống sao mà buồn tẻ. Vài năm trước đây ông nhậu với đủ mọi hạng người. Tại sao không? Bởi vì ông đã tự nhận ông là người giang hồ của năm châu bốn biển. Do đó có những tiếng không lành, có những cảnh không đẹp. Chung quy cũng bởi cuộc sống ông quạnh quẽ quá, mà ngày thì dài lê thê. Tiếng là chăm nom tờ báo như chăm con mọn, nhưng thật tình giờ rảnh không phải là ít. Hơn thế nữa trong cộng đồng thu hẹp của chúng ta, dù muốn hay không ông là một danh sĩ. Có không ít những người cho rằng ngồi cùng bàn với ông là một điều vinh dự, đó là những người có lòng với chữ nghĩa, văn chương. Nhưng có không ít những kẻ khi ngồi chung bàn với ông thì tưởng chừng như đã lột xác, lặc mình một cái đã trở thành... văn nghệ sĩ. Ông vẫn là người có tiếng cao ngạo, nên chỉ thoáng qua một thời gian là ông nhận chân được những bữa nhậu như thế vừa vô bổ, vừa phí thời giờ mà đôi khi còn bực mình. Những năm gần đây ông hay uống ở nhà, và lại ông uống nhiều hơn ăn thì cần gì phải la cà nơi quán xá. Chính vì những lời đàm tiếu quanh ông, đã làm ông cô quạnh thêm nơi đất trịch này.

Năm nay Mai Thảo 68 tuổi, ông làm quen với văn chương chữ nghĩa suốt năm chục năm ròng rã. Hay khác đi, khi ông bắt đầu thực hiện "giấc mơ ngoài cửa lớp" của ông cùng một thời gian tôi mở mắt chào đời. Thấm thoát mà chính tôi cũng đã làm quen với chữ nghĩa cũng đã ba chục năm, quen với ông năm năm. Tôi chưa biết một người nào sống cả đời với chữ nghĩa như Mai Thảo. Tôi không biết một người nào yêu văn chương như ông.

Yêu suốt từ thuở thanh xuân, cho tới khi đầu bạc gần kề miệng lỗ. Trong suốt năm mươi năm gói đầu lên chữ nghĩa này tôi chưa hề thấy ông sử dụng chữ nghĩa như là một vũ khí đánh người. Thời của chúng ta là thời của bọn đao bút, thế mà tôi thấy ông khi viết sổ tay, nhắc đến

tất cả mọi người với lòng ưu ái, cho dù trong những người ông nhắc tới không thiếu gì kẻ đối với ông "*Bên ngoài thơn thớt nói cười. Mà trong nham hiểm giết người không dao*". Cũng không thiếu gì kẻ cút cung tận tụy bên ông chỉ vì một dòng chữ ông cho có khác gì một vòng hoa quàng cổ. Mai Thảo quả thật là một người rộng rãi trên phương diện chữ nghĩa. Chữ nghĩa nào có phải của riêng ông, của cuộc đời ông đem trả lại cho đời. Hà có gì ông phải chật hẹp?

Mai Thảo thành danh là một nhà văn, có nhiều người tặng ông là nhà văn hàng đầu. Xin nhường phần thẩm định này cho các nhà viết phê bình văn học. Phần tôi là một người viết đi sau ông gần hai chục năm. Trong gần năm mươi quyển sách ký tên Mai Thảo tôi thích *Đêm giã từ Hà Nội*, tác phẩm đầu tay của ông, nhưng tôi yêu *Ta thấy hình ta những miếu đền* tập thơ duy nhất của ông. Tôi nghĩ là chính cuộc đời ông là tác phẩm lớn nhất của nhà văn Mai Thảo. Tác phẩm đó viết bằng những trận cười thâm trầm suốt sáng, bằng những cô quạnh, tịch mịch của bảy mươi năm méo mó chấp làm người. Hãy đọc quyển sách "Đời" này với một tấm lòng mở, bởi vì quyển sách đó sẽ không có chữ với những tấm lòng chật hẹp. Bởi tôi yêu tập thơ của ông, nên xin mượn thơ của chính ông để đúc kết bài viết này. Thơ của Mai Thảo còn nhiều lắm, nếu trích nữa e rằng bài viết này sẽ dài thêm vài chục bài thơ. Dài có, ngắn có. Thất ngôn có, tứ tuyệt có. Tự do có, thơ xuôi có. Trước khi chấm dứt bài viết, tôi cầu chúc ông, nhà văn Mai Thảo những điều tôi "không" bắt gặp trong thơ ông.

Chuyến tàu trên sông Hồng

Hình dung thấy một cái bến tỉnh lẻ. Buổi chiều mùa đông. Những trụ xi măng ướt sương. Ánh đèn dầu le lói hắt ra từ những quán lá thấp. Đám người ngồi chen vai trên những hàng ghế nối liền, xây lưng ra mặt bến. Những đứa con gái mặc quần đen, áo cánh trắng, ngoài khoác áo bông đột chỉ như bàn cờ tướng, áo len xanh đỏ đan hình quả trám, hình tổ ong, hình dây thừng, thoăn thoắt múc đồ ăn từ những chậu sành da hươu vàng đậm ra những cái đĩa quả táo. Thịt ba chỉ kho, nước thịt nâu sậm nhuộm nhoáng, sao mỡ nổi đầy trên mặt, đậu nhồi lốm đốm những cọng hành xanh non, món giả ba ba có ốc ang chuối chát và giềng mẻ quyền quyền lộn nhon, cá chép kho xắt từng khoanh mỏng, mỗi khoanh còn nguyên một thỏi trứng vàng. Mưa lất phát ngoài trời. Người mại bản Trung Hoa cời trần ngồi trong một túp lều dựng ở đầu cầu đi xuống con tàu phi phà thở khói.

Và thẳng nhỏ đứng đó. Nó đội mũ trắng, quai mũ kéo căng xuống cằm. Quần trúc bầu sột soạt. Cái áo an-ba-ga quá khổ vì may dài đón tuổi thùng thình tới mắt cá chân, tay áo phải bện lên đến hai vòng, thả hết ra sẽ trùm kín ngón. Bữa cơm đầu ghé trong những quán lá thấp kia sao mà vui ấm ồn ào, sao mà ngon miệng, ngon mắt đến thế. Đứa nhỏ muốn vào ngồi ở đó, gọi đồ ăn, cầm đũa cầm bát như người lớn. Nhưng mẹ nó đã gói sẵn cho nó một bữa ăn đêm trên tàu rồi. Một gói muối vừng rang mặn, mẹ ngồi xồm rang vừng trên cái bếp kiềng ba chân, trong căn nhà bếp sát vách chuồng trâu khói rơm kết đọng thành bồ hóng phủ kín như một lớp rêu đen nhầy trên các đầu kèo, mẹ giã vừng bằng chày gỗ trong cối đá có vân xanh, mẹ xát vừng trên cái nia tre nhỏ, rồi gói vào lá chuối tươi cùng khoanh cơm nắm nhuyễn như bột mẹ nấu trong cái niêu đất nhỏ bằng gạo tám thơm để dành trong lu sành đặt dưới gầm bàn thờ, bằng nước mưa mùa hè chảy xuống cái bể rêu có ống máng cau dẫn nước từ đầu chái xuống. Và đứa nhỏ ngoan ngoãn nuốt nước miếng quay đi, nghĩ rằng chuyến đi đầu tiên trong đời nó phải có cái bữa ăn dọc đường thanh đạm ấy. Nó đi thơ thẩn chờ giờ khởi hành. Ra khỏi bờ ao có bè rau muống thả dài dưới bóng cây sung, cây mít, có luống khoai ngứa lá to bản đỏ tía bờ ao bên kia, có cá chuối lượn lờ từng đoàn, cá rô đớp mỗi muối chết đuối dưới chân cầu ao, cá bóng mí vượn cái bụng trắng phau phau, những buổi trưa nắng êm ả điểm từng tiếng động lộp bộp của trái rụng trong vườn, ra khỏi cái ngõ ruối những tình sương xanh biếc nó cầm cái nỏ cao su gác ỏi chờ rình con chim chào mào sáng nào cũng đến đậu trên ngọn cây soan, ra khỏi căn nhà lá

ba gian hai chái có bàn thờ ông bà ông vải kê chính giữa đằng sau bộ trường kỷ trên để một khay chén tống quân và một bình trà Ninh Thái chữ Tàu đỏ chói. Buổi chiều tuổi nhỏ ấy, đưa nhỏ đã vượt qua con đường tàu chìm khuất dưới đám cỏ bông, đi qua vùng ngoại ô là xóm cô đầu ngày trước, tới chân bức tường thành cổ ngập ngựa lá sấu lá bàng, rồi là những con đường đầy than và những chuyến xe goòng, rồi là những ống khói của nhà máy dệt sau những vì tường màu xám cao ngất, và nó đã đứng đó, chờ đợi chuyến tàu thứ nhất trong đời ngược dòng chờ nó vào cái thế giới hiện lên trong tưởng tượng ấu thơ như một chân trời cách trở nghìn trùng là Hà Nội.

Hình dung thấy một con tàu nằm sát kề mặt bến. Cái ống khói đen chũi, làm li thả ra những đợt khói trắng vật vờ trên miệng. Một con tàu già nua, ọp ẹp, nước sông rỉ rề lên lóng lánh suốt ba khoang hầm tàu, bọn phu cởi trần đêm ngày thay phiên nhau múc nước đổ ò ọ ra sông, tát ra tới đâu nước vào tới đó. Một cái cầu mỏng manh vắt chênh vênh từ kè đá bến xuống cửa khoang tàu ướt nhẫy. Đưa nhỏ hoàn hồn thở ra khi đi hết cái cầu dập dình nguy hiểm, nó run chân, nó lạnh người, chỉ sợ bước hụt lộn nhào xuống lòng sông. Đám người xuôi ngược nằm ngồi ngổn ngang giữa đám hàng hoá chất đống. Muối bể đựng trong bao tải ướt nhẹp, mặt bao đánh dấu từng tên cửa hàng. Bao muối quật mạnh xuống sàn tàu vỡ toang, muối nhỏ hạt hồng hồng phủ sa chảy ứ đọng từng đống lớn. Gạo cám và ngô khoai toát ra mùi ẩm mốc ngai ngái. Trứng vịt trứng gà xếp đầy trong những cái dảnh đặt ở những góc riêng tránh xa những lối đi. Đòn gánh, quang thúng, vĩ buồm, tay nải thoi lòi từ những gậm ghé chạy dài suốt hai mạn. Ánh đèn sáng trưng. Cái ống khói vượt khỏi hầm tàu chiếm một khoảng rộng chính giữa con tàu thờ phỉ phà. Hơi nóng rùng rục choáng váng phả lên từ cái lò than vĩ đại dưới hầm. Đưa nhỏ lần bước về mũi tàu, chọn được một chỗ ngồi trên đống hàng hoá, len lén ngồi xuống. Gió sông ném mưa vào mặt nó, làm tỉnh táo hẳn cái trạng thái lạc lõng kỳ thú của cuộc phiêu lưu đầu đời. Cặp mắt con chim ra ràng mờ thao láo, ngó ngó nghiêng nghiêng, dựng đầy hình ảnh. Đống dây xích sắt quấn nhiều vòng quanh cái trụ bóng loáng. Những ca-bin đánh số chiếm một khoảng riêng, người chủ tàu ngậm tẩu bệ vệ đi đi lại lại trên khoảng hành lang cách ngăn bằng một cánh cửa thấp. Rồi mặt sông mà bóng tối đã phủ xuống cùng mưa bay bỗng vang động những tiếng còi hú dài lanh lạnh. Tiếng lạt xạt của cái cầu gỗ được kéo lên. Dây thừng, dây cầu được kéo lên. Dây cáp rời trụ buộc trên bến buông thả lổm bõm xuống mặt nước. Bốn người phu cởi trần gò mình chạy quanh trục neo, cái neo rút lên từ từ lặn vào mũi tàu. Đưa nhỏ nghênh cổ nhìn lại. Mặt bến xa dần, hẳng đi một khoảng cách biệt bắt đầu. Những ngọn đèn vàng ệch. Những bóng người nhá nhem chuyển dịch trên cái bến trống thoáng chợt rộng hẳn vì con tàu đã thôi án ngữ. Tiếng nước chảy ngược gào réo hai mạn. Nghiêng đầu ngó ra mặt sông tối om thoang thoáng vết nước trắng xoá. Con tàu ngược dòng sông Hồng, ra khỏi tỉnh và những bờ bãi hoang vu, những làng xóm im lìm bắt đầu.

Hình dung thấy đưa nhỏ ngồi đó và nó nghĩ. Nghĩ đến cái thôn xóm hẻo lánh bên đường xe lửa nó vừa giã từ, đến cái tuổi nhỏ như một bông hoa đồng, một ngọn cỏ nội nó vừa bỏ lại. Những ngày mưa bão ở quê cũ, nước dềnh mặt ao, mấp mé đầu thềm, nó đầu đội mưa bắt cá lạch, nhặt trái rụng, cái mặt tái mét, quần áo dán chặt vào thân thể nhọt nhọt run rẩy nhưng tâm hồn mừng vui như mở hội. Đưa nhỏ yêu những ngày nước lụt, những ngày mưa bão như thế. Ban đêm nó tỉnh dậy khi nhạc mưa rào rào trên mái, khi gió quật đập dữ dội làm những kèo nhà cốt kết lay chuyển, khi những hàng xóm những tiếng í ới hò nhau chống nhà vang dội trong mưa. Buổi sáng, nó nhảy cẫng xuống đất, chạy vội ra đầu chái nhìn lên. Mây hoang hoang đầy trời bão động. Mẹ nó kéo lét vào bắt mặc áo bắt đi guốc. Nó thoát khỏi tay mẹ, chạy ra lấy thau đồng hứng nước mưa từ đầu gianh trút xuống, ngồi thu lu. Nước chảy tràn lan khắp cùng ngõ trước sân sau. Nước băng băng dồn đổ, đâu đâu cũng là nước, cái cảnh tượng ngập lụt của tuổi nhỏ ấy là sự mê thích sáng khoái rất tạo vật rất thiên nhiên mà đưa nhỏ đang hồi tưởng từ một chuyến tàu đang ngược dòng về thành phố lớn.

Hình dung thấy con tàu trên con sông đó. Con sông Hồng Hà. Như dòng máu đỏ tươi chạy băng băng khắp vùng trí nhớ băng khuâng. Con sông như một đời sống vĩ đại. Bên này bãi lở. Bên kia bãi bồi. Tiếng sóng giữa dòng trùng trùng ca hát. Tiếng sóng đập cái tiếng đập mênh mông đầu ghềnh nơi tả ngạn bị hút xoáy mãi miết, nước xô xao róc rách đẩy lùi mãi những bãi dâu và những nương khoai vào những chân tre cù. Nơi tả ngạn, ngọn sóng hiền lành lặn dần êm ả trên những bãi ngằm nổi hình mùa lũ này qua mùa lũ khác. Đứa nhỏ trôi theo con tàu trên dòng trường giang hùng vĩ chợt nhớ tới những con sông làng thon mềm dải lụa có trâu đầm từng đàn dưới bóng đa nghiêng, có những chiếc cầu đá dẫn tới một phiên chợ sớm đầu đình, có những cầu gạch mở vào những cái ngõ lang thang mất hút, có cỏ gà trên gò đồng, cỏ ống trên mả, có những cầu tre tay vịn chòng chành, đêm đêm có ánh đom đóm lập loè, có ánh trăng xanh mờ tỏ tới những khoảng sân gạch bát tràng nồng ấm hương lúa đầu mùa. Tiếng quạt thóc, tiếng đập thóc rào rào. Màu lúa vàng diệp dưới ánh trăng nhể nhại. Tiếng cười tiếng đùa ròn rã là âm thanh đầm ấm của những năm tháng được mùa thoả thuê trong hạnh phúc quê mùa và yên vui đơn giản. Đứa nhỏ nhớ mãi cái cảm giác lạo xạo dưới lòng chân khi nó dang tay đi rê rê, miệng ngậm một cọng rơm tươi giữa đám thợ gặt từ những phương trời khác đeo hái tới làng, lại đeo hái lên đường tới những cánh đồng chưa gặt khác. Nó thấy người ta nói chuyện tiếu lâm, người ta tự tình, người ta yêu nhau. Và khi đám con trai lạ bỏ làng đi, nó cũng đứng tần ngần dưới chân đê nhìn theo hàng một dài tấp kéo dài trong ánh bình minh rồi nhỏ dần, nhỏ dần như một sợi chỉ và mất hút. Nhớ tiếng trống làng thùng thùng. Tiếng chuông chiều buổi tối. Tiếng mõ niệm buổi trưa. Tiếng gà gáy sớm. Tiếng chó sủa đêm. Nhớ những âm thanh mộc mạc nghìn đời của đất của đồng của hoa của cỏ. Nhớ tiếng ếch tiếng nhái ào ộp dưới ao bèo Nhật Bản, tiếng ve ran ran, tiếng sáo diều vi vu bất tận trên nền trời rộng, tiếng đòn gánh kéo kẹt rập rình, tiếng chân đi nặng nặng của đám tuấn bác mỗ canh đêm, là những tiếng động cũ kỹ, thuần túy của xóm làng có ao sen đầu đình giếng đá đầu quán, có những chuyến xe buýt cà rịch cà tang thổi khói khét lẹt trên mặt đê cao.

Đứa nhỏ sống trong thứ thời gian rất thơ và rất xanh của bốn mùa, thứ không gian tình cờ của mưa mưa nắng nắng, nó sống trong cái thế giới của chuồng trâu bếp lửa, của khói rạ lượn lờ trên mái tranh, của hương hoàng lan thoang thoang trong cây, của hương bồ kết cay cay trong tóc. Nó nhớ lại tuổi nhỏ như một con chuồn chuồn ngất ngư trong biển nắng, cái tuổi nhỏ như say rượu, cái tuổi nhỏ nằm tròn thành một giọt sương mai giữa đất trời, cái tuổi nhỏ ru nó bằng nhịp võng đưa, cái tuổi nhỏ thật nhỏ, cũng thật hiền, thật non và cũng thật xanh, cái tuổi nhỏ của cái mũ trắng nó đang đội, của cái quần trúc bầu sọt soạt nó đang mặc, của tóc mới đâm cứng như rễ tre, của da mới vỡ đầy vết lang ben, của tiếng nói khao khao như tiếng gà trống, cái tuổi nhỏ thật là tuổi hồng, cái tuổi nhỏ ở đồng chưa từng biết thế nào là ánh điện, là đường nhựa, là ngã tư, là phố phường.

Hình dung thấy chuyến đi đó, trên con tàu, trên Hồng Hà. Đêm trên sông lớn trải khắp bốn hướng mênh mông. Đứa nhỏ ríu mắt gục xuống cái mũ trắng trên đầu gối, thiếp đi. Bỗng nó bàng hoàng thức dậy. Con tàu ngược dòng như lãng đãng trườn đi trong khói sương và chiêm bao mơ hồ. Rồi là một hồi còi. Từ cái đỉnh ống khói, tiếng còi được ném lên vòm trời khởi sự là một thứ âm thanh đặc quánh hơi nước, tiếng còi vụt lên thật cao, còi rùng mình rồi phóng về hai phía, vể lên, cái âm thanh ngân ngân vang vang kỳ lạ của nó tắt cả những bờ bãi, những cuồi mồm, những đầu ghềnh, những khúc quanh, những ngã ba nhạt nhòa trong bóng tối. Tiếng còi vang động một vùng làng xóm ngủ thiếp, lọt vào những cánh cổng đóng kín, loang tới những khoảng sân vắng, những cái bếp tro than nguội lạnh, những bờ ao kín đặc trong sương, tự lòng sông chuyển cả không gian mịt mùng, chuyển cả thời gian thăm thẳm, chuyển những vì sao lác, những ánh trăng suông, cái điệp điệp trùng trùng của trường giang, cái mênh mông ngút mắt của bãi bờ, của cửa biển, của khơi xa, của núi rừng vào những làng xóm, làng xóm trùm kín lấy, và lắng đọng bồi hồi mãi mãi. Con tàu đi vào một khúc sông khác. Nhưng tiếng còi đêm còn lại, vỉnh viễn, với Hồng Hà. Đứa nhỏ nghe tiếng còi và tiếng còi bao nhiêu năm tháng

sau này, còn ám ảnh thần trí nó, kết tinh thành cái âm thanh của tuổi nhỏ mất dần từ một đêm bỏ làng ra phường phố. Lớn lên, đi qua một con sông nào, dừng lại ở một bến tàu nào, đứng ngắm một dòng nước nào, trong đầu óc đứa nhỏ lại nổi dậy cái âm thanh náo nùng lê thê của tiếng còi trên dòng sông Hồng của một chuyến đi tuổi nhỏ. Cúi đầu xuống và nhắm mắt lại mà theo dõi cái âm thanh không bao giờ mất ấy trong dòng hồi tưởng, nó lại như thấy vẽ ra trước mắt con tàu cũ, cái bến xưa, và tất cả hình ảnh của một tuổi nhỏ chơi với như một cánh bướm ma ẩn ẩn hiện hiện trong sương mù quá khứ. Đó là đợt gió lùa vào tiềm thức. Tiếng nước nở của tuổi thơ. Tiếng thờ dài của quá khứ khi hình hài và tâm hồn nó bây giờ đã đổi khác. Đó là âm thanh khởi đầu cho một trình tự hồi tưởng xa xa thẳm, khi nó muốn nhỏ lại như tuổi nào, để được ngậm một cọng rơm tươi, chạy miết trên những con đường dẫn đưa vào thiên đường cũ.

Hồi tưởng lại một buổi sáng nhợt nhạt. Con tàu ghé bến Hà Nội rồi. Phường phố lớn chập chùng. Đứa nhỏ bàng hoàng đi lên. Và con sông Hồng, và tiếng còi và chuyến tàu đã bỏ lại sau lưng cùng tuổi nhỏ.

Vài ghi nhận về Mai Thảo Nguyễn Hưng Quốc

Viết nhân ngày Mai Thảo qua đời
Melbourne, Chủ Nhật, 11.1.1998



Lời tác giả :

Cách đây mấy tháng, bỗng dưng tôi nảy ra ý định viết một cái gì đó về Mai Thảo nhân ngày giỗ thứ sáu của ông (11.1.1998-11.1.2004). Thế nhưng, chuyện nọ chuyện kia đưa đẩy, không những tôi không viết được gì mà cả đến ngày giỗ của ông, ngày 11 tháng Giêng trôi qua lúc nào tôi cũng không hay. Hôm nay, sực nhớ, lòng buồn đi vì ân hận. Không có gì mới, đành xin đăng lại bài viết cũ, như một nén nhang gửi vào cõi vô cùng.

Có một bữa, tại California, Mai Thảo ngồi bên lề đường chờ xe bus. Mùa đông, trời lạnh. Chờ cả nửa tiếng đồng hồ. Ngồi không, mắt băng quơ ngó quanh, tình cờ dừng lại ở những bảng tên đường trước mặt, tất cả đều mang những cái tên ngoại quốc lạ hoắc vừa khó đọc vừa khó nhớ, Mai Thảo bỗng nảy ra một ý nghĩ nghịch: tại sao những con đường ấy không mang tên mình nhỉ? Sẽ dễ đọc và dễ nhớ biết mấy. Cái tứ của bài thơ 'Ta thấy hình ta những miếu đền' bắt đầu bằng câu 'Ta thấy tên ta những bảng đường', hình thành từ lúc ấy. "Đùa thôi", Mai Thảo nói, "Văn chương là chuyện đùa nghịch mà!". Cười, nhấp một ngụm rượu, Mai Thảo nói tiếp, giọng sôi nổi hẳn: "Đặc điểm nổi bật nhất của văn học Việt Nam từ xưa đến nay là sự đùa nghịch. Tất cả những kiệt tác đều là những sự đùa nghịch. Hồ Xuân Hương, Tú Xương, Tản Đà là những người đùa nghịch. Nguyễn Du cũng đùa nghịch khi viết *Truyện Kiều*. Ngay cả *Cung*

oán ngâm khúc cũng thấp thoáng rất nhiều sự đùa nghịch. Các nhà văn nhà thơ Việt Nam chỉ viết hay khi đùa nghịch". Nghe Mai Thảo nói như thế tại tiệm ăn Tố Lan, quận 13 Paris, nhân chuyến ông qua Pháp chơi, tối ngày 9.10.1990, tôi chỉ ngồi cười. Ừ, thì đùa.

Nhưng tôi có cảm tưởng trong cuộc sống, Mai Thảo ít biết đùa. Trong mấy lần gặp ông, chuyện trò khá thân mật với ông, hiếm khi nào tôi nghe Mai Thảo nói một câu khôi hài. Hơn nữa, ông còn dễ nổi cáu khi nghe người khác bông phèng. Ông chỉ biết có mỗi một trò đùa: đùa nghịch với chữ nghĩa, với văn chương. Đùa riết thành mê. Ông là một trong những người Việt Nam hiếm hoi không làm bất cứ nghề nào khác ngoài cái nghề cầm bút. Cho đến tận sau này, khi đã trải qua bao nhiêu bể bàng và cay đắng của cuộc đời, nổi đam mê của ông vẫn không hề phai pha chút nào cả. Chỉ cách đây không lâu, hàng tháng, trên tạp chí *Văn* tục bản tại California, ở mục 'Sổ tay', bao giờ cũng có mấy trang viết mướt mà của ông. Những trang văn, nhiều lúc, đọc cứ ngỡ như thơ.

Dù sao, cũng phải gặp Mai Thảo, nghe Mai Thảo nói chuyện về thơ, người ta mới hiểu được lòng yêu thơ của ông sâu sắc đến độ nào.

Lần đầu tiên tôi gặp Mai Thảo là vào tối Chủ nhật, ngày 19 tháng 3 năm 1989, tại nhà riêng của ông - đúng hơn là phòng riêng trong một chung cư dành cho người già - ở California. Anh Nguyễn Mộng Giác chờ tới. Mai Thảo mở cửa, gạt chào, rồi nói chuyện tiếp với ai đó qua điện thoại. Giọng Mai Thảo trầm, ấm và ngọt ngào lạ lùng. Dần dần, tôi cũng đoán được người bên kia đầu dây là Kiều Chinh. Lúc ấy, tôi hơi ngạc nhiên, nhưng sau này, gặp Mai Thảo vài lần, dần dần tôi hiểu ra là hình như với người phụ nữ nào Mai Thảo cũng nói chuyện bằng cái giọng trầm, ấm và ngọt ngào như vậy.

Trong lúc ông nói chuyện, tôi đảo mắt nhìn quanh. Một kệ sách. Một cái bàn. Một cái giường chiếc phủ nệm trắng. Một cái Tivi nhỏ và năm bảy chai rượu nằm trong góc. Là hết. Lúc ấy, tôi nghĩ ngay đến một câu thơ của Nguyễn Bính: 'Quán trọ nhà thơ như chiêm bao'.

Khoảng năm, bảy phút sau, gác điện thoại xuống, Mai Thảo quay lại tôi, gạt gạt: "Quốc đấy hả? Trẻ ghê nhỉ?"

Rồi thôi. Đứng, tay cầm ly rượu, Mai Thảo nói: "Đọc thơ thích thật. Tôi vẫn ân hận mãi mình không phải là nhà thơ toàn phần như các bạn tôi. Như Vũ Hoàng Chương. Như Thanh Tâm Tuyền. Các anh ấy làm thơ hay quá. Thèm quá."

Cứ thế. Tiếp tục đứng, tiếp tục cầm ly rượu trên tay, Mai Thảo nói về thơ. Say sưa. Tôi đến lần đầu tiên, không một chút khách sáo, ông nói, như là tiếp tục một câu chuyện dở dang từ trước. Với một người đã quen và thân lắm. Tôi cũng có cảm giác tương tự như vậy khi lần đầu tiên gặp Nguyễn Mộng Giác, tại Chicago, trong một cuộc hội nghị mấy ngày trước đó. Gặp nhau, bắt tay nhau, cười rồi nhập ngay vào chuyện văn, chuyện thơ, lâu lâu tạt sang chuyện đời. Một lát. Rồi lại vẫn văn vẫn thơ. Rất thoải mái. Rất tri kỷ. Không phải cực lòng với những chuyện nặng chuyện mưa. Khởi phải chịu đựng những phút bối rối nhìn trời, nhìn đất.

Khác với Nguyễn Mộng Giác, Mai Thảo ít nói chuyện đời và cũng hiếm khi nói chuyện văn. Ông chỉ nói về thơ. Dường như, trong chuyện trò, Mai Thảo chỉ tâm đắc với một đề tài: thơ. Không nói chuyện về thơ được, ông im lặng, lằm lằm, hầu như chỉ chực gây sự. Tôi chưa thấy ai say thơ đến như vậy. Say đến đắm: tay cầm ly rượu, mắt lim dim, vừa đọc vừa bình, giọng lúc trầm lúc bổng, dường như cả tâm hồn ông cũng bập bênh theo những sóng chữ dập dìu. Đắm đến mê: ông nói chuyện mà cứ như đọc thoại. Tôi ngờ là ông không cần biết là người khác có nghe hay không. Ông nói thao thao. Những lúc ấy chỉ cần một tiếng cười, một câu nói đùa lởi nhíp là ông nổi giận, đâm ra bản gắt, cáu kỉnh tức khắc. Tôi có cảm giác Mai Thảo coi đó là một sự xúc

phạm đối với thơ, đối với cái Đẹp.

Đáng lẽ Mai Thảo phải là một thi sĩ, một 'thi sĩ toàn phần', như chữ ông thường dùng. Những tác phẩm đầu tay của ông là thơ. Ngay cái bút hiệu của ông hiện nay cũng nảy sinh từ một mối tình đối với thơ. Ông kể với tôi trong một bữa cơm tối tại nhà riêng của tôi ngày 10.10.1990 nhân chuyến ông sang Paris chơi:

"Sở dĩ tôi lấy bút hiệu Mai thảo là vì hồi nhỏ, khi đi học, ở trong trường, tôi có một thằng bạn làm thơ với bút hiệu Mai Luân. Thơ cũng vừa thôi, nhưng hồi đó, chẳng hiểu tại sao, tôi mê thơ hẳn lạ lùng. Coi hẳn như thần tượng. Nên mới đặt cho mình bút hiệu Mai Thảo. Cùng là Mai cả. Mai Luân. Mai Thảo. Năm đó, tôi khoảng mười lăm tuổi".

Những năm đầu kháng chiến chống Pháp, Mai Thảo đã có hẳn một tập thơ, chép tay, nắn nót cẩn thận, trong một quyển vở, sau, bị rơi mất trên sông Mã, dòng sông nổi danh trong bài 'Tây tiến' của Quang Dũng: 'Sông Mã gầm lên khúc độc hành'. Tập thơ đầu tay ấy, tôi ngờ lắm, chưa chắc đã hay, song dù vậy, mỗi lần nhắc lại, giọng Mai Thảo cũng chùng xuống, bùi ngùi.

Vào Miền Nam, suốt mấy chục năm, Mai Thảo chủ yếu chỉ viết truyện và tùy bút. Thơ, nếu viết, chỉ viết thật hoạ hoẩn. Lâu, lâu lắm mới được vài bài. Nhưng hình như không lúc nào Mai Thảo thực sự xa thơ. Những câu văn xuôi của ông, hơn bất cứ người nào khác, thấm đẫm chất thơ: chúng mất đi khá nhiều góc cạnh để cứ chơi vơi như là sương là khói. Những trang hay nhất của Mai Thảo là những trang tả cảnh và những cảnh Mai Thảo tả hay nhất là những cảnh tịch mịch, quạnh vắng, đìu hiu: một thành phố nhỏ, một căn nhà nhỏ, một con đường nhỏ, những chiều mưa và những buổi tối, những đêm khuya đã lặng tiếng người, chỉ còn ánh trăng lẻ loi trên cao và chỉ còn tiếng gió thềm thì trong lá; tức những cảnh rất gần với khí hậu của Thơ Mới.

Mai Thảo thành công trong truyện ngắn hơn là trong tiểu thuyết. Những truyện ngắn thành công của ông là những truyện ngắn pha nhiều, thật nhiều chất tùy bút: dường như, ở đó, Mai Thảo có điều kiện thuận lợi để ngoại tình với thơ hơn; ở đó, cái hay cái đẹp không còn lệ thuộc quá nhiều vào nhân vật, vào kết cấu câu chuyện nữa mà chủ yếu ở lời văn, ở giọng văn. Về phương diện này, Mai Thảo rất gần với Nguyễn Tuân. Khác một điều: trong lúc Nguyễn Tuân mài chữ cho thật sắc, như một cành gai; Mai Thảo trau chữ cho thật mềm, như một đài hoa. Chữ của Nguyễn Tuân quánh lại; chữ của Mai Thảo loảng ra. Đọc Nguyễn Tuân, có cảm giác như đi trên ghềnh trên thác, cứ hay giật mình, pháp phồng; đọc Mai Thảo, có cảm giác như đi trên dòng sông, thấy phôi phới, thấy êm ả lạ lùng. Nguyễn Tuân bắt người ta nhớ; Mai Thảo làm người ta quên.

Đáng lẽ Mai Thảo là một thi sĩ, một 'thi sĩ toàn phần', như chữ ông thường dùng. Nói chuyện với ông, tôi để ý thấy một điều: những người Mai Thảo phục nhất, thích nhất, nhắc nhở đến nhiều nhất đều là các nhà thơ: đó là Xuân Diệu và Huy Cận thời 30-45; Chế Lan Viên và Nguyễn Đình Thi thời 45-54; Vũ Hoàng Chương, Thanh Tâm Tuyền và Tô Thùy Yên ở miền Nam, sau năm 1975. Ông chê Chế Lan Viên ở tập *Điều tàn* nhưng lại rất phục Chế ở giai đoạn Vàng sao và mấy năm đầu của cuộc kháng chiến chống Pháp. Theo ông, trong phong trào Thơ Mới, nhiều người làm thơ hay, song nhìn chung, người có tầm vóc hơn cả là Xuân Diệu. Ông khoe với tôi, lúc trẻ, ông thuộc hầu hết các bài thơ trong tập *Thơ thơ* và *Gửi hương cho gió*. Những bài thơ ông thích nhất là: 'Nguyệt cầm', 'Nhị hồ', 'Lời kỹ nữ', ... Tính theo đơn vị câu, câu thơ Xuân Diệu ông thích nhất là:

*Phát phơ hồn của bông hường
Nghe trong phiêu bạt còn vương máu hồng.*

Cũng tại nhà tôi, trong bữa cơm tối nhắc ở trên, sau khi đọc hai câu thơ vừa dẫn của Xuân

Diệu, ông gật gù: "Hay và lạ vô cùng. Đọc, mình chẳng hiểu tại sao cả. Nhưng cái màu nhiệm của thơ là ở đó. Thơ hay phải có chút mơ hồ, hàm hồ. Rõ ràng quá, nó sẽ là văn xuôi".

Liên quan đến luận điểm thơ phải có chút mơ hồ, chút tối tăm, một lần khác, Mai Thảo kể bài thơ 'Đợi bạn' của ông in trong tập *Ta thấy hình ta những miếng đèn* thoát đầu như sau:

*Nửa khuya đợi bạn từ xa tới
Cửa mở cầu thang để sáng đèn
Bạn tới lúc nào không biết nữa
Cò quắp người trong giấc ngủ đen.*

Sau, vẫn giữ nguyên ba câu đầu, ông sửa câu cuối lại thành:
Mưa thả đều trên giấc ngủ đen.

Ông tự nhận xét: "câu sửa lại mơ hồ hơn, nhưng hay hơn nhiều. Nó để lại nhiều dư vang hơn".

Với các nhà thơ cùng sinh hoạt chung với ông ở Miền Nam từ 1954 đến 1975, ông thương Vũ Hoàng Chương: "Con người anh ấy lạ lắm. Đúng là một thi sĩ. Mặt mũi lúc nào cũng ngơ ngơ ngác ngác như trẻ con. Mà nói chuyện về thơ thì hay vô cùng. Ai cũng là thằng hết. Lý Bạch là thằng. Nguyễn Du là thằng. Một người yêu thơ, thuộc thơ nhiều vô cùng tận". Ông phục Thanh Tâm Tuyền: "Trong bọn tôi, anh ấy là người xuất sắc nhất. Rất đa tài. Làm thơ hay. Viết văn hay. Lý luận hay. Phải nghe anh ấy đọc thơ Nguyễn Xuân Sanh mới thích". Và ông mến Tô Thùy Yên; "Trước đây, bọn tôi cứ tưởng nói đến thơ là phải nói đến dân miền Trung miền Bắc. Cái thằng ấy xuất hiện mới lạ chứ. Nó kỳ vĩ phi thường quá. Càng lớn tuổi, thơ nó càng hay, càng tuyệt vời".

Tấm lòng của Mai Thảo đối với bạn bè thật đẹp. Tôi đã vài lần nghe Mai Thảo nhắc đến Thanh Tâm Tuyền, Tô Thùy Yên, Doãn Quốc Sỹ, Trần Dạ Từ, Nhã Ca, v.v... lúc những người này còn kẹt ở Việt Nam, lần nào cũng thế, giọng ông ấm áp và đầy thân tình. Có mấy lần ông từ California sang Paris chơi, ở nhà Trần Thanh Hiệp, ông than phiền là Trần Thanh Hiệp, ngoài những giờ đi làm ở sở, cứ đi họp hành mãi, thường về nhà rất trễ, mà về nhà thì chỉ khoái bàn chuyện chính trị, "nghe chán chết đi được", tôi - lúc ấy còn ở Paris - bèn rủ ông về nhà tôi ở, nhưng ông từ chối bằng giọng nhỏ nhẹ:

"Không được, chán thì chán nhưng dù gì tôi với anh Hiệp cũng là bạn với nhau từ lâu. Đã không đến Paris thì thôi, chứ đến Paris thì phải ở với anh ấy. Trừ phi anh ấy từ chối thì tôi mới đi ở nhà người khác, chứ còn tự nhiên mà xách khăn gói đến ở nhà người khác thì không phải với anh ấy".

Ông rất coi trọng tình bạn. Ông nói với tôi: chất keo nối kết nhóm Sáng Tạo lại với nhau là tình bạn; điểm chung duy nhất giữa các thành viên trong nhóm Sáng Tạo cũng là tình bạn, là sự chân tình và thủy chung đối với bạn bè. Mai Thảo nhấn mạnh: điều ông coi trọng nhất trong tình bạn là sự thủy chung. Tôi đùa, hỏi ông: "Còn trong tình yêu?". Không trả lời thẳng câu hỏi của tôi, ông nói, giọng ngậm ngùi:

"Trong lãnh vực ái tình, tôi là người thất bại. Đến, ở với một số người nhưng không lâu bền với ai cả. Theo tôi, tình yêu đẹp nhất là thứ tình yêu lâu dài. Đi ngoài đường, gặp những ông bà già 70, 80 tuổi dìu nhau qua đường, tôi cảm động ghê lắm. Dù có hục hặc với nhau, đôi khi; dù có gấu ó nhau, đôi lúc, nhưng ở với nhau được một thời gian dài đến như thế phải nói là một sự thành công tuyệt đẹp".

Mai Thảo nhớ rất nhiều thơ. Tôi vẫn có chút tự hào là nhớ nhiều thơ, vậy mà, những lần đầu

tiên nói chuyện với Mai Thảo, có khi tôi cảm thấy bối rối, đâm ra nghi hoặc cái vốn thơ tưởng là giàu có lắm của mình: nhiều bài thơ chỉ đăng báo một thời gian ngắn trước hoặc sau năm 1945, sau không in lại ở đâu cả, ông vẫn thuộc lòng. Lần đầu tiên tôi nghe nhiều bài thơ của Chế Lan Viên trong những năm trước và sau Cách mạng tháng Tám là từ ông. Những bài thơ ấy không được in lại ở miền Nam trước năm 1975 và cả ở miền Bắc trước năm 1989, tức năm Chế Lan Viên qua đời: ở miền Nam, người ta coi chúng là 'cộng sản'; ở miền Bắc, người ta coi chúng chưa thấm nhuần lập trường cách mạng đủ, còn chao đảo giữa những phương pháp sáng tác suy đồi của tư sản, chủ yếu là chủ nghĩa lãng mạn và chủ nghĩa tượng trưng. Do không ở đâu in lại nên tôi không hề biết. Lần đầu tiên nghe những bài thơ ấy từ Mai Thảo, tôi lặng người nửa vì sung sướng nửa vì thẹn thùng. Mãi đến đầu thập niên 90, tôi mới được đọc trọn vẹn những bài thơ ấy của Chế Lan Viên trong các tập *Di cảo* của ông, do vợ ông, bà Vũ Thị Thường sưu tập.

Dần dần, nói chuyện với Mai Thảo nhiều, tôi phát hiện ra hai nhược điểm chính của ông. Một là, cái vốn triệu phú về thơ của ông chỉ giới hạn trong phạm vi từ 1932 đến 1945, hoặc muộn hơn một chút, khoảng 1949-50. Thơ cổ điển, trước thế kỷ 20, ông biết rất ít. Thịnh thoảng ông có nhắc đến Nguyễn Trãi, Nguyễn Bỉnh Khiêm, Nguyễn Du, Nguyễn Công Trứ, Đoàn Thị Điểm, Hồ Xuân Hương, Bà huyện Thanh Quan, v.v... nhưng cái biết của ông cũng rất giới hạn và cái hiểu của ông thì lại càng đáng ngờ. Thơ Miền Nam, mặc dù ông nói là ông rất yêu, ông cũng không nhớ nhiều. Có lẽ lúc ấy một phần vì bận bịu, một phần vì lớn tuổi, khả năng tiếp nhận của trí nhớ ông bắt đầu giảm đi chăng? Dù sao cũng có điều không thể phủ nhận được: về phương diện ý thức, Mai Thảo nhiều lần hô hào vượt bỏ Thơ Mới và Tự Lực văn đoàn, nhưng về phương diện cảm xúc, tâm hồn ông vẫn là tâm hồn của thơ 32-45, được ướp bằng hương hoa của chủ nghĩa lãng mạn và chủ nghĩa tượng trưng, từ Baudelaire cho đến Xuân Diệu, từ Rimbaud cho đến Hàn Mặc Tử. Thơ của ông hay nhưng về nhiều phương diện vẫn chưa thoát ra ngoài quỹ đạo của Thơ Mới. Nhiều bài lục bát của ông mang đậm hơi hướm của Huy Cận.

Khuyết điểm thứ hai của Mai Thảo là ông giỏi về cảm tính hơn lý tính; trực giác ông mạnh nhưng khả năng lý luận lại yếu. Nhược điểm này khiến cho Mai Thảo thường xuyên tự mâu thuẫn với ông. Có lúc ông cho trong văn chương, yếu tố quan trọng nhất là kỹ thuật. Trong nghệ thuật nói chung, vấn đề cũng là kỹ thuật. Cùng một bản nhạc, người này chơi hay, người khác chơi dở là do kỹ thuật. "Văn chương mà không có kỹ thuật là vất đi. Kỹ thuật trong chữ, trong câu, trong hình ảnh, trong nhạc điệu. Phải có kỹ thuật thì mới viết văn làm thơ được". Nhưng chỉ năm, mười phút sau, ông lại nói, giọng hùng hồn: "Thơ bây giờ không thể đóng cửa ngòai trong phòng mà ê a cho du dương. Thơ phải cởi trần, phải ra đường, xuống phố, lội ra biển. Thơ phải nhập cuộc. Thơ phải là tiếng nói của quần chúng". Bởi vậy, một mặt, ông hết lời ca ngợi tài hoa dùng chữ, đặt câu của Xuân Diệu, Huy Cận thời tiền chiến, của Chế Lan Viên thời đầu kháng chiến; mặt khác, ông lại cũng hết sức trân trọng Thâm Tâm, Trần Huyền Trân, những người, theo ông, đã dám dùng thơ để chống lại một cái gì.

Nhớ, có lần, nghe ông nói xong, tôi hỏi: "Vậy, giữa kỹ thuật và thái độ của nhà thơ đối với cuộc đời, cái gì là quan trọng hơn?".

Ông ám ớ: "Tuỳ".

Tuỳ. Cái người từng được coi là thủ lĩnh của nhóm Sáng Tạo dường như ít khi đi đến tận cùng một quan niệm, một lý thuyết. Mà hình như ông cũng chẳng biết một lý thuyết, một quan niệm văn học nào cho đến nơi đến chốn. Nói chuyện với ông, tôi thấy ông hay lẫn lộn các khái niệm, các trào lưu rất khác, rất xa nhau. Khác với Võ Phiến, ông không hề tò mò về các cuộc phiêu lưu của những người cầm bút khác. Ông nhiều lần nói thẳng: ông đọc, trước hết, là đọc những gì do bạn bè ông viết. Còn sách báo tiếng Pháp? Điều tôi ngạc nhiên nhất khi quen biết ông là

ông, người nổi tiếng về chuyện chỉ chuyên chú vào cái đẹp hình thức trong câu văn, rất ít dấn thân, lại chỉ thích đọc các sách bàn về chính trị. Có hồi, thỉnh thoảng từ Mỹ, ông viết thư nhờ Trần Vũ ở Paris mua giùm ông một số sách tiếng Pháp. Tôi để ý: tất cả đều là sách bàn về chuyện chính trị; không có cuốn nào bàn về văn học cả.

Tôi nghĩ là Mai Thảo hiểu rất rõ những hạn chế của ông và của bạn bè ông. Tại nhà Trần Thanh Hiệp, ở Paris, ngày 20.5.1989, Mai Thảo nhắc đến nhóm Sáng Tạo một cách sôi nổi: "Cái công lớn nhất của Sáng Tạo là kêu gọi mọi người phải đổi mới, phải lên đường, phải chặt neo tất cả mọi con thuyền. Đi đâu, về đâu, chúng tôi không biết. Nhưng cần nhất là phải đi, phải xa rời cái bến đậu tiền chiến. Mỗi người phải ra đi để tìm chân trời, để tìm biển khơi cho mình".

Đang sôi nổi như thế, ông bỗng im lặng rồi chùng hẳn giọng xuống: "Bây giờ, nhìn lại, thành thật mà nói, trong bọn chúng tôi, không ai tới đích cả. Nhưng quan trọng nhất là chúng tôi đã thúc giục mọi người ra đi".

Cũng buổi tối ấy, ở nhà Trần Thanh Hiệp, Mai Thảo nói mấy điều riêng tôi rất khoái. Thứ nhất, về quyển *Thi nhân Việt Nam* của Hoài Thanh và Hoài Chân: "Quyển sách tuyệt hay. Hay nhất là Hoài Thanh, vào đầu tập sách, đã có mấy lời chiêu tuyết Tân Đà. Quyển sách ra đời làm cho mọi người yêu thơ hơn và làm cho các nhà thơ tự yêu mình hơn". Thứ hai, nói về thơ nói chung: "Thơ là Đất là Trời, là *Ciel et Terre*. Thơ hay phải có Đất có Trời, có sự rộng rãi, có chuyển động bát ngát".

Trong những lúc chuyện trò, ngà ngà say, Mai Thảo thỉnh thoảng có những câu nói xuất thần như vậy. Cho đến nay, tôi gặp ông tổng cộng chỉ có ba lần: lần đầu vào tháng 3.1989 khi tôi qua Mỹ, ghé California mấy ngày; hai lần sau vào tháng 5.1989 và tháng 10.1990 khi Mai Thảo sang Pháp chơi. Chỉ qua mấy lần gặp gỡ ngắn ngủi ấy, tôi đã nhớ được ở ông một số câu nói hay. Như, về nhà văn, nhà thơ: "Lạ lắm. Dù họ sống bao nhiêu tuổi mặc dù, mỗi lần đọc họ, chúng ta cứ có cảm tưởng là họ thọ ghê lắm, cái gì cũng biết, cái gì cũng trải. Họ sống đến tận cùng cuộc sống của họ nên dẫu họ có chết năm 20 tuổi hay 30 tuổi thì họ vẫn là những người thọ rất lâu".

Như, về giá trị của văn học: "Cái hay của thơ màu nhiệm vô cùng. Nó không ở sau lưng ta. Nó cũng không ở bên cạnh ta. Nó ở trước mặt ta, nó chờ ta. Cứ đến bất cứ một giai đoạn nào đó trong cuộc đời, ta lại thấy nó đang đứng trước mặt và chờ đợi ta". Như, về kinh nghiệm viết lách của chính ông: "Điều tôi ân hận nhất là không biết chữ Hán. Không biết chữ Hán, viết văn đôi lúc không an tâm, cảm thấy như mình ngồi trên một chiếc ghế không có chỗ dựa". Cũng liên quan đến vấn đề ngôn ngữ, ông chủ trương: "Khi làm thơ, tôi cố dùng những chữ thật dễ hiểu, thật bình dị. Cố tránh từ Hán Việt. Cái tài của nhà thơ được đo lường ở những chữ có vai trò thứ yếu, ở 'thì', 'mà', 'là', 'và', v.v... chứ không phải ở những chữ lớn lao, nặng nề".

Năm 1993, từ Úc, tôi điện thoại sang Mỹ trò chuyện với Mai Thảo, khoe với ông là tôi đang say mê nghiên cứu một số những quan điểm và phương pháp phê bình văn học mới của Tây phương. Nghe tôi ba hoa, ông chỉ trầm ngâm nói: "Kể cũng hơi muộn rồi đó. Thường, muốn tiếp nhận một cái gì mới phải bắt đầu từ sớm hơn nhiều, ngay từ lúc chưa viết lách gì cơ. Ngoài ba mươi tuổi, đọc thì đọc chơi vậy thôi". Tôi nghe ông nói, lòng đầy nghi hoặc, nhưng càng ngày càng ngẫm nghĩ, thấy nhận định của ông không phải là không chính xác.

Dù sao, điều riêng tôi cảm động nhất ở Mai Thảo là thái độ của ông đối với cuộc đời và đối với văn chương. Tôi nhớ mãi cái buổi họp mặt tại nhà chị Vũ Thủy Hạnh ở California, tối 21.3.1989, lúc tôi sang Mỹ. Tối ấy, Mai Thảo có vẻ say. Ông nói thật nhiều, giọng gay gắt, có lẽ vì giận ai đó trong bữa tiệc. Trong lúc ông gầy gò, tôi bắt chộp được một câu nói hay:

"Văn chương là phải ngay thẳng. Luôn luôn ngay thẳng. Tuyệt đối ngay thẳng. Phải ngay thẳng cả những khi không thể ngay thẳng được".

Lần khác, tại nhà Sĩ Trung ở Paris, chiều ngày 8.5.1989, ông cũng nói tương tự, với giọng dịu dàng, như muốn tâm sự riêng với tôi:

"Đời tôi có một nguyên tắc: không bao giờ dùng văn chương để làm bất cứ điều gì xấu xa. Đâu phải tôi không biết người nào tốt người nào xấu với mình, nhưng tốt hay xấu mặc họ. Người nào tốt, đến gần, uống rượu chơi. Người nào xấu, lánh ra thật xa, đừng thềm đụng tới. Nhưng đừng bao giờ mang những điều đó lên trang giấy để bôi bẩn nhau. Văn chương là cái đẹp, là thế giới của cái đẹp, ở thế giới ấy có thứ tiền tệ riêng của nó: anh phải dùng thứ tiền ấy, anh phải đàng hoàng, phải lương thiện. Thứ tiền tệ ấy chính là cái đẹp".

Nhà văn Cao Xuân Huy, tác giả *Tháng ba gãy súng*, nhân chuyến sang Úc hồi cuối tháng 3.1997, kể cho tôi nghe một nét khác trong tính cách của Mai Thảo. Theo lời Cao Xuân Huy, trong những lần vào tiệm ăn, Mai Thảo chỉ uống rượu tí tí chứ chẳng ăn gì cả. Không ăn, nhưng lâu lâu ông lại gọi thêm món mới. Có lần Cao Xuân Huy cản: "Thức ăn còn nhiều mà. Gọi thêm làm gì thừa, anh". Mai Thảo đáp lại: "Thừa thì bỏ. Nhưng tiệm ăn người ta sống là vì bán thức ăn. Mình chỉ uống rượu mình mang theo mà gọi thức ăn ít, người ta không bán được, người ta buồn, tội nghiệp!".

Khi tôi hỏi thăm về sức khỏe của Mai Thảo, Cao Xuân Huy kể thờ dài: "Bây giờ anh ấy không bước ra khỏi phòng được nữa rồi. Hai tuần nữa, khi tôi về lại California, chưa chắc tôi đã kịp gặp lại anh ấy". Tôi cũng thờ dài, nhớ lại một buổi tối tháng Mười năm 1990 tại Paris, khi Mai Thảo sang Pháp chơi và tôi thì đang chuẩn bị giấy tờ để rời Pháp sang Úc sinh sống. Tôi đến thăm ông tại nhà Trần Thanh Hiệp. Khi về, ông tiễn tôi ra thang máy, nói: "Chúc em đi vui khỏe. Anh thì lớn tuổi rồi chắc không có dịp sang Úc đâu; còn em thì chắc phải mất vài năm để ổn định cuộc sống, chưa chắc mình đã có dịp gặp nhau lại". Trước khi cánh cửa thang máy khép lại, tôi kịp thấy mắt ông long lanh chùng như là có nước mắt.

Sau khi Cao Xuân Huy ra về, tôi bần thần nhắc ống điện thoại lên định gọi cho Mai Thảo. Nhưng mới quay được vài số, tôi lại buông ống nghe xuống. Chẳng lẽ tôi lại hỏi ông 'anh có khỏe không?' hay 'anh có sáng tác được gì mới không?' như tôi vẫn thường hỏi ông trước đây? Nhưng nếu không hỏi thế thì nói chuyện với ông về cái gì bây giờ? Cứ thế, bao nhiêu lần cầm ống điện thoại lên lại gác xuống rồi cứ bâng khuâng, cứ bùi ngùi, cứ ngẩn ngơ cả mấy tiếng đồng hồ.

Sáng nay, tôi nhận được email của Khánh Trường báo tin Mai Thảo đang hấp hối ở bệnh viện. Tôi bỗng nôn nao muốn nói chuyện thật nhiều với ông. Tôi muốn hỏi ông về những chuyện mà vì tế nhị, trong những lần gặp ông hay nói chuyện với ông qua điện thoại trước đây, chưa bao giờ tôi hỏi, chẳng hạn, về những mối tình trong đời của ông, về lý do khiến ông quyết định sống độc thân mãi mãi, về nhận định của ông đối với sự nghiệp sáng tác của chính ông. Tôi cũng muốn hỏi là ở cái nơi xa xôi nào đó ông đang ở, người ta có bán rượu không, và nếu có, thì rượu có ngon không, có giống rượu của Pháp hay của Mỹ mà ông thường uống hay không. Tôi muốn hỏi, nói chuyện với ông thật nhiều. Nhưng tôi biết gọi đến số điện thoại nào bây giờ?

Tạp chí Sáng Tạo ra đời vào những năm 56, 57, đánh dấu bước tiến văn chương mới mẻ mà theo Mai Thảo là «văn học nghệ thuật mặc nhiên không thể còn là tả chân Nguyễn Công Hoan, lãng mạn lối Thanh Châu, những khái niệm Xuân Thu, những luận đề Tự Lực». Sau 31

số, Sáng Tạo đình bản, rồi tục bản. Mai Thảo viết như sau cho số 1, bộ mới: «Một số thí nghiệm táo bạo, sự có mặt rực rỡ của lớp người viết trẻ, những bước trở lui cần thiết thể hiện trong việc quy định lại một số vấn đề văn học chính yếu, thái độ hướng dẫn mở đường cho những tài năng mới đến từ đám đông hay tự thành trong cô đơn, sự chấp nhận những ý tưởng khác biệt cùng lên tiếng trong không khí bằng hữu và tinh thần độc lập của diễn đàn này, cố gắng đạt tới tinh lọc nghệ thuật diễn tả qua phần sáng tác, những đặc tính đó đã tạo nên sắc thái độc đáo, đúc kết thành truyền thống nghệ thuật của Sáng Tạo. Nhưng chúng tôi thành thực nhận rằng chúng tôi chưa làm được gì»...

Hầu hết những cây bút nhóm Sáng Tạo đã thành người thiên cổ và lớp trẻ hôm nay ít người lưu tâm đến họ hoặc không biết họ là ai. Trong tinh thần ngưỡng vọng những cây bút một thời khai mở tìm đường, ngoài những tác giả được biết đến nhiều như Mai Thảo, Dương Nghiễm Mậu, Vũ Khắc Khoan... chúng tôi xin lần lượt giới thiệu, trước hết những ngòi bút ít người biết đến.

Không Hiểu

*Thế giới có triệu điều không hiểu
Càng hiểu không ra lúc cuối đời
Chẳng sao, khi đã nằm trong đất
Đọc ở sao trời sẽ hiểu thôi*

Mai Thảo

*trích từ tập “Ta Thấy Hình Ta Những Miếu Đền”
nxb Văn Khoa, Hoa Kỳ (1989).*

Người thầy học cũ

Y gặp lại người thầy học cũ một ngày mưa lớn. Con đê chạy dọc hữu ngạn sông Đáy chỗ đó là giữa quãng Ba Thá, Vân Đình. Đường lầy. Kẻ đi ngược, người về xuôi. Cuộc kháng chiến gian khổ thu lại trong giây phút gặp gỡ bất thành linh một nỗi tủi mừng rưng rưng và cái hình ảnh buốt lạnh của con đường dài thẳm, trùng điệp hầm hố dưới mưa bụi trắng xóa. Xa xa dấu vết những làng xóm tiêu hủy còn lại.

Hai thầy trò nắm chặt tay nhau, mưa vẫn đổ lớn – cùng chạy đến trú dưới một gốc cây. Nhiều năm tháng qua đi từ ngày bỏ trường lẫn mình vào cuộc đời, bây giờ Y đã lớn, đứng cạnh thầy cao hơn thầy hẳn một cái đầu. Thầy thì tuổi già đã làm cho thân hình nhỏ lại. Nhưng giữa hai người vẫn không có sự thay đổi. Người thầy vẫn vững chãi và tự tin hơn. Thái độ gương mẫu và che chở bên trong cửa lớp ngày nào Y vẫn nhận được.

“Thầy ở đâu xuống?”

“Tôi ở Ba Thá xuống”.

“Thầy vẫn dạy học”.

Người thầy học cười hiền lành:

“Phải, tôi vẫn dạy học nhưng trường làng vừa bị bom đốt cháy chiều hôm qua. Hôm nay tôi phải về Ty báo cáo. Ty ở dưới Vân Đình. Tôi mất hết, chỉ chạy được những cái này.

Những cái này: một cái bị cói, mấy bộ quần áo nâu và một cái gậy trúc.

Y nhìn cái cơ nghiệp nhỏ nhoi vô nghĩa, những đồ tùy thân cuối cùng còn sót lại của một cuộc đời đạo đức và liên tưởng tới hai hình ảnh: vị chân tu của một thời đại nào đi truyền bá trong khổ hạnh những tư tưởng đẹp cho nhân loại và hình ảnh một con đường mưa bay, buổi chiều xuống trên liên khu rộng lớn, người thầy học cũ lại một mình bước đi trên con đường đó mang trên mớ tóc bạc cái

nghe đăm đạc cao quý, mang nặng nó trong đêm tối và mưa bão.

Mưa vẫn đổ lớn. Hai thầy trò đứng sát vào nhau hơn. Thầy nhìn trò, gật đầu:

“Các anh đổi thay nhiều lắm. Trưởng thành cả rồi. Nhưng mà ở đâu và bao giờ các anh vẫn nhận ra tôi, tôi vẫn nhận ra các anh. Anh thì vẫn còn nguyên vẹn cái nhìn lơ đãng ra ngoài cửa lớp những buổi trưa mùa hạ”.

Y trả lời:

“Vâng, con vẫn thế. Con vẫn nhớ con như thế”.

Giọng thầy trầm trầm trong tiếng mưa đổ rào rào:

“Chúng ta vẫn thế”.

Đôi mắt sâu của thầy nhìn xuôi theo con đường dài, qua màn mưa về tận cuối đường, xa hơn cái xa của cuối đường:

“Chiến tranh đổi thay hình thể những ngã đường trên đó chúng ta đi. Tất cả trở nên khó khăn cực nhọc và chua xót hơn cũ. Những ụ đất. Những hầm hố. Những chiếc cầu đổ. Hình như mưa bão cũng nhiều hơn”.

Và thầy thở dài:

“Chúng ta là những con người cũ đang tập đi trên những con đường mới”.

Rồi thầy quay lại hỏi:

“Còn anh, bây giờ anh làm gì?”

“Thưa thầy con đi buôn”.

“Đi buôn?”

“Con bỏ học từ sau Cách mạng tháng Tám. Thuyền hàng của con chắc bây giờ đang ngược dòng đi lên ở giữa khoảng Rót Rét. Con sẽ đón thuyền ở vùng Bương Cấn và nếu đêm nay ngớt mưa sẽ đi thẳng tới Phú Thọ”.

Người thầy “Thế à” một tiếng nhỏ rồi không nói gì nữa. Tính thầy vẫn ít nói. Mưa ào ào trên đầu. Trước mắt họ dòng sông Đáy đục đỏ chảy đi hung dữ. Bãi xa mịt mù bên kia. Người học trò đứng lùi lại phía sau và nhìn thấy sát tầm mắt, những sợi tóc bạc gió thổi lay tạt trên khuôn mặt mà trông nghiêng vẫn đưng đầy cái vẻ trầm lặng cũ, những ngày xưa nhìn xuống Y trên một nền bảng đen. Những kỷ niệm những hình ảnh của một lớp học vừa trở về lướt thướt và buốt lạnh trên khoảng đường này. Những chùm hoa mùa hạ đỏ chói chang trên góc cửa sổ, sự hé mở của những giấc mộng ban đầu nở từ những chùm hoa rục rỡ ấy, nhịp bồng bênh đẩy đưa của tâm hồn chạy đến những chân trời những thế giới hoang vu. Cánh bướm mỏng của niềm rung động mới. Những tấm kính sáng trong. Tiếng giảng bài trầm trầm đi giữa hàng ghế. Tà áo thâm và cái đỉnh mũ trắng. Những bực gạch mưa làm mòn cạnh đi lên từng cửa lớp. Lối kiến trúc cổ kính của một mái trường xây cất trên nếp thành đồ nát cũ lượn vòng giữa những hàng cây và những ao đầm. Thành phố ở dưới với tiếng hú dài của một tiếng còi tàu kéo theo những vệt khói còn treo lâu trên nền trời. Ý niệm thứ nhất về không gian trong chuyến đi tưởng tượng. Vụ hè sắp tới thấp thoáng hình ảnh con đường mát hút dưới nắng.

Y nhớ thầy đã về sau một buổi tựu trường có nhiều chuyện chuyển. Cũng một buổi sáng mưa lớn. Có tiếng giày từ ngoài hành lang đi tới. Thầy vào, đứng lại một giây nhìn mọi người, nói: “Chào các anh”, đoạn đi thẳng lên bục cao. Giờ học thứ nhất được dành cho sự làm quen nhau. Người thầy bày tỏ nỗi vui riêng sau mười mấy năm ở rừng được đổi về một trường thành phố.

Thầy nói: “Trường cũ ở sát biên giới Hoa - Việt, học trò nửa Kinh nửa thiểu số. Trên ấy đêm rừng dài và buổi sáng nào cũng đầy đặc sương trong lớp học vừa mở cửa. Rừng thì trùng điệp ở chung quanh. Sân trường đôi khi còn in những dấu chân thú dữ. Và rét thì rét ghê rét gớm. Các học trò chân tay cũng cóng buốt và mặt mũi xám tái lại. Phải đóng kín cửa cho hơi nóng truyền đi một lúc sau mới làm việc được”.

Hình ảnh của một lớp học biên giới được gọi lên bằng giọng nói đặc biệt trầm trầm. Cái lối kể chuyện của thầy cũng khác. Và ngay lập tức, trong số bốn mươi lăm học trò chăm chú lắng nghe, từ một chỗ ngồi tận đáy lớp nhìn lên, Y cảm thấy mền yêu ngay người thầy học mới. Một nỗi mền yêu đặc biệt chưa từng có. Tưởng như một khám phá, một đổi thay lớn.

Trong một cuộc đời học trò, từng năm học đi lên, mỗi năm lại gặp một người thầy, nhưng trong tất cả những người thầy đó, thường vẫn chỉ có một người mà về sau lúc đã già từ cửa lớp, ở mãi chỗ sâu xa cách biệt trong cuộc đời, mỗi lần nhớ lại là người học trò lại nhớ trước nhớ ngay đến người thầy ấy. Tại sao? Có thể vì một nét mặt, một giọng nói, được khắc sâu hơn vào dĩ vãng. Có thể vì một sự bắt buộc nào đó, trừu tượng và siêu hình, khiến cho tương quan tình cảm vượt khỏi mức bình thường, chứa đựng một ý nghĩa rộng lớn hơn.

Bài luận đầu tiên của Y được nhiều điểm nhất lớp. Một sự lạ. Ba hôm sau khi thầy trả bài, gọi đến tên, ngợi khen và mỉm cười bảo Y hãy đọc cho cả lớp nghe một đoạn văn hay, Y đứng dậy, tờ giấy trên tay run run và giây phút đó đã là cả một dấu son rực rỡ trong cái lịch sử học trò của Y từ trước đến nay vốn rất tầm thường tầm tối.

Y lười và lơ đãng. Trên tất cả các môn học, điểm số bao giờ cũng ở dưới cùng. Một sự đội sổ toàn diện. Suốt đời Y nhớ mãi cái giờ học lịch sử ấy của một tên học trò đội sổ ngồi tối tăm ở cuối lớp, lần đầu đứng lên ngượng nghịu, hồi hộp đọc cho cả một lớp im lặng thán phục cái thành công thứ nhất của đời mình. Ngồi xuống còn cảm động.

Cả lớp không tìm hiểu được nguyên nhân sự đổi thay đột ngột này. Chính Y cũng không hiểu. Y đã viết bài luận ấy cho *một người* xem, nó là cái biểu tỏ cụ thể của một tình cảm chân thật và tốt đẹp gửi đến cho một người thầy đã tả được một cái trường học biên giới bằng “những dấu chân thú dữ” và “sương trắng đầy đặc cửa lớp buổi sớm”.

Mưa vẫn đổ lớn.

Buổi chiều như đã muốn đến từ bãi sông bên kia. Trời thấp và xám. Con thuyền đầy hàng ngược dòng ở giữa khoảng Rót Rét bồng bênh trong ướn lạnh còn là điểm vui ám bé nhỏ so với tâm sự của người thầy mát trường, không biết sẽ về một nơi nào trong mưa bay.

Hai người cùng cúi đầu suy nghĩ. Thầy nói:

“Anh vừa nói hiện anh đi buôn đấy nhỉ?”

“Dạ”.

“Các anh làm thật nhiều nghề. Mỗi người một đường. Cuối tháng trước tôi có gặp một anh không rõ đã học tôi năm nào, làm khẩn hoang ở một đồn điền Nho Quan. Vùng ấy lam chướng, nước đục, rất có hại cho sức khỏe. Trông anh ta xanh yếu đáng ngại. Cứ như anh đi đây đi đó trên một con thuyền, có lẽ lại hay hơn”.

“Kể thì mấy năm nay, từ ngày ra trường con chưa từng có dịp được đi nhiều, thấy nhiều như bây giờ. Nhưng nghề buôn không phải là một chí hướng thích hợp. Nhiều lúc con vẫn cảm thấy đang làm một việc vô ích”.

Người thầy đáp:

“Tôi biết. Nhưng chúng ta bây giờ thường vẫn phải làm ngay cái việc nhìn thấy trong tầm tay với mà không có quyền từ chối, lựa chọn. Thế hệ các anh biết bao nhiêu người hiện đang đứng lạc vị trí, bần khoản tìm đường. Ở tuổi các anh thật đau đớn. Chúng tôi thì không nói làm gì. Nhiều lúc cực nhọc vất vả, tôi vẫn thầm cảm ơn trời còn cho mình được cầm cái thước kẻ giảng bài. Tôi làm gì khác được nếu thôi dạy học?”

Thầy cười khế:

“Thói quen của nghề nghiệp đấy: Thấy các anh là hỏi về dự định vào đời. Không thích đi buôn, anh muốn làm gì?”

“Có một lần trong giờ luận, thầy nói đùa con có thể trở thành nhà văn, con vẫn ao ước thực hiện được câu nói đùa ấy”.

“Thế ư! Tôi không nhớ nữa, nhưng nếu có nói thì nói thực đâu phải đùa. Phải rồi, Việt văn là môn học xưa kia anh ham thích nhất”.

Giọng thầy trở nên ân cần:

“Cố gắng đi. Biết đâu chẳng một ngày tôi được đọc văn của một người học trò cũ là anh. Niềm an ủi lớn nhất của một người thầy vẫn là được thấy người học trò cũ của mình đi vào tương lai trên lối đi đã được phác định từ trong cửa lớp”.

Mưa bỗng ngớt đi, tiếng đổ ào ạt dừng lại. Mé sông bên kia, bờ bãi mịt mù ban nãy nổi lên dần

dần. Nhưng vòm trời thì vẫn thấp nặng và nghi ngút hơi nước. Trận mưa lớn vừa ngớt chỉ để sửa soạn cho một trận mưa lớn khác sắp đổ xuống.

Hai người ra khỏi gốc cây. Người thầy nhìn lên trời:

“Đã có thể đi được rồi. Tôi phải đi xuống Ty bây giờ cho kịp”.

Thầy quay lại, cánh tay gầy yếu đặt lên vai người học trò cũ:

“Lâu lắm mới gặp nhau tôi cảm ơn các anh còn nhớ đến tôi. Các anh bây giờ đã khôn lớn cả, đã tự trưởng thành trong kinh nghiệm, tôi cũng không có điều gì phải khuyên bảo nữa. Thôi anh ở lại”.

Giây phút già từ này thật là cảm động.

“Con ân hận không được gặp thầy lâu. Con theo thuyền độ nửa tháng bán hàng xong rồi sẽ trở lại vùng này. Xin thầy địa chỉ để con được lại thăm trường mới”.

Người thầy gạt đi:

“Chính tôi hiện giờ cũng không biết rồi sẽ được thuyền chuyển đi đâu. Liên khu trong, một trường mới mở trong núi hay là nghỉ dạy vĩnh viễn không chừng. Chắc khó gặp lại, anh còn nhớ đến tôi là đủ và đừng băn khoăn về vấn đề tìm thăm tôi”.

Người thầy bước đi, bị cói nằm trên bờ vai gầy, gậy trúc chống xuống đường lầy. Y chạy theo thầy:

“Con đi buồn cũng không đến nỗi túng thiếu lắm. Thật tình không dám nghĩ đến chuyện trả ơn, nhưng con có giúp thầy được điều gì không?”

Người thầy lắc đầu mỉm cười:

“Tôi một thân một mình cũng không cần gì. Cảm ơn anh. Thôi anh trở lại”.

Y đứng sững giữa con đê nhìn theo bóng dáng cổ kính của người thầy. Cái bị cói, cái gậy trúc, những sợi tóc bạc cứ nhỏ dần mãi. Rồi những cái điểm bé nhỏ ấy nhòa đi sau màn mưa.

Y gặp lại người thầy học cũ của Y lần ấy là lần cuối cùng. Bán xong chuyến hàng, Y lên bộ về thẳng Vân Đình. Hỏi thăm Ty Học chính ở đó, Y được biết người ta đã nói với thầy là các trường bị phá hủy gần hết, phải đợi một thời gian để lập trường mới và người thầy đã bỏ đi không để lại địa chỉ.

Đến nay đã mười tám năm.

Viết văn, tôi thực hiện được cái ước vọng duy nhất của thuở nhỏ. Trong số những nguyên nhân thầm kín thúc đẩy tôi, tôi ghi nhận lời thầy khuyên nhủ cố gắng ngày nào trên quãng đường lầy.

Sự đổi thay quyết định một đời người thường vì những nguyên nhân nhỏ. Ở đây có thể vì lời khuyên của một người tôi kính yêu. Từ đó tôi không gặp lại thầy, cũng không trở lại một cửa lớp nào nữa. Nhưng kỷ niệm còn giữ được của buổi học ấy, nỗi cảm động đứng giữa hàng ghế đọc bài luận ấy cho cả lớp nghe – nhớ lại – vẫn đưa tôi trở về được với cái thế giới học trò. Nó nằm trong chu vi một lớp học, nhưng rộng và riêng biệt đúng như một thế giới. Chùm hoa phượng, những phiến kính sáng trong, cái đỉnh mũ trắng, những ngày hè chói nắng. Câu văn đầu tay vụng dại, bỡ ngỡ. Trên tất cả, khuôn mặt trầm lặng của thầy ngó xuống như một nỗi bình yên.

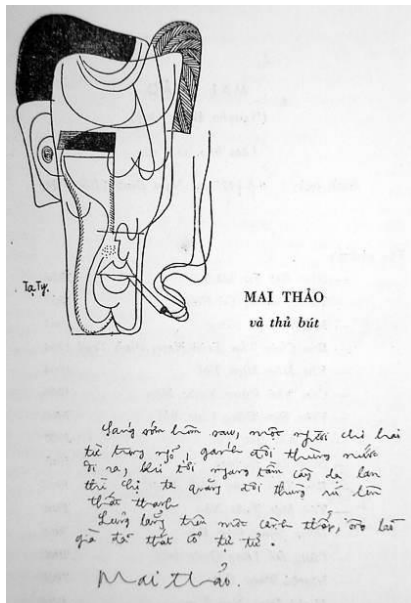
Bây giờ đôi khi ngừng tay trên một trang bản thảo, lúng túng trước một danh từ, một ý tưởng diễn đạt khó khăn, tôi lại thấy những hàng chữ dập dập xóa xóa trước mắt bỗng phẳng phất giống với trang giấy nháp của bài luận cũ. Hình ảnh người thầy lúc đó lại hiện lên. Tôi muốn được gặp lại, để nói, ít nhất cũng một lần, với thầy:

“Những trang giấy này có được một phần lớn nhờ thầy”.

Nhưng mà những dòng chữ tôi viết bây giờ chắc không bao giờ được biết tới những dòng mực đỏ phê điểm ấy nữa. Buổi gặp mặt cuối cùng. Con đường xa hút dưới mưa trắng. Số tuổi chất nặng lên cuộc đời đã xé chiều. Giọng nói trầm trầm ấy đã chìm lặng, tôi linh cảm như vậy. Cái gậy trúc ấy chắc đã rời khỏi cánh tay gầy yếu, rơi xuống một nơi nào đó, ở ngoài kia.

Mai Thảo và giông gió cuộc đời

Tạ Ty



Tranh Tạ Ty & Nội dung thủ bút

Sáng sớm hôm sau, một người chị hai từ trong ngõ, gánh đôi thùng nước đi ra, khi tới ngang tầm cây dạ lan thì chị ta quăng đôi thùng rú lên thất thanh. Lũng lẳng trên một cành thấp, ông lão già đã thất cổ tự tử.

Mai Thảo

Từng chuyến phi cơ cất cánh từ trường bay Gia Lâm bên kia dòng Hồng Hà, trong những sớm sương mù trùm phủ xóm làng, đồng ruộng, làm mờ vóc dáng thương yêu của bờ tre, khóm chuối, của những khuôn cửa hè phố Hà Nội cổ kính. Rồi từng chuyến tàu rời bến Hải Phòng bỏ lại những nhà máy, ống khói, bỏ lại cửa biển với vịnh Hạ Long, những con người ra đi về phương Nam.

Từ ngày đó đến nay đã trên 15 năm. Thời gian đi những bước nhẹ nhàng trong nhịp luân hành của vũ trụ nhưng vô cùng nhanh rộng đối với chu kỳ của một kiếp người hay những con người chưa nguôi ngoai tình quê hương.

Giữa cái nhịp sống hoang mang và bờ ngõ trên mảnh đất mới, Mai Thảo đột nhiên xuất hiện trên vòm trời văn nghệ như một vì sao lạ với Doãn Quốc Sỹ, Nguyễn Sỹ Tế, Trần Thanh Hiệp và một nhóm sinh viên di cư hiện diện trong khuôn khổ tờ *Người Việt*.

Nói đến Mai Thảo, tức là nói về sự bút thoát giữa hiện tại và quá khứ, là nói đến một khoảng không gian tinh khôi, ở đây, những suy tư mới được phác lên với bao niềm tin yêu nồng cháy. Mai Thảo, nhà văn có lập trường rõ rệt. Những điều cần phải viết ra, đều được viết một cách dứt khoát, nhất là về vấn đề chống cộng trong lãnh vực văn nghệ. Bị cuộc sống đẩy vào con lộ "một chiều" giữa khung cảnh Hà Nội năm 1954, Mai Thảo đành phải lên đường, chẳng những bỏ lại thành phố Hưng Yên với căn nhà vùng nước mặn, bỏ lại quê hương mà còn đau nhất là cuộc biệt ly giữa tuổi tình yêu đọng tên hai mái tóc ngắn, dài. Cái tâm trạng u sầu đó, Mai Thảo biến thành căm thù rồi đem căm thù căng giữa lòng giấy trắng, dùng chiều sâu của suy tư để đưa nó vào một khung cảnh, một trạng huống vừa khích động vừa lôi cuốn người đọc vào ý muốn của mình.

Mai Thảo khởi hành từ *Đêm giã từ Hà Nội* là tác phẩm đầu tay làm quen với độc giả bằng những truyện ngắn – ở đây – Mai Thảo ký thác rất nhiều tâm sự, thứ tâm sự chua chát của kẻ

vừa đánh mất gia tài. Do đó, ngoài sự cảm thông phần nội dung của toàn tập truyện, người đọc nhận ra sự hứa hẹn về bút pháp trong tương lai của một nhà văn di cư gần ba mươi tuổi. Thực ra, *Đêm giã từ Hà Nội* không phải sự hiện diện thứ nhất để ghi nhận một tài năng, mà Mai Thảo đã viết từ ngày còn đi kháng chiến. *Đêm giã từ Hà Nội* chỉ là kết quả đầu tiên của những năm luyện tập âm thầm trong bóng tối. Cánh cửa vào đời văn chương mở ra để đón nhận Mai Thảo với nhiều bao dung ở giữa một xã hội tạm ổn định về chính trị cũng như quân sự.

Tác phẩm thứ hai của Mai Thảo, *Tháng giêng cỏ non* ra đời vào năm 1956, *Sáng Tạo* xuất bản. Tác phẩm này gồm 10 truyện ngắn đã đăng tải ở tạp chí *Sáng Tạo* do Mai Thảo làm chủ nhiệm. *Tháng Giêng cỏ non* là nhan đề truyện đầu của tập truyện. Bút pháp của Mai Thảo ở tập truyện này đã sắc, nhưng nội dung vẫn chỉ chuyên chở nội tâm với ít nhiều quá khứ trộn lẫn hiện tại.

Tháng Giêng cỏ non nói về một người nông dân tên Sạng bỏ vợ con vào Nam vì bị nghi làm chỉ điểm cho “Tây đoan” bắt rượu lậu trong nhà người anh em chú bác. Anh Sạng đối với tác giả có nhiều kỷ niệm. Lúc vào Nam, tác giả gặp lại Sạng thì biết anh đã có thêm một người vợ người Nam. Nay vợ con Sạng ở Bắc cũng di cư vào, sự tình trở nên rắc rối. Nhưng rồi Sạng thu xếp cho Nam Bắc một nhà, vui vẻ cả. Đây, cái lối dựng truyện của Mai Thảo cách đây hơn 10 năm nó như thế với những đoạn văn thật đẹp:

... Vậy mà mùa Xuân đã về rồi. Mùa Xuân của những ngã đường cỏ non, của những ngày khởi đầu nhung lụa, của những đợt khói hương thơm ngát trong đêm Giao Thừa, của buổi gặp lại, của ngày trở về. Mùa Xuân tự do thứ nhất ở đây vẫn chứa đựng cái hình ảnh muôn đời đôn hậu của Đoàn Viên... (Tháng Giêng cỏ non, trang 20)

Nhưng dù cho cuộc sống mới với những đổi thay mãnh liệt đến thế nào đi nữa thì hình ảnh cũ, hình ảnh của dĩ vãng thơ mộng, hình ảnh căn gác nhỏ phố Huế với vóc dáng Lựu, người con gái bé bỏng đang chết sống trong ý nghĩ của Triệu với nhớ thương, hờn dỗi:

Gác phố Huế, không ngày...

Đau buồn đã xảy đến trong loạn ly, trong chia cách. Những lớp người thiên cổ, những ngã đường mòn. Những hình chiến lũy. Tôi xa Lựu luôn mấy năm. Tôi nhớ Lựu nhiều nhất vào những ngày tháng đau khổ mất mát ấy. Tất cả những ngã đường nào ở đó tôi hy vọng gặp lại Lựu đều nhòa đi cái triều nổi kết. ... Giữa hai cuộc đời biên giới dựng lên từ đó. Hai bờ chia cắt đứt đoạn. Bên này bên kia, hai miền đất nước nhớ thương nhau. ... Những ánh lửa viễn phố ma quái đốt cháy nội tâm tôi. ("Người bạn đường", Tháng giêng cỏ non, trang 44)

Toàn tập truyện *Tháng Giêng cỏ non* ít nhiều gì cũng có dĩ vãng quần quanh mà Mai Thảo sử dụng dĩ vãng như bối cảnh để được tự do phóng hồn mình, phóng tâm sự mình bằng ngôn ngữ vừa chân thành vừa uất hận. Mai Thảo viết gọn và sắc, tuy một đôi khi cố tạo nên diêm dúa để trang hoàng cho cảm nghĩ. Đó là điểm đặc biệt làm người đọc đỡ nản. Mai Thảo viết rất nhiều truyện ngắn. Ở mỗi truyện, Mai Thảo đều đưa ra một trạng huống, một hoàn cảnh để dẫn vào ý trước. Ngay cả vấn đề tình yêu. Tình yêu ở trong tác phẩm của Mai Thảo không bao giờ được viết một cách thoải mái, sự thoải mái cần thiết của ngôn ngữ để chuyên chở ý tưởng dù là ý tưởng đau buồn. Mai Thảo lạnh lùng phác họa trong vòm cong trí tuệ từng dữ kiện hiển nhiên và mặc nhiên thừa nhận sự tình xảy ra – mà thế nào cũng xảy ra – sự níu kéo rất vô ích của nguyên vẹn, tròn đầy.

Trong *Bảy thổ ngày sinh nhật*, tập truyện do Nguyễn Đình Vượng xuất bản năm 1965, chứng minh những điều trên xuyên qua cốt truyện và các nhân vật như Liễu – cô lái đò bất đắc dĩ – đã

nhắm nghiền mắt, bằng một tiếng kêu ngân đi trong im lặng hoang đường xanh biếc xung quanh, nằng cho gã đàn ông phiêu bồng trong ly loạn phá vỡ cái bờ cuối cùng của đời con gái, để rồi chết tức tưởi theo con đò, trong lòng sông lạnh dưới làn đạn của phi cơ khu trục Pháp.

Có phải chăng “*tình chỉ đẹp khi còn dang dở*” nên Phàm đã ôm súng sẵn chờ hổ ba đêm để bảo vệ hạnh phúc lứa đôi với bầy thỏ mừng đưa con đò lòng nhân ngày sinh nhật, rồi cuộc bị hổ vồ và cả người lẫn vật đều chết. Hạnh phúc bơ vơ theo dòng nước mắt biết đến bao giờ không?

Nói cho đúng, những truyện ngắn hay nhất của Mai Thảo đều nằm gọn trong tập *Bản chúc thư trên ngọn đỉnh trời*. Bút pháp trong tập truyện thật sống, thật sâu, thật sắc, thật gọn, thật chải chuốt. Nội dung từng câu chuyện thường thôi nhưng Mai Thảo đã dùng nghệ thuật để tạo nên từng bức tranh linh động. Mai Thảo gọt từng chữ, nắn từng dòng làm cho hơi văn tuy nhẹ mà thấm, tuy dàn trải mà vẫn cô đọng. Nội dung truyện “Bản chúc thư trên ngọn đỉnh trời” không cho người đọc xác định đúng vị trí địa dư của một khu vực nào trên mặt đất. Nó chỉ là hình tượng, một cái cớ để Mai Thảo dựng những mối xung quanh. Ngay cả nhân vật, người đọc cũng không tìm ra nguồn gốc. Nhưng cái đó không quan hệ, vì truyện không nhằm vào nhân vật và vị trí địa dư mà chính để biểu hiệu một niềm tin, một ý chí vươn tới đỉnh-cao-đời-sống, một chán nản, một thất vọng, một tình yêu muôn thuở, chỉ có thể tìm thấy trong tưởng nhớ, trong cái Đẹp chưa bị hoen ố bởi dục vọng thấp hèn vì nằng chỉ là đứa em bé nhỏ, yếu đuối và chàng là dòng dõi một gia đình có nhiều lượng máu phiêu lưu chảy trong huyết quản.

Chàng có đôi mắt sâu như chứa đựng những hoang vu tiền sử, những đỉnh trời cao ngất không ngó thấy, những không gian buốt lạnh không có dấu chân và sự sống loài người. Tôi yêu chàng như chàng vẫn vậy. Tôi chỉ biết khóc – (Bản chúc thư trên ngọn đỉnh trời, trang 17-18-19)

Người đàn ông được gọi là *chàng* đã ra đi vĩnh viễn sau khi ghi nhận trên ngọn đỉnh trời, trên tầng cao nhất, bằng sự khinh thường vì nó cũng nhảm chán, không huyền bí và kiêu hãnh như khi còn ở chu kỳ mơ ước! Cuộc đời và thần tượng nghệ thuật cũng vậy. Chỉ nên đứng xa mà ngó, đủ rồi!

Tập sách gồm 8 bài, riêng bài “Căn nhà vùng nước mặn” và “Chuyến tàu trên sông Hồng” là tác động sâu vào tâm thức người đọc hơn cả.

“Chuyến tàu trên sông Hồng”, Mai Thảo viết về tuổi nhỏ, thứ tuổi nhỏ đáng yêu lồng trong khung cảnh đẹp.

Con sông Hồng Hà. Như dòng máu đỏ tươi chảy băng băng qua khắp vùng trí nhớ băng khuâng. Con sông như một đời sống vĩ đại. Bên này bãi lờ. Bên kia bãi bồi. Tiếng sóng giữa dòng trùng trùng ca hát. Tiếng sóng đập cái tiếng đập menh mông đầu ghềnh nơi tả ngạn bị hút xoáy mãi những bãi dâu và những nương khoai vào những chân tre cù. Nơi hữu ngạn ngọn sóng hiền lành lăn tăn êm ả trên những bãi ngậm nỗi hình mùa lũ này qua mùa lũ khác. Đứa nhỏ trôi theo con tàu trên dòng trường giang hùng vĩ chợt nhớ tới những con sông làng thôn mềm dải lụa có trâu đằm từng đàn dưới bóng đũa nghiêng... (“Chuyến tàu trên sông Hồng”, Căn nhà vùng nước mặn, trang 81-82)

Mai Thảo có lối viết quyến rũ, dù sự việc chẳng có gì nhưng dưới ngòi bút của Mai Thảo cũng trở thành linh động. Mai Thảo viết thật nhiều, vừa làm báo vừa viết từ truyện ngắn đến truyện dài. Ở trong các truyện dài, cái vòm trời quá khứ đầy thơ mộng và những gian nan của tâm thức với ám ảnh về Cộng sản không còn nữa. Nó bước qua giai đoạn khác, ở đây, điều kiện và hoàn cảnh đã bắt buộc nhà văn phải nhìn thẳng vào cuộc sống mà hành động.

Rất tiếc, kỹ thuật dựng truyện dài của Mai Thảo còn có những khuyết điểm, nhất là phần kỹ

thuật dựng truyện cũng như sự “liên-hệ-mắt-xích” ở mỗi chương. Trong truyện dài của Mai Thảo người đọc có thể bút ra từng chương để đọc riêng rẽ vẫn chẳng sao, vì ở mỗi chương cũng đã hội tụ đủ mọi yếu tố để hình thành một truyện ngắn. Kỹ thuật viết truyện dài không thể, nếu chúng ta đã đọc những tác phẩm lớn của các văn hào quốc tế, chắc chắn nhận ra ngay sự liên-hệ-không-tách-được giữa các chương vì “nó” chỉ là một nhịp, trong nhiều nhịp, của cây cầu dài – toàn thể cuốn sách. Có điều phải nhận, ngôn ngữ văn chương của Mai Thảo dù ở truyện ngắn hay truyện dài vẫn có ma lực đưa người đọc vào một không khí rất Mai Thảo.

Trong những đoạn văn viết cho tờ *Khởi Hành*, Mai Thảo đã ghi nhận và trình bày giá trị của suy tư qua ngôn ngữ, thứ của tùy bút, nó cô đọng và thật súc tích. Từng hình ảnh, từng nổi khác khối, băng khuâng, từng nổi dày vò đến đờn đau tâm khảm, Mai Thảo đã trút xuống dòng chữ với tất cả tài hoa:

*Người đời vẫn không hiểu văn nghệ sĩ là loài chim biển mở ngực đau thương lấy hết máu hồng, nuôi đời khôn lớn. Không phải thế. Máu đời đã sẵn những dòng đầy ắp trong da thịt và hình hài đời tự nó nở hoa. Văn chương khác. Nó không đến với cuộc đời như loài chim biển ấy. Tôi không có chết cho anh được sống. Chỉ là một ảo tưởng quá độ về vai trò, vị trí và lẽ phải về hiện hữu mình, những kẻ viết ra chữ, hát ra thơ, nghĩ mình là con tầm nhả tơ vàng dệt đời thành lụa, con ve sâu góp tiếng kêu cho nóng những mùa hè, chú lái khò tặng hết những kim cương châu báu đầy tay, cho thật hết không đời nhận lại. Có những cuốn sách có trời trong sách. Có những bài thơ có biển trong vần. Có. Nhưng nghệ thuật chỉ là cái sự nói ra, bằng một cách nào, những điều đã có. Người làm nghệ thuật không đóng một vai trò nhất định nào. Cho anh. Cho nó. (“Kẻ nhắc tuồng”, *Khởi hành*, số 4, 31-7-1969)*

Cái “chất” văn của Mai Thảo của thơ, rất óng chuốt như những sợi tơ tầm phơi mình trong một sớm thu có nắng vàng vừa đủ ở mỗi bản đoạn văn, trong đó, mang nặng tâm tư sâu muộn và áp ủ trọn vẹn nỗi niềm. Mai Thảo đi vào văn chương bằng sự trả giá của tuổi trẻ, một tuổi trẻ nhiều sóng gió hơn an hưởng. Do đó, nhìn vào toàn bộ tác phẩm của Mai Thảo, người đọc nhận ra ngay hình ảnh tác giả in rõ nét đó đây trên những trang sách. Mai Thảo là nhà văn “*dấn thân*” (chữ của Camus) đã dám đem thân phận con người để thách đố Định Mệnh.

Nhớ vào khoảng ít năm trước nhóm *Sáng Tạo* đã tổ chức những buổi hội thảo về văn học về nghệ thuật để xác định thái độ và chiều hướng văn nghệ. Cuộc hội thảo được in thành sách vào năm 1965. Nội dung thảo luận đề cập tới bốn vấn đề: Nhìn lại văn nghệ tiền chiến ở Việt Nam - Ngôn ngữ mới trong hội họa - Nhân vật trong tiểu thuyết - Nói chuyện về thơ bây giờ. Lẽ dĩ nhiên cuộc hội thảo chỉ do những người trong nhóm *Sáng Tạo* và một vài thân hữu của nhóm. Cuộc thảo luận thực cần thiết và hữu ích nếu mục đích của cuộc thảo luận chỉ để tạo một không khí có sự hoà đồng ý kiến để tiến tới khám phá cho sự trưởng thành của nền văn học nghệ thuật Việt Nam. Nhưng rất tiếc, ngoài vấn đề tìm hướng tiến tới, nhóm *Sáng Tạo* lại chủ trương huỷ diệt một thời đại và dùng nó như chiếc đà cất bước. Ở đây, chúng ta chỉ cần nhắc lại ý kiến của Mai Thảo trong vấn đề văn nghệ tiền chiến.

Kiểm điểm lại nghệ thuật tiền chiến, dù chỉ là có một cái nhìn tổng quát qua các ngành nghệ thuật, bằng ít nhiều dẫn chứng cụ thể, chúng ta đủ xác định rằng: nghệ thuật tiền chiến là một thứ nghệ thuật nghèo nàn ấu trĩ. Công bình mà kết luận cho nghệ thuật đó, chúng ta có thể nêu ra hoàn cảnh xã hội, trình độ non kém của lớp người thường ngoạn thời đó, ý thức nhỏ hẹp của người làm nghệ thuật bấy giờ – kể cả những người tiến bộ nhất – khiến họ đã không thể thực hiện được một nền nghệ thuật vượt khỏi cái không khí tù túng của thời đại họ, cho nghệ thuật họ còn đến thế hệ chúng ta. Giá trị nghệ thuật tiền chiến do đó chỉ có thể chấp nhận như giá trị của một giai đoạn, một thời kỳ nhất định. Một thời kỳ đã qua. Và như thế, sẽ chẳng có điều gì đáng nói. Nhưng có nhiều quan niệm sai lầm, lạc hậu ở đây đã không muốn coi đó là một thứ

nghệ thuật đã thuộc về quá khứ, đã chết...

Ý kiến quyết liệt trên của Mai Thảo đối với văn nghệ tiền chiến quả thực là một nhát chém, chặt lia cái dòng sông mà mọi người cứ đinh ninh rằng nó phải miên tục khai diễn, tiếp nối theo mỗi thời đại, mỗi thế hệ. Văn nghệ là một tự do trong những tự do tối thiểu của tinh thần con người có mặt. Vì là tự do và nhân danh tự do, nghệ thuật mới có thể tồn tại phong phú qua suốt dòng lịch sử của từng dân tộc với bao nhiêu chìm nổi, hưng phế. Và con người mặc âu phục đơm dáng hôm nay, cũng chẳng cần phải xóa bỏ hình ảnh các bậc tiền bối ăn lông ở lỗ ở thời đại tiền sử. Trong cuộc phỏng vấn về “Vị trí của trí thức Mỹ” do tạp chí *Partisan Review* tổ chức, Lionel Trilling có ghi nhận: “*Chúng tôi hợp mặt với những người mà chúng tôi biết rõ như sống trong lớp học, chúng tôi biết có thể làm được những gì với những thói quen hiểm độc, và lần lượt khảo sát từng người xung quanh, đo lường sự rồ dại, sự vụng về của họ, rồi nói: Đó, xử sở của tôi đấy. Đó, nền văn hóa của tôi đấy.*”

Qua 16 tác phẩm, 15 tuổi nghề, vừa làm báo, viết văn và ngoài 40 tuổi đời, chắc giờ này Mai Thảo đã “thấm”, đã suy nghĩ về mình cùng cuộc đời còn đó. Có người nói, văn Mai Thảo thuộc phái Hiện sinh, nhưng đúng ra, Mai Thảo: nhà văn Hiện thực.

Ngôi sao Hàn Thuyên

Suốt thời kỳ niên thiếu ở Hà Nội, đến trường bằng con đường Tiên Tsin có những cỗ tàu điện một toa chạy xuống ngoại ô Kim Liên, những dãy sấu, cành lá đan chen rườm rà trên những lòng mái cong trũng, tôi hàng ngày đi qua cái bảng hiệu treo cao trên một ngôi nhà có thêm cửa vào thường đóng kín, không khí bên trong đoán thấy hắt hiu, ngưng đọng. Đó là nhà xuất bản Hàn Thuyên. Sau này tôi mới được biết, ngôi nhà có một căn gác gỗ, chật và tối, nhiều khói thuốc, ở đó Nguyễn Đức Quỳnh, Trương Tửu, Đặng Thái Mai hợp mặt viết sách, với Nguyễn Đức Quỳnh là những tiểu thuyết tự thuật về ấu thời ông ở Hưng Yên, và những thiên khảo luận lịch sử văn minh loài người ở những đầu ngọn xa thăm nhât quá trình và sinh hoạt văn minh nhân loại.

Nguyễn Đức Quỳnh viết sách. Về thái cổ Đông Phương. Về tiền cổ Tây Phương. Về thời đồng, thời đá, thuở trái đất mới có lửa, cộng đồng sống chung trong hình thái bộ lạc cách biệt. Trước một người từ thời đó đã viết những cuốn sách giải thích những hiện tượng nhân văn típ tấp mịt mùng ngoài khối thơ đại ú ớ của mình, cái tự nhiên là Nguyễn Đức Quỳnh đã hiện hình trong trí tưởng ngây ngất của tôi hồi đó, sau lớp ánh sáng lung linh khác thường của một nhân vật huyền thoại. Huyền thoại toả chiếu từ trí tuệ siêu việt.

Có thể, hồi đó, ông cũng chỉ là một nhà văn. Như tôi bây giờ. Ngồi soạn sách, viết bài trên gác một nhà in, một toà báo. Như tôi bây giờ. Nhưng trước một lớp nhà văn đầu đàn có tư tưởng và hoài bão trí thức như nhóm Hàn Thuyên bấy giờ, thì đối với đứa học trò trung học ngày ngày cấp cạp đi qua hàn Thuyên, văn chương nơi những người như Nguyễn Đức Quỳnh là một hành động khác thường. Nó huynh đệ với chí lớn, đồng nghĩa với vá biển lấp trời, đồng tính với cách mạng, trên một hình thái tiêu cực nhưng cũng hiểm nghèo và hào hùng như cách mạng thực sự. Và cũng khác thường luôn, trong suy diễn và tưởng tượng đơn giản của tôi, cái số người làm cái công việc khác thường đó.

Phải đặt hẳn mình trở lại với một thời kỳ đã mất, sống hẳn trở lại với tuổi nhỏ mình và Hà Nội 41, 42, trong bầu không khí ngột ngạt đế quốc chiếm đất bít căn bằng ngục tối và lưu đầy biệt xứ mọi vượn phóng của trí tuệ tự do đòi quyền được sống, tôi mới hội nhận lại được, sau trên ba mươi năm, niềm tưởng tượng và suy diễn lãng mạn của mình về những người và sự việc

Nguyễn Đức Quỳnh. Nhớ những buổi chiều mưa, đứng ẩn mưa dưới mái hiên một tiệm sách ở Hàng Bông, hay Phố Huế, nhìn những cuốn sách bày bán trong ô kính, tôi còn thấy những cuốn sách Hàn Thuyên bìa màu tối, chữ nhỏ, khắc khổ, không đập vào mắt, khác với những cuốn sách khác. Thời kỳ đồng, thời kỳ đá. Văn minh nhân gian tiến một bước kỳ diệu ở nơi hai hòn đá đập vào nhau làm bùng ngọn lửa đầu giữa đêm rừng hồng hoang. Những biển trời nào vậy? Và người viết những cái đó, Nguyễn Đức Quỳnh là ai vậy? Tôi hình dung ra một ông già râu tóc. Một đạo sĩ. Có những nhà văn bởi đến người đọc bằng một cách nào đó, là những hình bóng gần như lung linh, hoang đường. Nghĩ vừa buồn cười, vừa cảm động. Chẳng bao giờ tôi còn được cái sung sướng nhìn ngắm trong xa cách một nhà văn như thế nữa. Nhưng hồi nhỏ, dưới những bóng me, bóng sấu của Hà Nội tiền chiến, cái đũa nhỏ chớm cảm thấy văn chương là một cần thiết lớn lao cho đời mình, đã nhìn Nguyễn Đức Quỳnh, một khuôn mặt Hàn Thuyên, sáng rõ, như thế. Một nhìn ngắm huyền hoặc và ngây ngất.

Phải đợi đến trưởng thành, thiên đô và tản cư kháng chiến, tôi mới được gặp cái nhân vật văn học từng đã mênh mông trong trí tưởng lãng mạn và suy diễn thơ đại một thời. Bấy giờ là mùa hè 1948. Năm kháng chiến thứ ba. Pháp mở cuộc tổng càn trên khắp mấy tỉnh hai bờ Hồng Hà. Tôi chạy vào khu Tư. Được một cơ quan chuyên môn nơi tôi làm việc phái đi tham dự đại hội văn nghệ liên khu tổ chức tại làng Quần Tín, tỉnh Thanh Hoá. Trong cái đám hai trăm đại biểu từ khắp nơi đeo bạc đà, vượt tiêu thổ, về họp mặt dưới những chùm hoa gạo đỏ thắm trên mái làng Quần Tín, người Hàn Thuyên gần đủ mặt, chỉ thiếu Lê Văn Siêu.

Mai Thảo ơi ! Sông Mã sông Chu có cầu không nhỉ ?

Đó là câu đề tặng sau này, cuốn *Ai Có Qua Cầu*, anh Quỳnh viết cho tôi, trong cái ý gọi tôi nhớ lại cùng anh mấy lần gặp mặt giữa hai giong Chu, Mã chảy song song trên địa hình Thanh Hoá. Và cái tuần lễ ghi khắc sâu đậm trong trí nhớ tôi, ở Quần Tín. Đã ngót ba mươi năm. Tôi còn như đang thấy anh đến. Tráng kiện, mạnh mẽ. Khuôn mặt rám nắng, vàng trán mênh mông. cái nhìn sáng và sắc, chém đinh chặt sắt. Với cái gậy trúc ngấn trong tay, bộ bà ba rộng, cái vóc dáng cao lớn in hình lên mặt nước sông Chu xanh biếc, và nụ cười, nụ cười thân yêu bè bạn sau này không bao giờ quên của cả một lớp người văn nghệ trẻ tuổi ở miền Nam, anh Nguyễn Đức Quỳnh tức khắc là "người" của đám người viết mới như tôi, trong đại hội. Bên cạnh một Trương Tửu lè phè, xập xệ, một Đặng Thái Mai nhợt nhạt, đau yếu, anh là khuôn mặt sống động và nghệ sĩ nhất của nhóm Hàn Thuyên chúng tôi thấy mặt lần đầu. Thực ra, tới năm đó, Hàn Thuyên kể như không còn nữa. Bởi những bất đồng ý thức, những lựa chọn hàng ngũ tách rời giữa những nhân vật cột trụ, Hàn Thuyên đã chia lìa. Như chúng ta thấy trong cùng một thời kỳ, sự chia lìa của Đời Nay, với sự rời khỏi 80 Quan Thánh của Thế Lữ và Tú Mỡ. (Mở một dấu ngoặc. Không ăn thua mấy may đến mình, mà sự tan vỡ của Hàn Thuyên và Đời Nay với tôi đến nay vẫn là hai cuộc chia lìa buồn bã và bi thảm nhất của văn học Việt Nam).

Trở lại với người vừa mất tôi đang nói tới. Người ta thường nói đến một từ trường Nguyễn Đức Quỳnh. Đến sức hấp dẫn kỳ lạ toát ra ở ông. Đến hiệu năng thu hút khác thường tưởng như có ma thuật ở nơi ông, đối với lớp nhà văn trẻ suốt hai thập niên vừa qua, ở miền Nam. Đừng vội bảo rằng vì đến ông, tự ái được ve vuốt, giá trị được phóng lớn. Phải nói rằng lớp người trẻ tuổi tìm đến ông đơn giản vì ông gần họ nhất. Và đã thấy ông trước như thế nào mới chịu đến. Điểm này dưới những chùm hoa gạo Quần Tín năm nào, Nguyễn Đức Quỳnh với đám người trẻ hồi đó, hết như lớp người trẻ ở đây, sau tôi. Nguyễn Đức Quỳnh ngày ấy và của Đàm Trường Viễn Kiến gần đây là một. Một sức hút. Một từ trường.

Họp mặt Quần Tín cũng là một chia lìa. Những người mác xít, chưa ra hẳn mặt, đã muốn áp đặt đường lối chính trị họ vào hội thảo văn học. Không khí họp mặt thoát đầu cởi mở, trở nên trầm trọng, ngột ngạt. Những phát biểu không xuất phát từ biện chứng hiện thực bị bác bỏ tàn

bạo. Trên bàn chủ tịch đoàn, Nguyễn Đức Quỳnh là người duy nhất đánh phá đường hoàng vào sự trầm trọng lệch lạc này. Bằng những ý kiến phóng khoáng, vui nhộn, tếu nghịch, làm nhẹ hẳn cái không khí khó thở đè nặng. Ở dưới, bọn trẻ chúng tôi khoái thích ông vô tả. Thấy ông bước vào phòng họp là chúng tôi vỗ tay ào ạt.

Tóm lại, Nguyễn Đức Quỳnh vui không chịu được. Ông chưa nói, bọn "vô đường lối" chúng đã sửa soạn tấn thường. Ông nói xong, chúng tôi cười rộ từng hồi. Còn nhớ một ngày, phiên họp kéo dài tới đêm khuya. Trời Thanh Hoá im ắng không một ngọn gió. Dưới ánh lửa lập lòe làm tăng thêm sức nóng nung nấu của phòng họp đông chật, lưng vai mọi người đã ướt đầm mồ hôi. Bỗng, nhân vật Hàn Thuyên từ trên bục cao đồng dục nói xuống, thật lớn: "Cởi hết quần áo ra ngồi họp. Đồng ý cả không nào?" Chúng tôi phá lên cười và đồng ý tức khắc. Mọi cái áo được cởi phăng ra. Dưới ánh lửa chập chờn, cảnh tượng họp tếu nghịch, tức cười, đến cực điểm. Với những bộ xương cứa chứa trình diễn khoái thích cùng khắp trên những hàng ghế.

Những chùm hoa gạo vẫn nở đỏ trên mái đình Quần Tín. Nhưng bên dưới đã vắng lặng. Mấy ngày họp mặt chấm dứt. Từng người trở về dưới từng bóng núi, từng góc rừng mình. Sau đó, tôi không thấy Nguyễn Đức Quỳnh đâu nữa. Ít lâu sau, một đêm ngủ ở chân cầu Hàm Rồng, tôi được một người bạn nói nhỏ cho hay Nguyễn Đức Quỳnh sau nhiều lần vào Hà Nội trở ra, lại vào. Vào hẳn. Bởi những nguyên nhân nào, sự bỏ đi đó?

Không bao giờ tôi được biết. Quý mến ông, tôi cũng không muốn đặt ra những giả thuyết. Một lần, tò mò, tôi hỏi : "Có một huyền thoại về Nguyễn Đức Quỳnh. Về những chuyện ra vào Hà Nội. Anh làm thế nào đi lại an toàn qua vòng đai trắng nhiều lần vậy được." Ông nghe, tủm tỉm cười. Rồi ấn ngón tay xuống một chỗ trên lòng tay kia mở rộng, giọng đùa nghịch: "Mỗi chuyến đi, tôi tới bên này sông Đáy, ngủ lại ở vùng Phủ Lý một đêm. Đêm đó là đêm quyết định. Hề thấy cái chỗ này của lòng tay dật dật, là điềm tốt, đi được. Thế là tăng sáng tôi qua sông." Chẳng hiểu đùa hay thật, có hay không. Sáu mươi năm sống đầy ắp của Nguyễn Đức Quỳnh, bằng một trăm năm của người khác, có những khoảng cách mật mùng, ấy là một số năm số tháng trống bặt, vô hình tích, chỉ riêng ông biết. Như những đêm đợi sáng bên này bờ sông Đáy, chờ cái nháy mắt nghịch ngợm của định mệnh trên đường chỉ tay, để vượt vòng đai trắng trong mù sương. Những đoạn đời vô hình tích ấy mang hình ảnh hoang đường của những khoảng trời không, mất tăm luôn trong chính cái miệng vực mệnh mông không đáy của chúng.

1954. Vào Nam, tôi tìm thăm anh ngay ở tuần báo Đời Mới. Anh ngồi một mình trong căn phòng phía trong, đeo kính trắng, cầm cúi viết trong một không khí cực kỳ đơn độc, bên cạnh một tài liệu kê cứu mở rộng là cuốn Việt Nam Sử Lược của Trần Trọng Kim. Chúng ta thường kinh ngạc khó hiểu, trước cái bình trí nhớ kỳ diệu của Nguyễn Đức Quỳnh. Trong phần phát biểu cảm tưởng, Thanh Nam đã chia sẻ với chúng ta niềm kinh ngạc này, qua vài đoạn văn nhỏ của Thanh Nam mà anh Quỳnh đã phê bình tức khắc trong lần gặp mặt thứ nhất ở Hà Nội. Nhớ tiếng, nhớ hình. Nhớ những thời gian, những tên người, những cái lớn, những cái nhỏ, nhớ những sự việc tầm thường và cách xa nhất xảy đến cho một cá nhân này nọ trong khi chính cá nhân đó đã quên. Đó là cốt trí nhớ ngoại hạng của Nguyễn Đức Quỳnh, tinh tế, bén nhạy, không nhằm lẫn cho đến trút thoát hơi thở cuối cùng.

Sáu năm không gặp mặt, chỉ một thoáng nhú mày, anh đã nhận ra tôi. Duy lần gặp lại đó, chứ không phải sau này, anh để râu, chịu giải phẫu nhiều lần, héo hắt vì ung thư tàn phá, tôi thấy anh già hẳn. So với cái hình ảnh Quần Tín tôi còn giữ được nguyên vẹn về anh, sáu năm về trước. Có phải là sau những biến thiên, đều không nhiều thì ít, đã thả xuống những mái sóng rục rở nhất, những phiến bóng rợp ngậm ngùi buồn bã? Có phải là sau một lựa chọn, một thay đổi, cũng cứ là đã lèn nhập vào những cõi tinh thần vững vàng, tích cực nhất, những hoài nghi

phẳng phát ở chính mình? Có phải là rũ bỏ một quá khứ hành động, cho là rũ bỏ thuận tình đến đâu, cũng vẫn trong tâm linh băng khuâng, những bóng ma cũ thấp thoáng?

Những điều đó, nếu có, anh không nói ra với tôi. Anh chỉ già đi, thế thôi. Ngừng viết, ung dung, trong cái phong cách thoải mái của một người hoà thuận với thêm một hoàn cảnh nữa của đời mình, anh hỏi thăm tôi về một số người ngoài kia, khoảng thời gian anh đã bỏ đi, tôi còn ở lại. Sơ sơ về hết thấy. Nhiều về những đồng hành cũ thời Hàn Thuyên. Về Đặng Thái Mai, anh gạt : "Ở lại, đành rồi. Anh ta không thể làm khác". Về Trương Tửu, anh suy nghĩ rồi mơ hồ : "Muốn làm cách mạng phải có đủ ba thứ Courage, Morale, Intellectuelle. Physique nữa". Về anh, đang viết Nhân Bản Mới trên bàn viết Đời Mới: "Họ là một cản trở mình, mình cũng là một cản trở lớn cho họ. Ở lại, mình bị đẩy làm toa đen cho họ kéo. Tội gì". Mỉm cười, anh tiếp, giọng bông đùa: "Về đây, may ra mình làm được ông đầu tàu, kéo được vài toa đen làm đồng hội đồng thuyền, khỏe hơn". Với Đàm Trường Viễn Kiến, với Di Ngôn đi theo người muốn trở về cát bụi hoàn toàn, bằng hỏa táng hình hài, anh Quỳnh không ngừng nỗ lực làm cái điều anh nói với tôi ở Đời Mới hôm đó.

1974. Đã hai mươi năm, từ một lần gặp lại. Chủ nhật, mùng 6. Thêm một lần gặp chót với người Hàn Thuyên cũ. Đưa tiễn anh một quãng đường, rồi Phan Lạc Phúc, Vũ Khắc Khoan, Thanh Tâm Tuyền và tôi kéo đến phim trường Alpha, xem trong một xuất chiếu riêng, cuốn phim Hè Muộn của đạo diễn trẻ tuổi Đặng Trần Thức. Hè Muộn là cuốn phim vừa đoạt 5 tượng vàng trong 7 tượng vàng chính giải văn học nghệ thuật toàn quốc. Phim thuộc loại khó, danh từ điện ảnh gọi là "phim của đạo diễn". Cốt truyện dật dờ đòi hỏi suy đoán. Những hình ảnh biểu tượng đầy đặc. Chúng tôi theo dõi, cẩn thận, chăm chú. Xong, kéo về nhà Doãn Quốc Sỹ ăn cơm trưa. Trời tuyệt đẹp. Tháng sáu, mà buổi sáng Sài Gòn lơ lửng như một buổi sáng mùa thu miền Bắc. Ban này, gió thổi lộng trên những ngọn cây cao vút ven con đường tới An Dưỡng Địa. Ban này, những giải nắng ấm áp, đã lăn theo những vòng bánh chậm chạp của cỗ xe tứ mã mà cánh tả xe là di ngôn người Hàn Thuyên xưa kêu gọi hoà đồng và cứu chuộc lấy mình của nhà văn và trí thức toàn cầu. Quá trưa, trời vẫn đẹp. Bữa ăn kéo dài trong trò chuyện bình tĩnh. Tuần cà phê kéo dài thêm nữa bữa ăn. Anh Quỳnh đi giữa một chủ nhật rộng rãi, khí hậu và dáng vẻ mùa thu đậm đà hơn với trận mưa to lất phất khoảng 4 giờ chiều, trong nỗi lòng chúng tôi cũng ấm áp như cái nắng mùa thu bay bay trong nó nhiều băng khuâng nhẹ nhàng, tâm trạng mà tôi yêu mến lắm và muốn mọi người cùng có như mình về anh Quỳnh, lúc đi theo linh cữu anh, và mãi mãi. Anh có tôi trong đời sống anh đôi chút thế nào chẳng biết.

Chỉ biết, ở tôi, từ tám biển Hàn Thuyên 48, những ngày Thanh Hoá xa thăm, mặc dầu những đút quăng rộng lớn, cũng gọi là anh đã có, xa gần, đậm, nhạt trong tôi, suốt một đời người. Lắng kiếm một cảm tưởng mới, chẳng thấy gì hơn bằng gọi về, và sống thêm một lần nữa, với một số cảm giác, hình ảnh quen thuộc, đã có về anh từ đầu, tôi vẫn thấy tồn tại sáng rõ trong trí nhớ mình. Con đường Tiên Tsin. Những cỗ xe điện một toa chạy về ngoại ô Kim Liên. Những dãy sáu Hàng Cót, Hàng Đậu trên những mái nhà Hà Nội cong trũng. Cái tám biển của nhóm trí thức lấy lưng tiền chiến. Đứa nhỏ mơ mộng. Cái cặp da của nó, và những cuốn sách Hàn Thuyên bìa tối, chữ nhỏ, khắc khổ, đứng riêng một góc ô kính bụi bặm của cái tiệm sách Phố Huế. Mỗi liên hệ êm đềm, tình cảm, từ đầu, như thế đã là quý hiếm, bất ngờ, đáng gìn giữ. Giữa một người và một người. *Mai Thảo, sông Mã sông Chu có cầu không nhỉ?* Đùa mãi, anh Quỳnh. Sông nào mà không cầu. Giọng thiên hà đêm đêm trên đất trời không bờ cũng có. Những cây cầu nhân thế đã được bắc, đêm ngày, liên tiếp, không ngừng, đời này qua đời khác, từ thời đồng, thời đá. Và muôn vạn trong những cuốn sách anh viết. Phải, Những cây cầu qua đã là một cảnh tượng kiến thiết tấp nập vang động. Trong đời sống anh đã sống, những cuốn sách anh đã viết.

(*Tạp chí Văn, số tháng 6, 1974*)

Gặp gỡ giữa hai thế hệ

Phỏng vấn **Trần Vũ**

Năm 2008, nhà phê bình Thụy Khuê phỏng vấn Trần Vũ về ảnh hưởng văn chương Mai Thảo với những nhà văn nổi gót ông. Có lẽ "ảnh hưởng Mai Thảo" cũng tương tự như nổi bản khoán mà Harold Bloom - nhà phê bình văn chương Hoa Kỳ - gọi là "The Anxieties of Influence." Nổi bản khoán này đã được Harold Bloom so sánh với chuyện "giết cha và lấy mẹ góa làm vợ" của Oedipe trong thảm kịch Sophocles--là một dẫn vật của những nhà văn đi sau Mai Thảo, vì họ phải chọn lựa giữa đoạn tuyệt và kế thừa.

Mai Thảo, không những có công khám phá những tài năng mới, nhưng ông còn đặc biệt âu yếm tha thiết với các nhà văn trẻ có tài. Việc ông nhật truyện ngắn đầu tiên "Rượu chưa đủ" của Dương Nghiễm Mậu từ thùng rác của toà soạn một tờ báo, về đăng trên Sáng Tạo, đã thành một giai thoại đẹp trong sinh hoạt văn học. Đối với Trần Vũ, Mai Thảo rất yêu. Nhớ có lần chúng tôi sang Mỹ cùng dịp với Trần Vũ. Lại thăm ông, tôi hỏi: Vũ cũng sang đây rồi, Vũ chưa lại thăm anh à? Mai Thảo bảo: Thì cũng phải để cho nó có tự do của nó chứ! "Tự do" ấy hôm nay sẽ thuật lại cùng chúng ta Mai Thảo.

Thụy Khuê

Thụy Khuê: Trước hết xin cảm ơn Trần Vũ đã nhận lời nói về Mai Thảo. Nhưng trước khi hỏi anh về Mai Thảo, tôi muốn được nghe anh nhắc lại thời kỳ đầu, khi anh mới bước vào nghiệp văn. Nếu tôi nhớ không lầm thì Trần Vũ bắt đầu viết văn rất sớm, vào khoảng năm 1987-88 và anh nổi tiếng ngay từ những truyện ngắn đầu. Chắc anh còn giữ vài kỷ niệm về thời kỳ này?

Trần Vũ: Thừa chị Thụy Khuê, quả tình tôi gửi đăng truyện khá sớm trên các tập san Làng Văn, Văn, Văn Học vào những năm 87-88.

Dường như chị đã viết những bài phê bình đầu tiên trên báo Văn học, cùng lúc với Nguyễn Hưng Quốc khởi nghiệp phê bình, cùng lúc khi tôi viết truyện Pháo đài, Ngôi nhà sau lưng văn miếu... Chúng ta đến với Văn học, dường như vì tư cách của chủ bút Nguyễn Mộng Giác. "Thế giá của người cầm bút", như ông thường viết, là tiêu chí, đặt lên trên, điều kiện của nhà văn đặt ra với xã hội, với trách nhiệm và vị trí của nhà văn. Thời ấy, Nguyễn Mộng Giác vô cùng ưu tư và xem trọng vấn đề này, nhưng ngược lại, ông không ép buộc thế hệ viết trẻ phải giữ "Thế giá" theo cách của ông. Nguyễn Mộng Giác gần với thế hệ đi sau bằng chính sự giản dị hoà đồng của mình. Bên cạnh đó, Mùa biến động là một trường thiên mà thế hệ cầm bút đi sau chưa vượt qua được. Thế hệ đi trước ghi lại được tâm tình, thao thức của thế hệ mình trong một giai đoạn đầy biến động của đất nước, thế hệ đi sau chỉ có truyện chớp, chuyện thành linh, truyện cực ngắn, hay ký sự, "chuyện", mà tầm vóc quá khiêm tốn. Nguyễn Mộng Giác không cùng thế hệ với Mai Thảo, nhưng cùng thời với Mai Thảo, một thời đại di vật mà tôi giữ trong lòng.

Thụy Khuê: Mai Thảo là một trong những khuôn mặt nổi trội của Văn học miền Nam, nhưng ngoài Mai Thảo, anh còn được gặp khá nhiều bộ mặt khác của Văn học miền Nam qua những chuyến đi Mỹ, về Việt nam một dạo khá thường xuyên của anh, anh nghĩ gì về họ?

Trần Vũ: Định mệnh đã khiến tôi gặp nhiều nhà văn miền Nam trước 75. Tất cả đều đã để lại trong tôi hình ảnh của những nhà văn đích thực, thâm trầm, miệt mài và am hiểu cõi người. Tất cả giống như tôi mừng tượng qua tác phẩm của họ. Tôi vẫn nhớ ngày đến thăm Dương Nghiễm Mậu, ông thật im lặng, nổi im lặng tinh tế, đầy phán xét, vừa cảm thông, trong trầm lặng, thông hiểu người đối diện. Thế giới của Dương Nghiễm Mậu hiện diện như tiểu thuyết của

ông, sáng lạnh, không tiếng động, ngay cả khi tiếng động của nhân vật vang lên, cũng im lìm. Không có gì miễn phí, hiểu trong nghĩa phải suy nghĩ.

Tôi cũng nhớ lần gặp Cung Tích Biền đầu tiên. Chúng tôi đánh cờ tướng, uống rượu, Cung Tích Biền cực ảo, ngôn ngữ như chiếc nổ thần của An Dương Vương bắn nghìn phát trúng đích. Ngồi đánh cờ với ông, trong quán rượu của thi sĩ Triệu Tử Truyền, tôi ngắm ông như ngắm một nhân vật, trong tranh, vì tôi ở ngoài bức tranh. Trong bức tranh, Cung Tích Biền là một Thục Phán, đã mất thành Cổ Loa, đã mất Ngoại ô Dĩ An, tác phẩm giống những Mỵ Châu đã nuôi nấng bị Trọng Thủy lườm gạt. Tuy vậy ông đầy biến ảo, suy nghĩ của ông tinh vi như nước Xe dàn dưới chân Sĩ. Tôi tin ông vẫn cất giữ nổ thần.

Năm 92, đặt chân đến Cali, tôi gặp Nhật Tiến. Hoạ sĩ Khánh Trường đưa tôi đến nhà ông. Không có gì tương phản bằng Khánh Trường và Nhật Tiến, một bên du đặng văn nghệ và một bên thầy giáo văn nghệ, một bên tải đạo và một bên phá đạo. Bẩm sinh tôi mang tâm tính nổi loạn nên đi theo hoạ sĩ Khánh Trường không do dự. Nhưng tôi đến thăm Nhật Tiến, như đến chào thầy, người thầy học cũ. Chị có thể nghĩ vì kính nhi viễn chi, không sai, mà còn hơn vậy nữa, tôi đến gặp Nhật Tiến vì ông đã dẫn thân trong suốt đời văn nghiệp, trong lễ đưa ma Nhất Linh đọc lời ai điếu đối nghịch với nền đệ nhất Cộng hoà, sau vượt biên tham gia hết mình Ủy ban Cứu nguy Người vượt biển, rồi viết Mồ hôi của đá trước sự tức giận của các hội đoàn quá khích. Mai Thảo dùng chữ thật hay lúc ấy: "Nhật Tiến vẫn đứng ngoài nắng."

Thế Uyên khác hẳn Nguyễn Mộng Giác, khác hẳn Nhất Linh, tuy dùng một giọng văn cổ điển, ông chủ trương Tự lực ân ái văn đoàn. Thế Uyên hỗ trợ tuổi trẻ ra nằm ngoài Tiên đồn, thử nghiệm thân xác với nhân vật của mình. Thế Uyên giống Lê Uyên Phương, cổ võ hãy ngồi xuống trang tiểu thuyết, yêu nhau trần trụi, ngó thấy thương đau. Làm sao không thích ông?

Năm 2002, tôi tìm ra cô giáo Hoàng. Nguyễn Thị Hoàng vẫn giữ chiếc eo nhỏ nhắn của thời dạy học. Cách tiếp cận văn chương của bà đầy cá biệt. Tình yêu của Nguyễn Thị Hoàng dành cho văn chương là tình yêu của một người đàn bà dành cho một vật thể, có thể ngang bằng với một người đàn ông, thấp hơn, hoặc vượt trội, vẫn là tình yêu dành cho một vật thể. Nguyễn Thị Hoàng dễ dàng vất bỏ sự nghiệp trước tác, không luyến tiếc, hoặc viết say mê cùng cực rồi cất kỹ trong rương không bao giờ mở ra. Tình yêu quan trọng ở khoảnh khắc chọn lựa, chứ không ở những gì xảy ra sau đó. Tiểu thuyết với Nguyễn Thị Hoàng là một sự chọn lựa khoảnh khắc, của tác giả, của cả người đọc. Nhà văn, độc giả, gặp nhau trong khoảnh khắc này, những gì xảy ra trước, xảy ra sau, xảy ra chung quanh, thuộc về xã hội. Ra khỏi tiểu thuyết, nhà văn không khoác áo nhà văn, rời trang giấy, người đọc trở thành kẻ khác. Nguyễn Thị Hoàng tin, và giữ dáng dấp bí ẩn, của một miền Nam chưa biến mất, còn dấu kín.

Có thể những người khác không nhìn thấy như vậy, nhưng cá nhân tôi thấy các nhà văn miền Nam này như vậy.

Thụy Khuê: Thế hệ anh, lúc 75, vào khoảng 12-13 tuổi. Ở tuổi ấy anh đọc những gì?

Trần Vũ: Miền Nam vào đầu thập niên 70 vô cùng phồn thịnh. Một sự trù phú tinh thần. Cho đến bây giờ tôi không thấy ở đâu người ta đọc sách nhiều như trong các đô thị miền Nam thời này, đặc biệt ở lớp học sinh. Sách báo tràn lan. Mà không đắt như bây giờ. Chúng tôi đi thuê truyện mỗi chiều, mua ngoài hiệu sách, mua ngoài sạp báo. Bố mẹ mua riêng, con cái mua riêng, mỗi người thuê theo sở thích. Lên mười hai tôi đã "xong" Về Miền Đất Hứa của Léon Uris, bản dịch của Thế Uyên, Giải khăn xô cho Huế đỏ nát của Nhã Ca, Xóm cầu mới của Nhất Linh, Tủ binh và hòa bình của Phan Nhật Nam, Ngàn cánh hạc của Kawabata, Đêm ở Lisbonne của Remarque, Kim Các Tự của Mishima... Tôi ngủ gật khi đọc Ngàn cánh hạc, và không hiểu hết

Kim Các Tự, nhưng không khí nặng trĩu mái chùa vàng và âm vang độc thoại của nhân vật ám ảnh tôi rất lâu. Ngàn cánh hạc để lại điều gì đó thật êm ả. Sau 75 tôi khám phá "chui" Nguyễn Nghiệp Nhuận, Thái Lãng, Thảo Trường, Nguyễn Thụy Long, Nguyễn Đình Toàn, Tuý Hồng. Đây là thời kỳ phá sản của Văn học Thống nhất, tuổi trẻ miền Nam tấy chay nền Văn học Giải phóng tuyên truyền này, vì không bắt gặp mình và gia đình mình trong tác phẩm của Hội Nhà văn Chiến thắng.

Thụy Khuê: Anh Mai Thảo là người rất nhạy cảm với các tài năng trẻ, cho nên anh ấy quý mến anh ngay. Theo anh thì Mai Thảo khác ra sao so với các nhà văn anh đã gặp?

Trần Vũ: Vâng. Mai Thảo khác những nhà văn miền Nam tôi đã gặp. Có thể vì mỗi nhà văn trong cuộc đời này duy nhất, vì ADN của mỗi con người duy nhất. Tôi không rõ. Nhưng tôi thấy Mai Thảo rất khác. Khác trong thái độ sống: Ông không thoả hiệp với bất cứ điều gì không ưa thích. Có thể định mệnh may mắn đã cho phép Mai Thảo sống như vậy. Vì Dương Nghiễm Mậu cũng không thoả hiệp, nhưng phải im lặng, Nguyễn Thị Hoàng cũng chỉ có thể xuất bản Nhật ký của im lặng, tuồng chữ chép tay phạm thánh, như bà đã viết Tình yêu của đáng trời, phải cất trong rương. Trong xã hội tràn ngập khẩu hiệu vinh quang, Cung Tích Biền phải biển ảo, huyền ảo, cực ảo, Trần thị Ngh phải ẩn vào thể loại loufoque tang bồng để sống sót... Mai Thảo may mắn sống giữa Hiệp chủng quốc để tự cho mình quyền không thoả hiệp, nhưng cũng có thể trả lời Mai Thảo đã không thoả hiệp ngay từ khi ở Sài Gòn. Sau 75, tất cả các nhà văn của phía bại trận bị tập trung cải tạo, Mai Thảo nhất quyết không ra trình diện, nhất quyết không thoả hiệp với nỗi sợ hãi của mình, trốn tránh cho đến cùng, trèo lên mái ngói khi công an khám xét, để quên đôi dép đàn ông dưới gầm giường trong nhà Nhã Ca, khi Trần Dạ Từ đang bị bắt, như Nhã Ca kể lại. Mai Thảo, thủ lĩnh của văn nghệ miền Nam đã làm được điều này: Giữ giữ Tự do ở ta cho đến cùng, như chữ ông thường dùng.

Không thoả hiệp, không mang ý nghĩa duy nhất không cộng tác với chế độ. Mai Thảo không thoả hiệp với những điều bất lương, với những kẻ phi văn chương, và thói xiêm nịnh. Những ai đã từng chứng kiến Mai Thảo quát mắng ở bàn rượu những con người ông cho vô đạo, đều biết Mai Thảo không cho phép những kẻ bất xứng ngồi chung bàn với mình. Và ông mắng thẳng thừng. Ở tính cách này, Mai Thảo rất khác. Ông đại diện một tập thể, trong lúc Dương Nghiễm Mậu, Cung Tích Biền, Võ Phiến đại diện một cá nhân, chính họ. Với tôi, Mai Thảo còn đặc biệt ở một điểm khác. Tôi biết đến các nhà văn miền Nam qua Mai Thảo, qua các tùy bút, bút ký, sổ tay, hay kỷ niệm của riêng ông. Tôi "thăm dẫm" những trang viết này, mà Mai Thảo viết hay vô cùng, thể tùy bút là sở trường của ông. Lần ông đến thăm Thanh Nam cuối cùng, Thanh Nam ung thư cuống họng không nói được nữa, nhưng hai người bạn vẫn trao đổi bằng bút đàm, chữ viết rào rào, giấy xé soàn soạt, giống họ vẫn hầy còn ngồi cùng toà soạn, cùng viết báo. Kỷ niệm với Dương Nghiễm Mậu, lần cuối gặp nhau, đi ngược chiều, một Dương Nghiễm Mậu cầm dù đen lấm lũi dưới mưa Sài Gòn, một Mai Thảo đang bị truy nã, cổ dẫu tung tích, cả hai nhận ra nhau, có biết bao điều để nói với nhau sau đổi đời, nhưng phải lẳng lặng bước đi, tránh phiền phức cho nhau. Cả hai tiếp tục bước trên hè phố của mình, cho đến lúc Mai Thảo quay lại, chỉ còn trông thấy ô dù đen của Mậu và giữ mãi hình ảnh của ô dù này cho đến khi ông mất. Cho đến 96, ông hầy còn nhắc cái ô dù màu đen này. Kỳ diệu siết bao, khi tôi trở về Sài Gòn, buổi tối hẹn anh Mậu ở quán Thanh Niên, trời mưa tầm tã, tiếng mưa át tiếng nhạc, dưới thác nước Dương Nghiễm Mậu hiện ra, ông hạ dù, những giọt nước chảy lã trên lớp vải đen cũ mà bền bỉ. Tôi đã nhớ Mai Thảo thật nhiều tối ấy, buổi tối tháng ba năm 2002, trong quán Thanh Niên tôi muốn khấn thầm: Bác ơi cháu đã gặp lại anh Mậu.

Tôi chưa bao giờ gặp Dương Nghiễm Mậu trước đây. Nhưng vẫn cảm giác gặp lại Dương Nghiễm Mậu. Gặp thay Mai Thảo, vì Mai Thảo.

Tháng 3 năm đó, tôi cũng gặp lại Nguyễn Thị Hoàng. Cô giáo Trâm của Đà Lạt, mà tôi si mê đem theo trong trí nhớ, chép lại truyện Vòng tay học trò bằng trí nhớ, trong những ngày nội trú ở cô nhi viện. Cô giáo Trâm đã hiện ra, bằng xương thịt, ngồi đó, trước mặt tôi, hút thuốc, pha rượu, đầy bí ẩn, quyến rũ. Cô giáo Hoàng làm tôi nhớ đến một nhận xét của Mai Thảo: "Nguyễn Thị Hoàng là một người đàn bà". Còn bao nhiêu mẩu chuyện khác, ông kể với tôi trong những quán rượu ám khói, trong nghĩa trang Père La Chaise, về nhiều nhà văn khác: Bình Nguyên Lộc vắt vẻo trên xích lô, Bùi Giáng làm thơ dán lên cửa sắt toà soạn báo Văn, dán la liệt, dán cùng khắp, hay Sơn Nam "mất toét"... mỗi người một dáng vẻ, một phong cách, một chi tiết. Mai Thảo không biết ông khắc họa nhân dáng, thần thái của cả một giai đoạn văn học, giúp tôi đi tìm lại từng di vật qua những phác họa này. Những trang tùy bút của Mai Thảo giống một sơ đồ giúp kẻ đi sau lần theo dấu vết đến kho tàng. Kho tàng văn học miền Nam.

Thụy Khuê: Cảm tưởng đầu tiên khi đối diện với Mai Thảo, anh xưng hô thế nào? Anh thấy xa cách hay là gần gũi ngay từ đầu? Mai Thảo có phân biệt chiếu trên chiếu dưới không? Nếu vẽ chân dung Mai Thảo thì anh thấy những nét gì hiện ra?

Trần Vũ: Mai Thảo hay sắm vai trưởng thượng và nhập vai y như thật, y như khi ông nhập vai nhân vật bước chân vào các vũ trường Arc en Ciel, Majestic, Đêm Màu Hồng... lắc ly rượu, trầm ngâm, nhìn quanh những mặt người, tìm một nét của A Sầu trong *Để tưởng nhớ mùi hương*, tìm một nét ở Châu của *Sống chỉ một lần*, tìm *Hạnh phúc đến về đêm*. Không nhất thiết để ân ái với phụ nữ, nhưng phải là phụ nữ, sinh vật tiểu thuyết mà Mai Thảo quý trọng vô cùng. Tôi vẫn muốn hỏi: "Bác còn nghĩ đến Cẩm Nhung?" Nhưng không bao giờ tôi dám hỏi. Ông im lặng hàng giờ và tôi ngồi đó, thừa thãi. Đôi khi tôi hiểu, vì *Nửa đường hương gãy trên nghìn biển*. Tôi chưa thấy ai dùng chữ "Nghìn biển" hay như vậy. "Nghìn" làm câu thơ rộng ra, "hương" không bay hết khiến không gian bất tận.

Mai Thảo hay ngâm thơ Tô Thùy Yên: Ba trăm hải lý nhớ không tới/ Ta nhớ người xa ngoài nỗi nhớ... và sau câu thơ, ông lắc ly rượu: "Tôi cho câu thơ này tuyệt diệu". Tôi nghĩ khác, chữ "Nghìn biển" và "hương gãy" mới thật sự tuyệt diệu. Những khi đi uống rượu với Mai Thảo, tôi cảm giác đi uống rượu với phu huyết, sau xềng đất, sau cốc rượu, bảo những hồn ma cũ Huyết đã chôn rồi lấp đã xong. Mai Thảo sống với Vũ Khắc Khoan, Vũ Hoàng Chương, những tửu đồ, đã khuất. Ông thuộc thơ nhiều vô cùng, ngâm liên tục, những tài thơ lớn. Còn thơ của ông? Thơ Mai Thảo rờn rợn, những giấc ngủ đen, những hồn ma thức giấc gây thành giông bão, của thần chết đã trở thành bạn, ngồi trên giường. Cửa lưu đày. Nhiều lần tôi tự hỏi: Mai Thảo có vô thần không? Nhiều lần tôi tìm thấy câu trả lời: Không, Mai Thảo xem Phật là bạn. Trong bài thơ in trên Văn, Mai Thảo tả mình trở về phòng một đêm khuya, ở giấc nửa khuya về sáng, giấc của ma quỷ, và thấy Phật nằm ngủ trong giường mình. Đỗ Ngọc Yến đã làm hư câu thơ này khi trách: Cho Phật ngủ trong giường thành gay. Mai Thảo chữa lại thành Phật ngủ trong vườn. Ý nghĩa *intime* biến mất. Mà chính sự thân mật với thượng đế mới làm câu thơ sáng giá. Một lần khác, Mai Thảo lên lớp Tô Thùy Yên điều gì đó, Tô Thùy Yên phản ứng, đập bàn ghế. Tôi thấy ông buồn vô cùng. Tất cả chúng tôi ngồi ở bàn rượu đều buồn bã. Thau tiết vệt ở quán Cổ Vịt chảy máu. Tôi ngắm ly rượu trong tay Mai Thảo, màu hổ phách, màu đồng thau, màu buồn bã. Nhưng cũng là màu vĩnh cửu. Rượu là sông Hằng của Mai Thảo. Rượu chứa tất cả. Một thứ nước sông Hằng pha đá. Viên đá cục chứa cuộc đời ông, như hạt cát của sông Hằng chứa đại dương. Tôi ít đọc thơ, tôi thuộc thơ qua giọng ngâm của ông. Ngày trước, Mai Thảo nhập vai nhân vật bước chân vào vũ trường. Trong feuilletons, ông hóa thành nhân vật ăn chơi. Sang đến Mỹ, chính nhân vật nhập vai Mai Thảo, bước chân vào tiểu thuyết. Trong *Một đêm thứ bảy*, Nhuận ngồi ở vũ trường nhìn một vũ nữ bị hành hung, thay vì can thiệp, như đã cứu A Sầu, Nhuận đứng lên lặng lẽ ra khỏi phòng trà, vút tàn thuốc xuống bãi cỏ và đứng nhìn cho đến khi đóm lửa tắt ngấm. Truyện kết thúc trong bóng tối. Không phải nhân vật cũ, hay chính nhân vật cũ đã nhập vai Mai Thảo ở Hoa Kỳ, bắt lượm, nhòa bóng.

Còn lại vai diễn nào nữa ngoài trường thượng?

Mai Thảo vào vai trường thượng, mặc dù ông không hề muốn làm trường thượng. Một phần nào đó, chính lớp viết trẻ đã ủng hộ ông làm trường thượng. Võ Phiến quá xa cách, quá nghiêm trang, quá đạo mạo, Nguyễn Mộng Giác quá lạnh, cả hai, văn tài cùng công sức vun bồi văn học đều đầy, nhưng cả hai không uống rượu. Và điều này "không chấp nhận được," như Hemingway, trong quán rượu, cửa cổ một chai whisky dốc ngược vào cuống họng, rồi cuống họng phán xét William Faulkner "giống Virginia Woolf." Faulkner, kẻ chạy tịnh, bị Ngự ông từ chối. Lớp viết trẻ chọn Mai Thảo, như Hemingway chọn rượu cay. Như một cách hoài niệm một giai đoạn văn học quá cố, của Nhất Linh, của Phan Khôi. Không phải vì ưa thích chiếu trên, chiếu dưới, mà vì thương kính ông, yêu mến ông. Vì hãnh diện có một trường thượng không thoả hiệp, đề cao Tự do ở ta, biết phát cờ, đã ra khơi, lên đường. Không phải tất cả, nhưng một số đông ngấm ngấm chấp nhận sự hiện diện của Mai Thảo ở vị trí trường thượng. Không nói ra, mà là một mặc nhiên. Nhiều thi sĩ đã than phiền Mai Thảo trịch thượng, bần gất, hay quát mắng, nhiều văn gia đã giận dữ thái độ của Mai Thảo trên bàn rượu. Với cá nhân tôi, ông có quyền này.

Thụy Khuê: Trong những buổi đi chơi, hoặc uống rượu với Mai Thảo, điều gì ở ông làm anh nhớ nhất?

Trần Vũ: Điều gì khiến tôi nhớ nhất? Nét buồn bã là điều tôi nhớ nhất. Gương mặt ông buồn đăm đăm. Chỉ cần Mai Thảo xuất hiện, sự cô đơn vây lấy mọi người, lấn tràn sang mọi người. Ông ngồi đó, im lặng, rồi ra về. Ông mang nỗi cô đơn của Nhị trong *Ngọn hải đăng mù*.

Một đêm đi uống rượu chia tay với Nguyễn Hưng Quốc. Bữa rượu trở nên cuộc tiễn đưa. Mai Thảo không ưa phê bình, không cho phép phê bình đứng ngang hàng. Với ông, phê bình là bọn mọt sách. Nhưng Mai Thảo quý mến Nguyễn Hưng Quốc, và cả chị nữa, chị Thụy Khuê. Dường như chị và Nguyễn Hưng Quốc làm thay đổi hình ảnh phê bình trong mắt Mai Thảo. Không có nghĩa ông cho sánh vai ngang hàng. Sáng tác không bao giờ chấp nhận điều này, như Mai Thảo khẳng quyết. Nhưng với chị và Nguyễn Hưng Quốc, ông dung thứ. Buổi tối đó, chúng tôi tiễn Nguyễn Hưng Quốc đi Úc, trong cái quán nhỏ gần bờ sông Seine. Mai Thảo ăn ít. Chúng tôi uống với ông. Bình thường anh Quốc không uống rượu. Nhà phê bình, giống hầu hết giới phê bình, muốn tỉnh táo, mà điều này sáng tác ghét thậm tệ. Tuy nhiên, tối đó, Nguyễn Hưng Quốc cố gắng theo chúng tôi. Anh không gin giữ, không chiếu lệ, mà uống thật tình, vì anh cũng thương Mai Thảo. Nếu lý trí Nguyễn Hưng Quốc gần với Võ Phiến, tình cảm anh dành cho Mai Thảo. Uống chia tay, như một vĩnh quyết. Đến một lúc, anh ngã bật ra bàn và nôn thốc tháo, rồi bất tỉnh. Chúng tôi kêu hầu bàn thay khăn, kêu thêm rượu. Khuya lắm, đến khi quán đóng cửa, phải ra về, tôi khiêng vai Nguyễn Hưng Quốc, trong lúc Mai Thảo khiêng hai chân, chúng tôi khiêng dọc bờ sông phủ hơi ẩm của đêm hè. Chúng tôi khiêng trong im lặng. Không ai nói với ai lời nào. Cho đến khi ra xe, tôi muốn chở Mai Thảo về trước, nhưng ông lắc đầu: "Đưa Quốc về nhà." Gương mặt ông nhăn nhúm vì buồn.

Một lần khác nữa, đi dạo trong nghĩa trang Père La Chaise, tôi với ông bách bộ giữa những dãy thập tự, giữa hàng bia. Mai Thảo bảo tôi dẫn ông đến mộ của Simone de Beauvoir. Tôi không biết ở đâu. Một lát, ông nói tựa truyện *Cái chết sau quá khứ* của tôi hay. Tôi hiểu ông tự biết ông đã trở thành di vật.

Thụy Khuê: Anh gặp Mai Thảo lần chót, năm nào, anh có nhớ?

Trần Vũ: Mùa thu 96, tôi gặp ông lần chót. Ông nằm im trong căn phòng không bật đèn. Đôi mắt nhìn trừng trừng lên trần. Ông không động đậy. Ông giống một xác chết. Tôi nhận ra tức khắc,

tôi đang nhìn một di vật. Thời ông đã đi qua. Thời đại ông biến mất. Sách ông bị thiêu huỷ. Bàn bè ông quá vắng. Ông tồn tại di vật. Phải mất mấy phút tôi mới cất được tiếng chào ông: "Cháu đến thăm bác." Ông gật đầu. Căn phòng trống, chỉ còn mỗi cái tủ lạnh còn sự sống, còn nước đá, còn tiếng máy chạy rù rì. Còn ánh sáng bên trong. Tôi đi rửa ly, đập nước đá, rót đầy hai ly, đặt lên bàn đêm. Lúc xưa tôi hay uống nhanh, rót, uống, rót, có lần ông đùa: "Em phải để cái ly nó nghỉ."

Cuối năm 96, ông bất động, nhìn trừng trừng lên trần vào một chỗ duy nhất. Ngõ hẻm Song Long xế chiều tắt nắng, chúng tôi trò chuyện trong bóng âm. Tôi hỏi ông về Nhất Linh, Mai Thảo nói "Tôi xem cái chết ấy là uổng phí. Vì sao phải chết như vậy. Ông ta có cả một sự nghiệp và còn cả một sự nghiệp chưa hoàn thành."

Tôi không rõ Mai Thảo đang nhắc đến tiểu thuyết *Xóm Cầu Mới* dang dở hay sự nghiệp chính trị của Nhất Linh. Nhưng Mai Thảo không giải thích. "Tôi cho cái chết ấy là uổng." Ông lập lại. Bàn về một cái chết, mà Mai Thảo xem lãng phí, trong lúc chính ông, đang tự huỷ, bằng cách không ăn uống, ngoài rượu. Mai Thảo đợi chết. Đợi chấm dứt kiếp người. Ông muốn chết và bực dọc vì thân chết không làm công việc của mình. Mai Thảo đành chọn cái chết chậm, từ từ. Ông không còn đủ sức đi đứng, không còn sức để lấy rượu dưới gầm giường, đập nước đá, chọn chai nào ngon, căn phòng trống rỗng, tất cả sách báo đã cho hết, văn chương ra khỏi cuộc đời, mà đã nhiều năm ông không còn muốn đọc nữa, chỉ còn những con người, những người bạn, những nhà văn, đã chết, vẫn ở lại. Ông nhắc lạng trà Kỳ Chương của Vũ Hoàng Chương trên Gác bút. Vũ Hoàng Chương pha trước khi đi tù. Chảo rau xào sau bếp đái bạn của Thanh Nam, trên bếp lửa phùng phùng. Chai Jack Daniel's không bao giờ vui của Vũ Khắc Khoan. Chiếc mũ phớt sòn cũ của Cao Lĩnh, ô dù của Dương Nghiễm Mậu, rồi quay về Nhất Linh: "Ông ấy là một nhà văn. Tôi cho cái điều ông ấy muốn luận đề là cũ, nhưng cái ông ấy tả thực, là hay. Em phải học cách tả cái bật lửa, cái cục tẩy..."

Lần nào Mai Thảo cũng dạy tôi từng ấy. Học cách tả cái bật lửa, cái cục tẩy. Những lần trước tôi cãi: "Cháu biết tả nhiều thứ kinh hơn nữa." Những lần trước, Mai Thảo gắt: "Im để tôi nói." Lần này, tôi không đủ can đảm để chọc ông, tôi thấy ông sắp chết, ông nằm thẳng chân như đã nằm trong hòm. Tôi hỏi chuyện, để ông có người trò chuyện. "Bác có nói chuyện với Nhất Linh không?" Tôi từng hỏi ông như vậy. "Sao bác không trò chuyện với Nhất Linh?" Cách đây nhiều năm, ông gắt: "Sợ chết khiếp, không phải như chúng mày bây giờ." Lúc xưa, câu trả lời này làm tôi tức cười. Bây giờ ông im lặng, không gắt, không cáu, nhìn lên trần. Một lúc Mai Thảo trả lời: "Ông ta không nói chuyện với tôi. Chúng tôi cùng viết báo. Cùng viết trên một mặt bàn. Ngồi cạnh. Tôi đọc báo của ông ta làm, tôi biết thất bại. Ông ta không nói chuyện. Tôi cho cái chết ấy là uổng."

Hóa ra Nhất Linh cũng giữ vị trí trường thượng đối với Mai Thảo. Nhất Linh chết, Mai Thảo kế tục. Mai Thảo mất, văn học Việt Nam ở góa trường thượng.

Thụy Khuê: Khi anh viết: phải chặt đứt quá khứ để lên đường là anh có ý muốn chặt đứt với thế hệ Mai Thảo phải không?

Trần Vũ: Không. Khi tôi viết Tàu đã tách bến, đã ra khơi, chất nổ đã ném vào, cò đã phát lên, tôi lập lại những khẩu hiệu của Mai Thảo. Càng sao chép, tôi càng không thể chặt đứt. Tôi đã dùng suy nghĩ của Mai Thảo, văn của Mai Thảo để hô hoán đoạn tuyệt, hô hoán lên đường. Những điều này Mai Thảo đã viết để thủ tiêu Nhất Linh. Nhưng Mai Thảo không thủ tiêu Nhất Linh, ông kế thừa. Đoạn tuyệt là chữ của Nhất Linh. Mà Nhất Linh cũng đã muốn thủ tiêu Phạm Quỳnh, thủ tiêu Hán-Việt, rồi Nhất Linh cũng phải kế thừa. Mai Thảo làm Sáng Tạo lập lại Phong Hoá của Nhất Linh đã muốn chôn Nam Phong. Đến cuối đời Mai Thảo khẳng quyết: "Văn

chương là sự kế thừa." Tôi sớm tin như vậy.

Thụy Khuê: Anh không chặt đứt nữa mà anh thay chặt đứt bằng đoạn tuyệt?

Trần Vũ: Tôi muốn Đoạn tuyệt vì hai chữ Đoạn tuyệt đẹp bất ngờ. Thập niên 80, văn học Việt Nam chết đuối trong hiện thực. Hiện thực Xã hội chủ nghĩa và hiện thực bị Giải phóng. Trong nước Khẩu đội 12 ly 8 của Lê Quốc Chí, Con mắt người trinh sát của Khuất Quang Thụy, Hai ông già ở Đồng Tháp Mười của Nguyễn Khải, Chuyện tổ trinh sát của Bùi Bình Thi... Ngoài nước Cùm đồ của Phạm Quốc Bảo, Màu cỏ uá của Nguyễn Ngọc Ngạn, Thượng uyển bỏ hoang của tôi... Đoạn tuyệt trở nên cần thiết.

Thụy Khuê: Trước khi kết thúc, anh muốn nói điều gì nữa về Mai Thảo?

Trần Vũ: Lúc sinh tiền, Mai Thảo thường nhắc: "Em không dụng chữ cho mục đích phi văn chương. Không chữ ai cả. Văn chương không phải là chỗ cho em bựa. Em không được quyền." Những khi cáu, ông gắt um. Không phải một lần, mà nhiều lần, lời khuyên, mệnh lệnh. Bây giờ Mai Thảo mất rồi, tôi cũng không còn trẻ nữa, nhưng những khi nghĩ đến ông, tôi lại nhớ đến lời dặn này. Hôm qua, bây giờ, tôi vẫn giữ tròn lời hứa với trường thượng của mình.

Thụy Khuê: Xin cảm ơn Trần Vũ.

LTS: Thụy Khuê phỏng vấn cố nhà văn Mai Thảo ba lần trong thập niên 1990, lần đầu là năm 1991, lần thứ nhì là năm 1994, lần cuối cùng là năm 1997, một năm trước khi Mai Thảo qua đời

Buổi nói chuyện thứ nhất với Mai Thảo

Thụy Khuê: Thưa anh Mai Thảo, anh sống ở Cali nhưng mỗi năm anh trở lại Paris một lần vào đúng mùa thu.

Mai Thảo: Mỗi năm tôi thích tới Paris vào mùa thu, trước hết là bởi vì ở bên California, nơi tôi đang sống, có quá nhiều mặt trời, quá nhiều nắng và những địa phương xa mà tôi muốn tới thì tôi không muốn gặp cái nắng mà tôi đã có quá nhiều ở California; thứ hai nữa, cũng hơi có một chút thực tế, đi vào mùa thu thì chi phí chuyến dịch bớt đi, ít hơn là ở mùa mọi người cùng đi du lịch và điểm sau cùng là đối với tôi, Paris đẹp nhất lúc mùa thu tới.

TK: Anh rời nước đã 13 năm, có lẽ hôm nay là lần đầu tiên anh nói chuyện với thính giả trong nước. Người ta thường nói: xa mặt cách lòng.

MT: Cho tôi nói lại, đây không phải lần đầu tiên, đây là lần thứ nhì. Lúc chúng tôi vượt biển tới Hoa Kỳ, chương trình Việt ngữ của đài Tiếng Nói Hoa Kỳ đã mời tôi tới để phỏng vấn, để hỏi chuyện về tình hình Việt Nam. Riêng lần này được nói chuyện ở Paris với đồng bào trong nước, thì cái điều mình ở xa, đương nhiên là có thiệt thòi. Sự khuất cách bao giờ cũng thiệt thòi, bởi vì tôi vẫn cho rằng người ta phải thấy nhau, người ta phải sống cùng với nhau, chứ không thể có một khoảng cách nào hết. Nhưng nói về tâm thức của người nhà văn, và tôi trả lời trong tinh thần như vậy, thì không có sự xa cách nào hết, nếu lúc nào anh cũng bận tâm, anh cũng gắn bó với đời sống và với những cảnh ngộ, hoàn cảnh của giống nòi mình, thì sự không-xa-cách đó tôi cảm thấy rất rõ ở tôi, và ở trong tinh thần viết văn của tôi, trong công việc làm của tôi, bây giờ là tờ báo Văn đã được tục bản ở Hoa Kỳ, tới nay đã 10 năm rồi.

TK: Nếu nhìn lại 20 năm Văn học miền Nam, Sáng Tạo giữ vai trò gì trong nền văn học ấy?

MT: Bây giờ có một số bài viết, một số tờ báo, một số sách nghiên cứu văn học, đặt ra vai trò của Sáng Tạo trong thời kỳ 1956-57, sau cuộc di cư từ Bắc vào Nam năm 1954. Lúc chúng tôi làm tờ Sáng Tạo, chúng tôi không nghĩ chúng tôi có một vai trò nào hết, mà chỉ là chúng tôi thích viết văn và thích tập hợp nhau lại trong một diễn đàn chung, diễn đàn ấy còn mở rộng cho hết thầy mọi người. Tờ Sáng Tạo cũng như những anh em viết thường trực ở Sáng Tạo, lúc đó không tự đặt cho mình một vai trò nào, ngoại trừ một nỗ lực tìm kiếm, khám phá một số chân trời mới cho văn chương; và chúng tôi đã làm công việc đó trong tinh thần không-phải-là-một-vai-trò ở trong sinh hoạt văn học nghệ thuật của lúc bấy giờ. Sau này thì người ta nói đến vai trò, đó là những người khác nói chứ không phải anh em Sáng Tạo khẳng định cho mình một vai trò nào hết.

TK: Anh đã phải chôn tránh, anh đã bị chính quyền Cộng Sản truy lùng, tuy nhiên trước khi ra đi anh cũng đã gặp một số văn nghệ sĩ miền Bắc vào Nam, anh còn giữ những kỷ niệm gì về họ?

MT: Sau năm 1975, trong đợt đầu tiên của những văn nghệ sĩ từ Hà Nội, từ ngoài Bắc vào Nam và có đến tìm gặp tôi, thì tôi có gặp lại một số: Trước hết là một số bạn cũ từ thiếu thời, sau nữa là một số bạn hữu đã có với tôi những sinh hoạt trong 5 năm tôi đi theo cuộc kháng chiến chống Pháp, và một số nữa thì tới gặp tôi có lẽ bởi vì tò mò muốn biết tôi là ai, muốn biết tôi như thế nào. Thế thì ở trong những gặp mặt đó, một số người đã ở hẳn với tôi cả tuần lễ trước khi trở về Bắc. Chúng tôi cùng có một ượng thuận với nhau là không bao giờ đề cập tới những khác biệt về chính kiến hay là về chế độ hết mà chỉ gặp nhau, gặp lại nhau nói chuyện có tính chất bình thường và cố gắng né tránh tất cả những xung đột về ý kiến của mình về vấn đề này, vấn đề nọ. Vấn đề là chúng tôi đã cố gắng né tránh không nói đến miền Bắc và cũng không nói đến miền Nam nữa. Đó là những kỷ niệm, có một số rất đẹp. Tôi nghĩ cũng không nên nhắc tên những người bạn tôi gặp, bởi vì có thể họ sẽ bị phiền phức ở bên nhà, nhưng tôi nhắc đến một người đã mất rồi, chắc cũng không thiệt hại gì cho ai hết: một nhà phê bình văn học tên là Nhị Ca. Anh ấy là người đã phê bình thơ Hồ Chí Minh, hồi ký chiến trường của Võ Nguyên Giáp, phê bình cả thơ của ông Trường Chinh nữa. Anh ấy có nói với tôi là đã phê bình thì phê bình lãnh tụ luôn. Nhị Ca là người bạn rất thân và tôi rất yêu mến, đã đi chơi với tôi một cách rất công khai, không sợ hãi gì ở Sài Gòn lúc bấy giờ, và tôi rất buồn là mới nghe tin Nhị Ca đã chết, hình như một vài năm rồi, bởi vì hồi vào, anh ấy có kể chuyện cho tôi nghe là đã phải sang Bắc Kinh ở đó tới bốn năm, cùng với một số cán bộ cao cấp, để chữa bệnh ho lao và chỉ có mỗi Nhị Ca còn sống sót trở về Việt Nam mà thôi, những người kia đều từ trần ở bệnh viện nào đó ở Bắc Kinh.

TK: Anh còn giữ những kỷ niệm gì về *Đêm Giã Từ Hà Nội*?

MT: Chị muốn nói đến tập truyện đầu tiên của tôi là *Đêm Giã Từ Hà Nội*? Tôi không có kỷ niệm gì nhiều về cuốn sách đó cũng như với tất cả những cuốn sách tôi đã viết, bởi vì tính tôi như vậy, khi tôi đã viết xong một cuốn sách rồi thì coi như công việc đã qua đi. Nhưng cuốn *Đêm giã từ Hà Nội* có gây được một cái bất ngờ là thường thường người viết tác phẩm đầu, chưa có tiếng tăm gì thì khó lòng được ai biết tới, nhưng không ngờ là cuốn *Đêm giã từ Hà Nội* khi viết ra, thì đối với những cuốn sách cùng xuất bản lúc bấy giờ, nó là cuốn sách gây sôi nổi một cách đặc biệt bởi vì có lẽ những người đọc, phần lớn là những người ở miền Bắc và họ còn có một tâm trạng nào đó gắn bó với Hà Nội, cho nên nguyên cái tựa sách đã làm họ chú ý và tìm đọc. Bây giờ cuốn *Đêm giã từ Hà Nội* đã xa nhưng tôi cũng không cho tái bản lại nữa bởi vì tôi nghĩ văn chương tôi lúc bấy giờ còn nhiều điểm non yếu, không thể bằng cái viết đã thành thạo như bây giờ của tôi được.

TK: Những bạn văn cũ của anh bây giờ còn ở trong nước, sống trong hoàn cảnh nào?

MT: Những bạn hữu của tôi ở bên nhà cũng như toàn bộ giới văn học nghệ thuật miền Nam, có một đời sống, nói chung rất điều đưng sau năm 1975, điều đưng về tất cả mọi phương diện, trước hết một phần đáng kể đã bị bắt giữ và lưu đầy tới những trại gọi là trại học tập, họ bị chở ra miền Bắc, tận biên giới Việt Hoa. Trong lúc tù đầy như vậy, thì chị đã có thể hình dung ra được đời sống của gia đình họ ở nhà như thế nào rồi. Là cột trụ gia đình mà bị bưng đi như vậy, trong lúc mưu sinh ở nhà thay đổi hoàn toàn, tất cả đều ở trong vòng kiểm soát của nhà nước hết. Khi những tù nhân, những bạn tôi và những người làm văn học nghệ thuật miền Nam cũng như giới trí thức hay quân đội bị lưu đầy, bị tập trung, thì đời sống họ cũng không có gì là khả quan hơn hết. Ăn thua là ở trong tinh thần của từng người. Có những người tôi rất phục, ở nơi họ, không coi hoàn cảnh ra gì, không coi sự nghèo khổ ra cái gì hết và kể cả họ, cũng không coi những trừng phạt của nhà nước đối với họ là gì cả. Về những tin tức của anh em ở nhà, như Doãn Quốc Sỹ, Tô Thùy Yên, Nguyễn Sỹ Tế, v.v... và một số người nữa, tôi được tin luôn luôn. Một mặt khác, trong thời gian gần đây, ở vùng California có rất nhiều người về thăm lại Việt Nam, tôi thường lợi dụng dịp đó nhờ họ gặp, tiếp xúc hoặc thăm hỏi hoàn cảnh từng người mà tôi muốn biết tin; tin tức tôi được biết về họ rất đầy đủ và liên tục, gần như tháng nào cũng có tin. Riêng trường hợp Thanh Tâm Tuyền được trả tự do và sang Mỹ cũng chưa lâu, sang cùng với vợ con, lúc mới tới ở vùng Lafayette, tiểu bang Louisiana, bây giờ đổi về tiểu bang Minnesota, có người bạn thân của Thanh Tâm Tuyền là nhạc sĩ Cung Tiến đang ở đó. Đời sống Thanh Tâm Tuyền cũng có vấn đề của nó, bởi vì tù đầy về, sức lực suy yếu rồi và tuổi thì không thể gọi là tuổi trẻ được nữa, thành ra việc hợp nhập vào đời sống ở Mỹ cũng có rất nhiều vấn đề đặt ra; nhưng Thanh Tâm Tuyền là người có tinh thần rất vững vàng và những khó khăn đó, Thanh Tâm Tuyền cũng không coi ra cái gì hết và đời sống Thanh Tâm Tuyền ở Minnesota bây giờ rất bình lặng, nếu không muốn nói là khép kín trong gia đình mà thôi.

TK: Anh nghĩ sao về văn học phản kháng trong nước?

MT: Trong cuộc phỏng vấn mới đây cho tờ báo Hợp Lưu của nhóm Nguyễn Khánh Trường, tôi có nói đến văn nghệ phản kháng. Tôi cũng không thể trả lời được gì nhiều bởi vì tôi không theo dõi từ đầu và những tiểu thuyết, những bài viết, những bài báo của những người ở trong khuynh hướng gọi là đối kháng ở Việt Nam bây giờ gửi ra, tôi cũng không đọc được nhiều. Tôi cho là phong trào đối kháng đó có, đáng lý nó phải có từ lâu rồi nhưng có lẽ bởi vì trước kia sự kiểm soát của đảng, của nhà nước gắt gao quá; hay là họ không có tinh thần đối kháng lại chế độ, chính sách của chế độ, lúc ấy họ không có môi trường, không có phương tiện nào để tỏ hiện sự đối kháng của họ ra, mà thời gian gần đây thì họ đã có một số điều kiện để có thể lên tiếng, hay để có thể xuất bản sách không theo đường lối, chính sách của văn chương xã hội chủ nghĩa. Nhưng nói phong trào đối kháng sẽ đi tới đâu thì tôi không rõ bởi vì nếu nhà nước lại thi hành chính sách kiểm soát khắc khổ trở lại thì cái đối kháng ấy có thể bị dập tắt.

TK: Có lần anh nói anh không trở về nữa, cho dù chế độ cộng sản có tan rã, đã lưu vong thì cứ xa thôi, ở xa thôi, vì sao thế anh?

MT: Trường hợp của tôi là trường hợp hơi đặc biệt một chút. Năm 1976 khi nhà nước cộng sản phát động chiến dịch truy lùng, bắt giữ những nhà văn, những người làm báo, làm thơ ở miền Nam, tôi nằm trong danh sách những người bị bắt nhưng tôi là người may mắn đã lọt lưới và đã đi vào đời sống ẩn lánh cho tới ngày vượt biển. Hiện nay, theo như tôi hiểu về trường hợp của tôi, tôi vẫn là người bị truy lùng như thường, bản án của tôi không được hủy bỏ tí nào hết, và nếu tôi về, tới phi trường sẽ bị bắt ngay. Đó là nói nếu tôi muốn về thì cũng không thể nào về được. Còn thì tôi không muốn về nữa bởi vì trong ý nghĩ của tôi, trong nhận thức của tôi, thì chế độ, mặc dầu đã lung lay, nhưng mà nó chưa sụp đổ ngay đâu, như một số người vì lạc

quan hay vì lý do này họ đã tưởng như thế. Riêng về điểm mà tôi cho là chế độ cộng sản còn tồn tại một thời gian nào đó; thì bây giờ tuổi tôi đã lớn, tôi không chờ ngày đó, tôi không thể chờ nổi, hoặc là khi về được thì tôi không còn thấy gì nữa; điều thứ ba là tôi cũng không có gắn bó gì nhiều lắm nữa đối với quê nhà, cha mẹ tôi đã mất sau năm 1975, bạn hữu những người thân thiết nhất, người đã đi được, người chưa, nhưng tôi nghĩ là họ có thể sớm muộn cũng ra khỏi Việt Nam và tôi sẽ gặp lại tất cả ở hải ngoại. Còn gia đình tôi, một số người thân thuộc, các em tôi chẳng hạn, chúng nó đang ở trên con đường, người trước, người sau, đoàn tụ gia đình hết, thành ra tôi không thấy có cái cần thiết nào phải trở về Việt Nam nữa.

TK: Trong tháng qua, Việt Nam có ba nghệ sĩ lớn đã từ trần, hai nhà thơ Lưu Trọng Lư, Hồ Dzếnh và nhạc sĩ Phạm Đình Chương mà anh đã quen, hoặc đã thân trong quá khứ, xin anh nói về họ.

MT: Trước hết là nhà thơ Lưu Trọng Lư và nhà thơ Hồ Dzếnh, có thể nói là tôi có chung sinh hoạt một thời kỳ chứ tôi không phải là bạn thân của họ bởi vì họ thuộc lớp văn nghệ lớp trước, gọi chung là lớp tiền chiến, lúc đó tôi còn rất trẻ và mới bắt đầu khởi sự đi vào văn nghệ mà thôi. Họ là người lớp trước, người nào cũng hơn tôi mười mấy tuổi. Tôi chỉ có sinh hoạt với ông Hồ Dzếnh một cách tình cờ, tôi gặp ở Hưng Yên và ở Hà Nội, lúc ấy tôi đang đi học. Với Lưu Trọng Lư, tôi gặp ngoài kháng chiến, ở Thanh Hóa, ở Khu IV, khi Lưu Trọng Lư từ vùng Bình Trị Thiên đi ra để họp những khóa văn nghệ được tổ chức những năm tôi ở ngoài đó. Tôi không có cảm tình lắm với nhà thơ Lưu Trọng Lư, bởi vì trong thời kỳ tôi gặp, ông ta rất quá khích, những lời, những lập luận, tuyên bố của ông, thái độ của ông ở những đại hội văn nghệ được tổ chức lúc bấy giờ, Lưu Trọng Lư làm ra một tinh thần sát thép, quá khích, tôi không thích cái đó. Rất nhiều người đã không thích. Còn Hồ Dzếnh, trước hết tôi rất yêu thơ Hồ Dzếnh và Hồ Dzếnh là người rất đơn giản, không điệu bộ, kiêu cách gì, mặc dù lúc đó ông ta coi tôi như một đàn em lớp sau mà thôi. Riêng người thân nhất là nhạc sĩ Phạm Đình Chương, tôi không ở trong giới âm nhạc nhưng chúng tôi thích đi chơi, và cảm thấy rất hợp với nhau. Có thể nói là trong 20 năm ở miền Nam, người đi chơi với tôi nhiều nhất không phải là các anh em viết văn mà là một nhạc sĩ, một người đánh đàn, một người soạn nhạc, đó là Hoài Bắc Phạm Đình Chương. Phạm Đình Chương vừa mất là điều đối với tôi rất buồn bã, một đau buồn rất lớn lao, và tôi đã ở bên cạnh Phạm Đình Chương cho tới lúc giải phẫu và cho đến lúc Phạm Đình Chương trút hơi thở cuối cùng.

Buổi nói chuyện thứ nhì với Mai Thảo

Trong lần gặp gỡ ngày 28/8/1994, Mai Thảo đã thay đổi cái nhìn về đất nước, và chúng ta hiểu thêm vài khía cạnh nữa về con người Mai Thảo: luôn luôn nhìn lại chính mình, tôn trọng tự do của người khác, và coi thường sự nghiệp văn chương. Thụy Khuê

Thụy Khuê: Thưa anh Mai Thảo, từ trước đến nay anh vẫn luôn luôn nghĩ là không muốn trở về nước, vậy bây giờ thì sao, thưa anh.

Mai Thảo: Về câu hỏi: "Về Việt Nam?", tôi đã trả lời nhiều lần là tôi không hề có ý định trở về quê nhà, nhưng bây giờ thì tôi có nghĩ với tôi là để xét lại điều đó xem sao, nếu thuận tiện thì tại sao tôi không về thăm Việt Nam được, thăm những bạn hữu hiện còn đang ở Việt Nam và thăm đất nước chúng ta. Tôi bỏ đi đã 16 năm nhưng mà không bao giờ quên.

TK: Với tất cả thay đổi hiện nay về tình hình đất nước, từ việc Mỹ bỏ cấm vận đến việc người Việt Nam ở hải ngoại thường về nước, cái nhìn của anh về đất nước có gì thay đổi không?

MT: Cái nhìn về Việt Nam của tôi nó không được chu đáo cho lắm, nó cũng không được

tường tận cho lắm bởi vì vẫn là nhìn qua một khoảng cách rất xa. Nhưng qua lời thuật lại của một số người đã về Việt Nam, thì tình trạng đã khả quan hơn trước nhiều lắm, dễ thở hơn cho mọi người, kể cả cho những người làm văn học nghệ thuật nữa; và những quốc gia ở trên thế giới, theo tôi, rất muốn Việt Nam được tốt đẹp hơn về mọi mặt, về thể chế, về xã hội, về đời sống, nhiều quốc gia đã đầu tư vào Việt Nam, thì đó cũng là điều rất tốt. Trước kia, khi nghĩ tới Việt Nam là người ta nghĩ đến một chỗ đói khổ, cùng cực, Việt Nam phải khắc định sự đổi khác đang có, đó là Việt Nam hiện nay, năm 1994.

TK: Về giới văn học ở hải ngoại, hôm nay anh có nhận xét gì về họ?

MT: Về lĩnh vực văn chương ở ngoài nước, hình như nhịp viết của hầu hết mọi người đã chậm, đã ngưng lại; chắc Thụy Khuê cũng thấy điều đó, nhất là về mặt sáng tác, cách đây 5, 7 năm hay 3, 4 năm, viết rất khỏe, rất đều đặn, rất sung sức nhưng bây giờ thì bót hẳn đi. Có lẽ một phần vì một số nhà văn, phần lớn là nhà văn nữ, khi đã có một, hai cuốn sách được in ra thì cái viết khựng lại, đó là một lý do mà tôi nhìn thấy. Hai nữa, tôi cho là cũng vì mưu sinh bây giờ hơi khó khăn, có suy thoái kinh tế, cho nên không viết nữa, và một mặt nữa là hình như văn chương bây giờ cũng bót là nhu cầu hàng đầu, mọi người chỉ nghĩ đến vấn đề mưu sinh mà thôi. Và điều cần thiết, điều quan trọng là nhu cầu văn học, nhu cầu hàng đầu, bắt buộc phải trở lại với dân chúng, trở lại với người đọc, nhưng hiện nay thì cái sự trở lại ấy chưa có.

TK: Về việc giao lưu văn hóa, dường như từ trước đến nay anh không đồng ý với quan điểm của những tờ báo như tờ Hợp Lưu, bây giờ thì sao, thưa anh?

MT: Một tờ báo như tờ Hợp Lưu với nội dung và bài vở ở cả trong và ngoài nước là một hình thức báo chí mà tôi không đồng ý. Cái sự không đồng ý đó vẫn còn, bởi vì tờ Hợp Lưu vẫn tiếp tục làm như vậy ngay từ số đầu tiên cho đến bây giờ. Nhưng dần dần tôi thấy, tôi nói rất thành thật, sự không-đồng-ý của tôi nó cũng vậy thôi. Tại sao tờ Hợp Lưu lại không làm cái việc mà Hợp Lưu đang làm, cũng là một diễn đàn anh em cả thì cứ việc mà làm và tôi cũng nghĩ rằng anh em Hợp Lưu cũng phải có tinh thần tự do dân chủ nào đó trong việc thực hiện tờ tạp chí của mình. Điều đó khiến tôi yên tâm, bởi vì không đồng ý thì không đồng ý, nhưng biết đâu điều đó cũng có thể đem lại những sự kiện tốt. Tôi thì tôi chỉ ở trong thái độ của tôi mà thôi, chứ không phải vì tôi không đồng ý mà tôi chê bai hay đã kích những công việc làm - không phải là của Hợp Lưu nữa - mà của những tờ báo khác không giống với ý nghĩ tôi về văn chương hay về thái độ của người làm văn học nghệ thuật đối với thời thế hay đối với đất nước của mình; nhất là bây giờ cửa ngõ quê nhà đã mở ra rất rộng, điều đó tôi cũng biết chứ không phải là tôi không biết.

TK: Những người cầm bút cùng thế hệ với anh hầu hết đều đã ngưng sáng tác hoặc sáng tác rất ít, tại sao vậy?

MT: Những người ở trong lớp tuổi của tôi bây giờ đều đã nhiều tuổi rồi. Tâm trạng chung là muốn nghỉ ngơi. Cách đây ít ngày tôi gặp anh Như Phong, tôi có hỏi anh ấy rằng: Nghe nói bạn nghỉ ngơi một thời gian rồi sẽ viết hồi ký, hồi ký ở trong tù, hồi ký miền Nam, thì Như Phong trả lời là không viết gì cả nữa, bây giờ còn viết gì nữa, nhiều tuổi quá rồi thì thôi, nghỉ. Tâm trạng của Như Phong cũng giống như tâm trạng của một số người không có diễn đàn của riêng mình; nhà văn nào cũng thích có một diễn đàn của riêng mình hoặc của những người thân thiết như những người bạn đường của mình. Vì không có cái đó, gọi như là đất dụng võ của người ta, thì người ta cũng bót muốn tiếp tục lại công việc văn chương. Hai nữa là ở đây, chúng tôi không có sinh hoạt, văn chương đòi hỏi phải có sinh hoạt, phải có gặp nhau, phải có bàn chuyện, phải có bàn tròn, phải có những sinh hoạt chung với nhau rồi bảo

nhau viết, bảo nhau thực hiện một một số báo. Cái sinh hoạt đó ngày xưa ở nhà có. Mỗi nhóm có một sinh hoạt của mình, như tôi cũng có sinh hoạt với anh Nguyễn Sỹ Tế, Thanh Tâm Tuyền, Tô Thùy Yên... Bây giờ đâu còn nữa. Bây giờ thỉnh thoảng gọi điện thoại thăm nhau chứ làm gì có sinh hoạt. Đó cũng là một lý do để cho việc ngồi trước bàn viết của từng người nó bớt đi.

TK: Tại sao anh chưa viết hồi ký?

MT: Tôi không thích viết hồi ký. Trong ý nghĩ của tôi, có thể là một ý nghĩ nó hữu hạn hoặc sai lầm, nhưng mà tôi không muốn viết hồi ký ở nơi tôi cho là đời sống của tôi và đời sống của những người cùng thời với tôi, có những sự việc, những này nọ của văn chương, tôi cho cũng thường thôi. Những việc ấy có một giá trị nào đó khi nó còn. Đại khái như những tờ báo như tờ Sáng Tạo hay tờ Nghệ Thuật tôi làm. Sau đó, tôi cho là những việc ấy đã qua đi thì cũng vậy thôi, cũng không có gì ghê gớm cả. Trong ý nghĩ làm nền cho việc viết hồi ký thì tôi đã nghĩ như vậy rồi, ý nghĩ nằm trong chữ KHÔNG. Không viết [cười]. Không viết. Không viết. Nhưng còn điều nữa, rất thực tế, hồi ký chắc chắn là phải khá dài chứ không thể viết thu gọn lại như một số hồi ký của các nhà văn Pháp, họ viết ngắn, cái đó tôi viết không nổi. Mà dài thì phải kể ra những sự việc này nọ, thập niên 50, thập niên 60, thập niên 70... dù muốn thu gọn thế mấy chẳng nữa thì cũng là khoảng thời gian gần một đời người. Trong lúc đó thì anh phải nhớ lại, anh phải có một số tài liệu để căn cứ vào đó mà viết, thì tôi quên hết rồi, gần như tôi quên hết. Nếu phải đi tìm tài liệu ghi chép lại sự việc này nọ là một việc rất mất công, sức làm việc của tôi bây giờ bớt đi rất nhiều, tôi làm biếng lảm, làm biếng lảm, trở lại nhip làm việc như ngày xưa, đối với tôi, rất khó.

TK: Trong tủ sách của anh, không có quyển nào của anh, tại sao vậy?

MT: Tôi không bao giờ giữ, điều đó đã có ngay từ ở Sài Gòn. Tôi cũng không hiểu tại sao cả. Nhưng những sách của tôi đã được in ra, bao giờ họ cũng tặng cho tác giả một số sách, số sách ấy nhiều khi tôi cho hết sạch đi, tôi không giữ, tôi không muốn giữ cái gì của tôi cả, bảo tại sao thì tôi không trả lời được, nhưng tôi không giữ. Trong chỗ tôi đang ở hiện thời, giá sách không bao giờ có sách của tôi hết. Có người hỏi xin thì tôi lại phải ra tiệm để lấy cuốn sách nếu muốn biếu người ta. Những cái mình viết ra thì cứ để cho nó cầm bằng theo gió bay đi. Có lẽ tôi thích thế. Đối với riêng tôi, nhiều khi nhảm lảm, là vì sách vở của mình, mình không giữ thì còn ai giữ cho mình nữa, nhưng tôi thản nhiên khi không có cuốn sách nào của tôi ở cạnh mình hết, hình như nó lại đem cho tôi một sự nhẹ nhõm nào đó.

TK: Thế có nghĩa là anh không bao giờ đọc lại những điều mình viết?

MT: Đọc lại thì không. Tôi nói thế này không phải là một sự nhũn nhặn đâu, tôi nói thành thật đó: tôi cho là những điều tôi viết ra thì cũng vậy thôi, cũng không có gì đáng kể cho lắm. Nhiều khi mình cũng khôn lảm chứ, đọc lại nhiều khi mình thấy dở chết đi! [cười] ... sao ngày xưa lại viết lách như thế này! [cười] Chẳng hạn vậy. Thế thì không đọc lại thì không có chuyện gì! [cười] Không có chuyện gì!

TK: Thì cũng phải có một vài cuốn sách anh thích chứ?

MT: Gọi là có những cuốn sách tương đối được hơn những cuốn khác, một người không bao giờ cho mình là đã đạt tới một mức độ nào đó, thì ở tôi là sự không bao giờ tôi thích những cuốn sách tôi viết ra. Những cái tôi viết ra, cho là nó có may mắn vì có người đọc; có thời kỳ tôi được coi là một trong những tác giả có sách nhiều người đọc nhất, tôi vẫn nghĩ là có một may mắn nào đó mà thôi.

TK: Thì cũng phải có những cuốn mà anh cho là được chứ?

MT: Cái cho là được thì nó không phải do tôi mà là do người khác, do người đọc, hay bạn hữu. Đại khái như, tôi cũng rất ngạc nhiên, là tập thơ Tôi thấy hình ta những miếu đền, tôi làm thơ chơi thôi, buồn thì làm thơ, ban đêm uống rượu, chưa ngủ làm thơ chơi. Bất đồ có anh nhà xuất bản Văn Khoa, nói là: Tôi rất thích những đoạn thơ ngắn của ông, ông cho chúng tôi xuất bản. Tôi bảo thơ bán gì được mà xuất bản. - Không, kệ tôi, ông cứ bằng lòng cho chúng tôi xuất bản, chúng tôi trả bản quyền như một cuốn truyện của ông vậy. Thế thì cuốn thơ được in ra và tôi cũng ngạc nhiên là nó được rất nhiều người yêu mến. Thì cái được, cái khá cũng không phải ở tôi, tôi ngạc nhiên cơ mà. Đại khái như tập thơ hay một số truyện trong thời kỳ trẻ tuổi của tôi, gọi là lối viết mới, lúc bấy giờ không ai viết như vậy, rồi thì nó... lãng mạn là vì lúc đó người ta yêu thích điều đó nhất. Thụy Khuê phải nhớ là trong chiến tranh, tinh thần lãng mạn của con người nó càng tăng lên để chống lại những thảm kịch, những khốc liệt thời chiến. Thì có một số truyện được, do tôi tính bằng con số là những nhà xuất bản đã tái bản rất nhiều lần như tập Sống chỉ một lần, tái bản lại đến 5 lần, hay tập Để tưởng nhớ mùi hương, 4 lần. Thế thì điều tôi vừa trả lời, cái được là do người đọc, do bằng hữu, do những nhà phê bình nói là cuốn này được hơn cuốn này, khá hơn cuốn nọ, chứ tôi thì tôi thấy sách của tôi thường thôi.

TK: Hình như là anh không thích giới phê bình văn học, anh không thích những người viết phê bình?

MT: Có chứ! Tại sao lại không bởi vì nếu không có [phê bình] thì chẳng có văn học nào có hết. Người viết phê bình có một vai trò rất quan trọng trong văn học, trong văn chương của tất cả mọi quốc gia và của bất cứ thời nào. Nhưng viết phê bình có thẩm quyền và có uy tín là lại một chuyện khác. Theo tôi người phê bình ở trước người nhà văn là do trí tuệ tiên phong hay do kiến thức về văn học, nhiều khi người sáng tác không có, họ chỉ có năng khiếu về viết văn thôi, chứ kiến thức nằm ở người phê bình văn học. Ta đã thấy chữ phê và chữ bình trong đó, việc phê bình đến nơi đến chốn rất khó chứ không phải là dễ.

Lần trò chuyện cuối cùng với Mai Thảo

Tháng 7 năm 1997, chúng tôi sang Mỹ, lại thăm Mai Thảo, có câu chuyện văn chương dang dở với ông. Nay đọc lại những ghi chép thấy cũng nên in ra. Đây là những ý kiến cuối cùng của Mai Thảo về đời sống văn học mà chúng tôi ghi nhận được.

Thụy Khuê: Những tờ báo mà anh đã làm, thì anh có một chủ trương nào chính xác không?

Mai Thảo: Những tờ báo mà tôi đã chủ trương thì nó là cái giàn phóng, cái plate-forme, cái tribune commune, nói chung là như vậy, tụ họp mọi người lại đây để cho có một chỗ đất đứng rồi thì anh muốn làm gì thì làm. Nó chỉ là một chỗ départ, một chỗ để khởi hành. Bây giờ nếu tôi khoẻ trở lại thì tôi cũng làm y như vậy. Làm một chỗ để đứng. Tôi rất yêu cái tinh thần, tinh thần thật ở Pháp. Camus. Bon. Sartre. Bon. Tôi chịu ảnh hưởng của mấy người đó. Khi sang Paris tôi hay ngồi ở Flore, Aux Deux Magots ở Saint-Germain-des-Prés. Tôi ngồi chỗ ngày xưa hai người đó ngồi. Tôi cho là họ rất hay. Thành ra tờ Sáng Tạo mới có những tiểu đề ở dưới gọi là Dẫn đàn văn học nghệ thuật hôm nay - aujourd'hui, chứ không có hiện đại gì cả.

TK: Hôm nay khác hiện đại như thế nào?

MT: Hôm nay là bây giờ. Là cái mình đang sống. Mình không nói cái bây giờ thì nói cái gì?

Nhưng nói như vậy thì nó có cái chướng, thành ra người ta ghét mình. Bọn ghét nó gọi chúng tôi là bọn Kiều binh Tam phủ (người dùng cái danh từ này là Nguyễn Tuân, để chỉ một đám người khác). Nhưng mà bọn vua Lê, chúa Trịnh nó nói như vậy là nhằm.

TK: Bọn vua Lê chúa Trịnh là ai?

MT: Miền Trung.

TK: Tại sao?

MT: Tại vì họ không có bản chất để hiểu.

TK: Nhưng họ có đọc các anh không?

MT: Đọc mà không vào thì sao?

TK: Thế còn những người ở miền Nam ?

MT: Những người ở miền Nam, tôi cho rằng tới lúc nào Thụy Khuê để ý thì sẽ thấy không ai bằng Bình Nguyên Lộc. Có những người như Hồ Hữu Tường hay Tam Ích thì họ quá là politique. Bình Nguyên Lộc đóng vai trò của người viết tiểu thuyết. Còn Hồ Biểu Chánh thuộc thế hệ trước rồi, mình không hiểu được.

TK: Thế còn Võ Phiến?

MT: Võ Phiến cũng có chỗ được chỗ không được. Đại khái như phê bình văn học, đối với tôi thì không được. Văn học miền Nam tổng quan đó thì không được. Thơ dở. Tạp văn hay.

TK: Anh nghĩ sao về Vũ Khắc Khoan? Anh hay đi chơi với Vũ Khắc Khoan lắm phải không?

MT: Vũ Khắc Khoan thật là nghệ sĩ. Nghiêm Xuân Hồng và Vũ Khắc Khoan thì cứ phải dùng tiểu tư sản để đánh bọn cộng sản. Nhưng mà đâu có đánh được (cười)! Đi chơi ở Sài Gòn thì chỉ đi với Mai Thảo, chẳng đi với ai cả. Nhưng chúng tôi cũng chẳng là cái gì ghê gớm cả. Lúc nó chết, tôi có bay sang đưa đám nó. Tôi buồn lắm. Nó cũng giải phẫu hai lần rồi nó chết. Nó đùa nghịch chứ không đứng đắn gì cả.

TK: Hình như lúc đó anh nhiều tiền lắm, anh tiêu vung lên, anh bao bạn bè?

MT: Những bạn văn khác, thường thường họ phải đi dạy học để đưa tiền cho vợ con. Tôi chỉ đi chơi với Phạm Đình Chương, Vũ Khắc Khoan. Thường thường tụi nó không có tiền, không có phương tiện để đi chơi đêm, tôi thì lúc đó nhiều tiền lắm. Tôi best-sellers mà!

TK: Sáng Tạo thành lập bằng tiền của ai?

MT: Bằng cái hợp đồng tôi ký với một thằng Mỹ ở Virginia, không biết bây giờ sống chết thế nào. Đó là cái hợp đồng bán báo, không có điều gì cần giấu diếm hết, đại khái nếu mình in 5000 tờ, thì nó mua đứt cho mình 2000, vừa đủ tiền in, tiền giấy, không có cái nghĩa gì khác hết, và cũng không có điều kiện gì khác hết.

TK: Anh best-sellers từ lúc nào?

MT: Ngay từ cuốn đầu "Đêm già từ Hà- nội". Lúc đó không phải cuốn sách về nghệ thuật viết mà là cuốn sách chống Cộng cho nên các cơ quan quân đội nó mua để phát cho lính, rồi thì cứ từ đó mà lên... sách Mai Thảo nổi danh như cồn!

TK: Rồi anh trở thành biểu tượng của giới trẻ?

MT: Vừa biểu tượng của giới trẻ, vừa chống Cộng nữa. Mình bèn thôi, mình không chống Cộng nữa, mình biên truyện tình thôi.

TK: Tại sao anh không chống Cộng nữa?

MT: Bởi vì chúng nó cứ bảo mình là xịa (cười)!

TK: Tiểu thuyết của anh ăn khách vì sao?

MT: Hoàn toàn có mục đích viết cho độc giả bình dân coi với những truyện tình tay ba.

TK: Anh có tiếc gì không?

MT: Không bao giờ tôi tiếc cái gì cả. Đối với tôi những cái tôi viết ra không có cái nào được cái nào không được cả, đại khái hết.

TK: Anh đọc gì?

MT: Lecture thì nó lung tung lắm. Bởi vì mình không chủ trương đi theo văn học Pháp gì cả. Bạ cái gì mình đọc cái đó mà thôi.

TK: Về cái ảnh hưởng, cái khuynh hướng, anh có thấy ngay không?

MT: Thấy chứ. Thấy ngay chứ. Thanh Tâm Tuyền là người thơ. Còn tôi chỉ là người romancier, có người đọc. Có nhiều người thích đọc.

TK: Thanh Tâm Tuyền ra hải ngoại thì sao?

MT: Bình thường.

Đến đây có khách đến thăm Mai Thảo, câu chuyện tạm ngừng, định hôm sau tiếp tục, nhưng rồi bất chợt sức khoẻ ông kém đi nên câu chuyện bỏ dở.

”Em đã hoàng đường từ cổ đại”

Bùi Bảo Trúc

Năm mươi ba năm trước, một thiếu nữ 15 tuổi vừa từ già tuổi thơ, vừa mới có những chiếc áo dài đầu tiên, mái tóc gọn một chút sóng như mặt nước Hồ Gươm những ngày thu, một chút son môi, và vừa mới bắt đầu làm người lớn chưa được bao lâu, đã phải làm một cuộc chia tay với rất nhiều nước mắt, bỏ lại Hà Nội, nơi cô ra đời và sống những năm thơ ấu, già từ và vĩnh biệt người cha để đáp một chuyến máy bay đi Nam .

Cũng thời gian ấy, một người đàn ông trẻ, chưa tới tuổi ba mươi vừa hoàn tất những truyện

ngắn đầu tay, ngồi xuống viết thêm một truyện ngắn khác để in vào tập truyện đánh dấu chuyến đi xa ấy. Truyện ngắn kể những bản khoả, những suy nghĩ quẩn quanh của đêm cuối ở thành phố Hà Nội. Ông đặt cho truyện ngắn đó một cái tựa đọc lên đã thấy đẹp: *Đêm Giã Từ Hà Nội*. Rồi ông dùng ngay cái tựa *Đêm Giã Từ Hà Nội*, để đặt tên cho tập truyện ngắn đầu tay xuất bản ở Sài Gòn.

Trong chuyến di cư năm 1954, những người ở Hà Nội bỏ thành phố này ra đi đều có những tâm trạng loay hoay, hồi hộp, lo sợ, hoang mang như cô thiếu nữ và những bản khoả có phần chín chắn hơn, cũng rất nhiều suy nghĩ về chuyến đi tới một nơi chốn chưa bao giờ mừng tượng ra được của người đàn ông.

Tất cả đều có một đêm giã từ Hà Nội.

Người đàn ông ấy trở thành một nhà văn nổi tiếng ở miền Nam, sống suốt một đời với sách vở, văn chương. Người đàn ông ấy là Mai Thảo.

Và người thiếu nữ ấy, ở Sài Gòn, cũng trở thành một tên tuổi, một khuôn mặt rất nhiều người biết trong những năm kế tiếp. Đó là Kiều Chinh.

Họ cùng khởi đi từ Hà Nội, cùng sinh hoạt với văn học và nghệ thuật ở Sài Gòn.

Hai người đi hai con đường khác nhau, nhưng thỉnh thoảng họ gặp nhau. Hai người có hai cuộc sống rất không giống nhau. Người đàn ông sống suốt một đời không gia đình cho đến lúc chết, chỉ có bạn bè và văn chương. Người phụ nữ có gia đình, con cái và điện ảnh.

Rồi nhiều năm sau đó, họ gặp lại ở một nơi cách xa Hà Nội, và cách xa Sài Gòn nhiều ngàn cây số.

Hoàn cảnh hoàn toàn đổi khác.

Đi chơi với Mai Thảo nhiều, bạn bè đều biết người ông yêu ai. Nhiều người biết điều đó. Chúng tôi tôn trọng cả hai. Không người nào nói ra, nhắc tới, xác nhận hay kể về chuyện của họ.

Như một câu thơ của Thanh Tâm Tuyền :

...Không ai biết chúng ta yêu nhau...

Hai người vẫn có những đời sống đi song song với nhau. Hai con đường sắt không bao giờ gặp nhau.

Mai Thảo có một tập thơ trong những năm cuối của đời sống, tập *Ta Thấy Hình Ta Những Miếu Đèn*.

Trong đó có một bài thơ mà người đọc thấy hết như đoạn viết ngắn về tập thơ của ông in trên bìa sau của cuốn thơ : "*Thơ, với ông trọn đời như một tình yêu thâm kín, tới cuối đời mới chịu phơi bày ra ánh sáng.*"

Mai Thảo viết văn xuôi, nhưng người ta vẫn thấy ẩn hiện những bài thơ. Ông sống một đời sống rất một mình, nhưng đằng sau, người ta vẫn thấy hình ảnh một mối tình. Kín đáo, bí mật và lặng lẽ.

Bài *Em Đã Hoang Đường Từ Cổ Đại* càng đọc, người ta càng thấy người phụ nữ ông yêu hiện ra rõ nét hơn.

Tôi tin ông viết bài thơ ấy cho một người mà tôi nghĩ là tôi có thể đoán được.

Nhưng mấy lần hỏi ông viết bài thơ ấy cho ai, ông đều lảng sang chuyện khác.

Ông không trả lời, không xác nhận bài thơ ấy viết cho ai, nhưng chúng tôi nghĩ chúng tôi đoán khá đúng.

Có một khoảng cách tuổi tác giữa ông và người ông nhắc đến trong bài thơ, một khoảng cách mười mấy tuổi :

*Em đủ mười phương từ tuổi nhỏ
Ngần ấy phương anh tới tuổi già
Tuổi ư? Hồn vẫn đầy trăm gió
Thối suốt đêm ngày cõi biếc ta*

Ngày rời Hà Nội, Mai Thảo đã gần ba mươi. Người phụ nữ ấy cùng tuổi với cô gái đi chùa Hương của Nguyễn Nhược Pháp.

Ông gặp cô trong một hoàn cảnh muộn màng. Những con đường đều không dẫn được hai người đi tới nơi mà họ muốn tới. Con đường toàn những ngã rẽ để chỉ tới những khúc không lối ra khác :

*Con đường thẳng tắp con đường cụt
Đã vậy từ xưa cái nghĩa đường
Phải triệu khúc quanh nghìn ngã rẽ
Mới là tâm cảnh đến mười phương*

Và sau những khúc quanh và những ngã rẽ, họ gặp nhau. Lúc ấy, nhìn lại, người làm bài thơ nhìn ra được rõ hai người. Cái căn phận không mấy tử tế đẩy họ lại gần nhau mà vẫn rất nhiều xa cách :

*Em đã hoang đường từ cổ đại
Anh cũng thân tiên tự xuống đời
Đôi ta một lứa đôi tài tử
Ngự mỗi thiên thần ở mỗi ngôi*

Ở khúc cuối của con đường, tìm lại được nhau thì đúng như tựa của một cuốn sách ông viết, mượn từ một câu thơ Đinh Hùng : *Cũng đủ lãng quên đời.*

Hạnh phúc là ở đó. Ông thấy được hạnh phúc trong lòng của hai người. Họ không bao giờ gần hơn lại. Nhưng họ cũng không thể xa nhau thêm. Cái bất hạnh của một xa cách vĩnh viễn thì lại chính là hạnh phúc của chuyện không mất nhau :

*Đừng khóc dấu mưa là nước mắt
Đừng đau dấu đá cũng đau buồn
Tâm em là Bụt, tâm anh Phật
Trên mỗi tâm ngời một nhánh hương*

Đó là bài thơ Mai Thảo viết cho Kiều Chinh.

Lúc hạ huyết người đàn ông ấy, tôi hỏi Kiều Chinh có phải bài *Em Đã Hoang Đường Từ Cổ Đại* Mai Thảo viết cho cô không, và trước khi những năm đất cuối cùng được ném xuống, cô đã gạt đầu.

Tôi thấy có những giọt nước trên mắt.

28-9-2007

(trích *Thư Gửi Bạn Ta*)

Phụ đính:

Mai Thảo với thất ngôn



Tượng Ưu Đàm
Mai Thảo

Mai Thảo. Một cái tên đồng nghĩa người đầu đàn tiên phong của tạp chí Sáng Tạo, người đã đi qua “Tháng Giêng Cổ Non”, đi qua chặng đường dài văn xuôi đồ sộ: Truyện ngắn, tùy bút, truyện dài; cuối cùng nhà văn trở về ăn nằm với thơ, trò chuyện với chính mình, trở về khi tuổi đã tới, trở về đồng dạng cùng tiền nhân với cấu trúc thất ngôn hương vị đậm nét cổ phong, vẫn mang hơi thở đương đại từ nội lực tiềm ẩn điều mới mẻ. - Vũ Trọng Quang

Không tiếng

Sớm ra đi sớm hoa không biết
Đêm trở về đêm cảnh không hay
Vàng trắng đôi lúc tìm ra dấu
Nơi góc tường in cái bóng gầy

Dỗ bệnh

Mỗi lần cơ thể gây thành chuyện
Ta lại cùng cơ thể chuyện trò
Dỗ nó chớ gây thành chuyện lớn
Nó nghĩ sao rồi nó lại cho

Bệnh ở trong người thành bệnh bạn
Bệnh ở lâu dài thành bệnh thân
Gối tay lên bệnh nằm thanh thản
Thành một đôi ta rất đá vàng

Trên bus

Đường xa hun hút ngủ gà gật
Nhân gian cũng gà gật theo đầu
Lúc cùng tỉnh thức cùng đi xuống
Lại hiện nguyên hình khối ngọc đầu

Thung lũng hoa vàng San Jose

Xe đổ đèo đêm xuống lũng xa
Vàng đâu? Chỉ thấy tối thui và
Hoa đâu ngàn cánh nào đâu lũng
Tiếng hỏi tan vào tiếng gi ó ma

Park

Suối ở giữa rừng, rừng giữa suối
Rừng mênh mông lặng suối ào tuôn
Cả hai đều rất là thân thiết
Vội buổi chiều ta giữa lối buồn

Trước tượng

Cha khổ hình trên gỗ đóng đinh
Nghìn sau tôi tới đứng im nhìn
Thấy trưa thả bóng từ thân tượng
Xuống nói vai mình thánh giá in